

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

NGUYỄN THỊ YẾN NHI

**PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP
TẠI HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG**

LUẬN VĂN THẠC SĨ DU LỊCH

Hà Nội – 2026

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

NGUYỄN THỊ YẾN NHI

PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP
TẠI HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Chuyên ngành: Du lịch

Mã: 8.81.01.01

LUẬN VĂN THẠC SĨ DU LỊCH

Người hướng dẫn khoa học: TS. Vũ Hương Lan

Hà Nội – 2026

LỜI CAM ĐOAN

Tôi, Nguyễn Thị Yên Nhi cam kết rằng đề tài luận văn “*Phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang*” là công trình nghiên cứu do tôi thực hiện độc lập dưới sự hướng dẫn giáo viên hướng dẫn TS. Vũ Hương Lan. Tôi xin khẳng định rằng luận văn này không vi phạm bất kỳ quy định nào về đạo đức học thuật và trung thực trong nghiên cứu. Mọi nội dung, phương pháp nghiên cứu, dữ liệu và kết quả trong luận văn đều được tôi thu thập và xử lý một cách khách quan, không có bất kỳ sự sao chép hay gian lận nào. Tôi cam kết rằng các tài liệu tham khảo sử dụng trong luận văn đều được trích dẫn đầy đủ và chính xác theo đúng quy định của hệ thống trích dẫn học thuật bao gồm: tên tác giả, tên công trình và nguồn gốc rõ ràng. Tất cả số liệu và kết quả nghiên cứu đều được xác thực từ các nguồn đáng tin cậy và có tính minh bạch cao. Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về tính chính xác của mọi thông tin, dữ liệu trong luận văn này.

LỜI CẢM ƠN

Trước hết tôi xin gửi lời biết ơn sâu sắc đến TS. Vũ Hương Lan – giảng viên hướng dẫn, người đã tận tâm hướng dẫn, chỉ bảo và cung cấp cho tôi những kiến thức quý báu trong suốt quá trình nghiên cứu. Sự tận tình và sự hỗ trợ chuyên môn của cô đã giúp tôi vượt qua nhiều khó khăn và hoàn thành luận văn một cách tốt nhất.

Tôi cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành đến quý thầy cô trong Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Hà Nội. Những người đã truyền đạt cho tôi kiến thức quý giá và tạo dựng nền tảng vững chắc cho nghiên cứu của tôi. Sự tận tâm và nhiệt huyết của các thầy cô không chỉ giúp tôi phát triển về chuyên môn mà còn là nguồn cảm hứng lớn lao trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu.

Đặc biệt tôi xin gửi lời cảm ơn đến gia đình, bạn bè và những người thân yêu đã luôn ủng hộ, động viên và tạo cho tôi sự tự tin trong suốt quá trình học tập và nghiên cứu. Những lời khích lệ của họ là nguồn động lực lớn lao giúp tôi vượt qua mọi thử thách.

Cuối cùng tôi xin gửi lời cảm ơn đến tất cả những người đã tham gia và hỗ trợ tôi trong công tác khảo sát và thu thập thông tin cũng như các chuyên gia, đối tác đã cung cấp những ý tưởng quý giá giúp tôi hoàn thiện luận văn này.

Xin trân trọng cảm ơn !

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
LỜI CẢM ƠN	ii
MỤC LỤC.....	iii
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	vi
DANH MỤC BẢNG BIỂU	vii
DANH MỤC HÌNH	viii
MỞ ĐẦU	1
1. Lý do chọn đề tài	1
2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu	3
3. Câu hỏi nghiên cứu	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	4
5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài	5
6. Bố cục luận văn	6
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN	7
1.1 Tổng quan nghiên cứu	7
1.1.1 Các nghiên cứu về du lịch nông nghiệp	7
1.1.2 Các nghiên cứu về sản phẩm du lịch nông nghiệp	9
1.1.3 Các nghiên cứu về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp	11
1.1.4 Các nghiên cứu về phát triển du lịch huyện Lục Ngạn và sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn	13
1.1.5 Khoảng trống nghiên cứu.....	16
1.2 Cơ sở lý luận	18
1.2.1. Các khái niệm cơ bản.....	18
1.2.2 Điều kiện phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp	25
1.2.3 Vai trò của phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp	30
1.2.4 Các lý thuyết liên quan đến phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp	32
1.2.5. Đề xuất khung nghiên cứu	36
Tiểu kết chương 1.....	46

CHƯƠNG 2: BỐI CẢNH VÀ THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU	47
2.1 Bối cảnh nghiên cứu	47
2.1.1 Khái quát về huyện Lục Ngạn	47
2.1.2 Điều kiện phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp huyện Lục Ngạn.....	50
2.2 Thiết kế nghiên cứu	55
2.2.1 Quy trình nghiên cứu	55
2.2.2 Phương pháp nghiên cứu	57
Tiểu kết chương 2.....	67
CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU	68
3.1 Thực trạng cung sản phẩm DLNN tại huyện Lục Ngạn.....	68
3.1.1 Tài nguyên du lịch nông nghiệp.....	68
3.1.2 Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật	72
3.1.3 Dịch vụ du lịch nông nghiệp.....	73
3.1.4 Nhân lực du lịch nông nghiệp.....	79
3.2 Thực trạng cầu sản phẩm DLNN tại huyện Lục Ngạn	82
3.2.1 Tổng quan mẫu khảo sát và đặc điểm đối tượng nghiên cứu	82
Cơ cấu theo giới tính.....	82
Cơ cấu độ tuổi	83
Cơ cấu nghề nghiệp.....	84
Cơ cấu theo nơi cư trú.....	85
Cơ cấu theo trình độ học vấn	86
3.2.2 Kết quả khảo sát.....	88
3.2.2.1 Mức độ nhận thức về sản phẩm du lịch nông nghiệp	88
3.2.2.2 Động cơ về sản phẩm du lịch nông nghiệp.....	89
3.2.2.3 Sự hài lòng về sản phẩm du lịch nông nghiệp	91
3.2.2.4 Ý định hành vi trong tương lai.....	92
3.3 Thực trạng các yếu tố hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.....	94
3.3.1 Chính sách.....	94

3.3.2 Xúc tiến, quảng bá	96
3.4 Đánh giá chung	100
3.4.1. Những kết quả đạt được	100
3.4.2. Tồn tại và nguyên nhân.....	103
3.4.3 Khoảng cách giữa cung và cầu	107
Tiểu kết chương 3.....	109
CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI LỤC NGẠN	110
4.1 Căn cứ đề xuất	110
4.1.1 Căn cứ chiến lược phát triển du lịch Việt Nam	110
4.1.2 Căn cứ chiến lược phát triển du lịch của xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh	111
4.1.3 Căn cứ dựa trên kết quả nghiên cứu	112
4.2. Đề xuất giải pháp	113
4.2.1. Nhóm giải pháp đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị trải nghiệm du lịch nông nghiệp.....	113
4.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cộng đồng địa phương	114
4.2.3. Nhóm giải pháp tăng cường liên kết trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp.	116
4.2.4. Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp.....	118
4.3 Hàm ý chính sách.....	119
Tiểu kết chương 4.....	120
KẾT LUẬN	122
TÀI LIỆU THAM KHẢO	124
PHỤ LỤC 2.....	139
PHỤ LỤC 3.....	141
PHỤ LỤC 4.....	143
PHỤ LỤC HÌNH ẢNH	147

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

Viết tắt	Tiếng Việt	Tiếng Anh
DLNN	Du lịch nông nghiệp	Agricultural tourism
DN	Doanh nghiệp	Enterprise
HTX	Hợp tác xã	Cooperative
KDL	Khu du lịch	Tourist area
ND	Người dân	Local residents
SPDL	Sản phẩm du lịch	Tourism product
SPDLNN	Sản phẩm du lịch nông nghiệp	Agricultural tourism product
UBND	Ủy ban nhân dân	People's Committee
VHTTDL	Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Culture, Sports and Tourism
WTO	Tổ chức Du lịch Thế giới	World Tourism Organization

DANH MỤC BẢNG BIỂU

Bảng 1.1: Tổng quan các nghiên cứu về du lịch tại huyện Lục Ngạn và tỉnh Bắc Giang	14
Bảng 1.2: Tóm tắt khái niệm sản phẩm du lịch	20
Bảng 1.3: Tóm tắt các lý thuyết	32
Bảng 1.4: Các yếu tố ảnh hưởng tới phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp	38
Bảng 2.1: Danh sách đối tượng tham gia phỏng vấn sâu.....	59
Bảng 2.2 Bảng tiêu chí và thang đo các yếu tố phía cầu của khách du lịch	63
Bảng 3.1: Mùa vụ của một số loại trái cây tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn.....	68
Bảng 3.2 : Một số Hợp tác xã cung cấp sản phẩm du lịch nông nghiệp tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn (cũ).....	73
Bảng 3.3 Mức giá tham khảo của một số nhóm dịch vụ du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn	77
Bảng 3.4 Tổng hợp nhân lực du lịch nông nghiệp tại một số Hợp tác xã tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn	80
Bảng 3.5: Cơ cấu mẫu khảo sát theo giới tính	82
Bảng 3.6: Cơ cấu mẫu khảo sát theo độ tuổi.....	83
Bảng 3.7: Cơ cấu mẫu khảo sát theo nghề nghiệp	84
Bảng 3.8: Cơ cấu mẫu khảo sát theo nơi cư trú	86
Bảng 3.9: Cơ cấu mẫu khảo sát theo trình độ học vấn.....	87
Bảng 3.10: Mức độ nhận thức của du khách về sản phẩm du lịch nông nghiệp.....	88
Bảng 3.11: Động cơ của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp.....	89
Bảng 3.12: Sự hài lòng của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp	91
Bảng 3.13: Ý định hành vi trong tương lai của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp	93
Bảng 3.14. Một số hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn giai đoạn 2019–2025	97

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Mô hình Lý thuyết nền kinh tế trải nghiệm	33
Hình 1.2: Mô hình Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB)	34
Hình 1.3: Khung lý thuyết phát triển sản phẩm du lịch mới của Santos et al. (2020).....	35
Hình 1.4: Mô hình phát triển sản phẩm du lịch mới	36
Hình 1.5: Sơ đồ khung phân tích phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp	37
Hình 2.1: Bản đồ du lịch huyện Lục Ngạn (cũ).....	51
Hình 2.2: Quy trình nghiên cứu	57

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Trong bối cảnh ngành du lịch Việt Nam đang hướng tới phát triển theo hướng bền vững việc khai thác các loại hình du lịch gắn với nông nghiệp, nông thôn được xem là xu hướng phù hợp với điều kiện tự nhiên, xã hội của nhiều địa phương. Sự tích hợp giữa du lịch, nông nghiệp và đời sống nông thôn đã tạo nên một sự kết hợp hấp dẫn. Dưới góc độ vĩ mô DLNN được hầu hết các nước trên thế giới quan tâm thúc đẩy nhằm phát triển nông thôn bền vững, đóng góp vào đa dạng hóa nền kinh tế khu vực nông thôn, bảo tồn văn hóa và tăng thu nhập cho cộng đồng bản địa (Turtureanu et al., 2025). Còn dưới góc độ vi mô DLNN ở mỗi quốc gia lại có lịch sử hình thành, sự đa dạng và cách thức triển khai khác nhau.

Khai thác tiềm năng to lớn của du lịch đã trở thành trọng tâm của kế hoạch phát triển kinh tế ở cả các nước phát triển và đang phát triển những nơi ngày càng có sự công nhận về tiềm năng giữa du lịch và nông nghiệp (Torres, R & Momsen, 2011). Không chỉ vậy du lịch còn mang lại tiềm năng thúc đẩy phát triển nông nghiệp địa phương thông qua các mối liên kết cho phép nông dân địa phương cung cấp nhu cầu thực phẩm cho các cơ sở du lịch (Torres & Momsen, 2004). Hội đồng Liên Minh Châu Âu khuyến khích phát triển DLNN như một chiến lược để tăng cường du lịch bền vững (Council of the European Union, 2006). DLNN không những giúp nâng cao giá trị sản phẩm của nông dân (Nilsson. P.A, 2002) mà còn tạo cơ hội cho du khách trải nghiệm, tiếp xúc trực tiếp với khu vực nông thôn, cảnh quan thiên nhiên thôn quê, truyền thống và phong tục nông nghiệp (Contini et al, 2009). Hơn nữa DLNN có khả năng làm giảm sự bất ổn trong sinh kế hộ gia đình bằng cách bổ sung thu nhập tăng thêm và tạo cơ hội việc làm ở khu vực nông thôn (Balasundaram, Shamshiri, Sridhara, & Rizan, 2023).

Việt Nam là một quốc gia có nền văn hóa nông nghiệp lâu đời tuy nhiên mỗi vùng miền, địa phương lại có điều kiện phát triển, đặc trưng văn hóa nông nghiệp khác nhau đã tạo nên sự khác biệt và độc đáo riêng biệt có thể khai thác tạo nên các SPDLNN thu hút du khách trong nước và quốc tế. Chính vì vậy mới đây trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam định hướng du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp,

nông thôn là một trong 5 dòng sản phẩm chủ đạo (Đoàn Mạnh Cường, 2020). Các mô hình kết hợp du lịch và trải nghiệm như: tham quan trang trại, vườn cây ăn trái, tham gia các hoạt động sản xuất nông nghiệp truyền thống ngày càng phổ biến (Wu & cs, 2022). Tiêu biểu cho hình thức DLNN có thể kể đến các hoạt động du lịch nhà vườn như: tham quan đồi chè ở Thái Nguyên, trang trại cà phê ở Đắk Lắk hay cánh đồng sen ở Đồng Tháp, thưởng thức những vườn trái cây ở miền Tây sông nước... Sự phát triển này không chỉ góp phần nâng cao thu nhập cho người nông dân mà còn giúp bảo tồn và quảng bá văn hóa truyền thống nông nghiệp đặc sắc của các vùng nông thôn trên toàn quốc (Ha & Mohanty, 2021). Có thể nói DLNN như một chiếc chìa khóa mở ra cánh cổng mới phát triển cơ sở hạ tầng nông thôn giúp thay đổi bộ mặt nông thôn một cách toàn diện (Ammirato Felicetti, 2014). Mặc dù còn phải đối mặt với nhiều thách thức trong quá trình phát triển DLNN hiện nay của Việt Nam đã vươn mình tạo ra nhiều cơ hội mới, đột phá và bền vững (Wu & cs, 2022). Đặc biệt đối với ngành du lịch, DLNN tạo ra sự đa dạng hóa sản phẩm du lịch của ngành, hấp dẫn các đối tượng du khách đa dạng đến với vùng hoặc quốc gia (Che, 2015 Pratt & cs, 2022; Tew & Barbieri, 2012).

Một số nghiên cứu PTSPDLNN trong nước như: Phát triển sản phẩm DLNN tại tỉnh Ninh Thuận (Nguyễn Bảo Châu, 2021); Phát triển DLNN tỉnh Lâm Đồng (Nguyễn Thái Dung, 2024); Phát triển DLNN bền vững tại tỉnh Thái Nguyên (Nguyễn Thị Phương Nhung, 2021). Các nghiên cứu đều tập trung làm rõ tiềm năng, thực trạng và đề xuất giải pháp nhằm phát triển sản phẩm DLNN phù hợp với điều kiện đặc thù của từng địa phương. Bởi vì một điểm đến du lịch luôn có sự tồn tại của “cung” và “cầu” thiếu một trong hai sẽ khó có thể thành công trong phát triển điểm đến du lịch (Nguyễn Trọng Nhân, Huỳnh Phước Thiện, Trương Trí Thông, 2023).

Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (cũ) là địa phương tiêu biểu của vùng trung du và miền núi Bắc Bộ có thế mạnh nổi bật về sản xuất nông nghiệp đặc biệt là vùng chuyên canh cây ăn quả trong đó vải thiều đã được xuất khẩu sang nhiều thị trường quốc tế. Bên cạnh giá trị kinh tế nông nghiệp Lục Ngạn còn sở hữu cảnh quan thiên nhiên đặc sắc, hệ sinh thái nông nghiệp đa dạng và bản sắc văn hóa truyền thống

phong phú của các dân tộc thiểu số như Sán Dìu, Tày, Nùng. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển DLNN gắn với trải nghiệm sản xuất, khám phá văn hóa và đời sống cộng đồng nông thôn.

Mặc dù sở hữu nhiều tiềm năng và lợi thế cho phát triển sản phẩm DLNN song hoạt động phát triển SPDLNN tại huyện Lục Ngạn hiện nay vẫn chưa tương xứng với nguồn lực sẵn có. Việc khai thác các giá trị nông nghiệp và văn hóa bản địa còn mang tính rời rạc, thiếu định hướng tổng thể. Các sản phẩm DLNN chưa thực sự đặc trưng, sức hấp dẫn đối với thị trường khách còn hạn chế, quy mô và mức chi tiêu của du khách chưa cao. Hoạt động du lịch chủ yếu mang tính tự phát tập trung vào một số lễ hội hoặc tour ngắn ngày theo mùa vụ trong khi liên kết giữa các chủ thể tham gia, hệ thống hạ tầng và dịch vụ du lịch chưa được đầu tư đồng bộ.

Trong bối cảnh đó việc nghiên cứu phát triển SPDLNN tại huyện Lục Ngạn là cần thiết. Kết quả nghiên cứu là cơ sở đề xuất các định hướng và giải pháp phù hợp với đặc điểm sinh thái – văn hóa địa phương, góp phần nâng cao giá trị nông sản, đa dạng hóa sinh kế và thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội bền vững.

Xuất phát từ các lý do trên học viên lựa chọn đề tài “*Phát triển SPDLNN tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang*” nhằm phân tích thực trạng phát triển SPDLNN tại đây. Trên cơ sở đánh giá thực trạng hệ thống cung ứng với sự tham gia của người dân, hợp tác xã và chính quyền địa phương cùng với nhu cầu và kỳ vọng của thị trường khách du lịch. Qua đó nghiên cứu đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, sức hấp dẫn và tính bền vững của SPDLNN tại huyện Lục Ngạn.

2. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của luận văn là: tìm hiểu và đánh giá thực trạng các SPDLNN tại huyện Lục Ngạn từ đó đề xuất các giải pháp phù hợp nhằm thúc đẩy phát triển SPDLNN tại huyện Lục Ngạn theo hướng đa dạng, chuyên nghiệp và bền vững.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được các mục tiêu nêu trên luận văn tập trung thực hiện các nhiệm vụ sau:

- Tổng quan nghiên cứu và hệ thống hóa cơ sở lý luận về phát triển SPDLNN, làm rõ các khái niệm, vai trò và điều kiện phát triển SPDLNN.

- Phân tích và đánh giá tiềm năng, điều kiện phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn bao gồm tài nguyên du lịch, điều kiện kinh tế – xã hội và các yếu tố liên quan đến phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp.

- Xây dựng khung phân tích dựa trên các lý thuyết liên quan đến phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp gồm cung và cầu những yếu tố ảnh hưởng đến phát triển SPDLNN.

- Phân tích và đánh giá thực trạng phát triển SPDLNN tại huyện Lục Ngạn.

- Đề xuất giải pháp phát triển SPDLNN tại Lục Ngạn theo hướng đa dạng, chuyên nghiệp và bền vững.

3. Câu hỏi nghiên cứu

Để hoàn thiện về lý thuyết và đáp ứng tính cấp thiết, giải quyết được mục tiêu đưa ra nghiên cứu cần trả lời các câu hỏi sau:

1). Điều kiện phát triển SPDLNN huyện Lục Ngạn như thế nào?

2). Thực trạng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn hiện nay như thế nào? Mức độ đáp ứng của hệ thống cung ứng đối với nhu cầu du khách hiện nay ra sao?

3). Những giải pháp nào cần được áp dụng để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn theo hướng bền vững, đồng thời gắn với bản sắc văn hóa và lợi thế địa phương?

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của luận văn là hoạt động phát triển SPDLNN theo cách tiếp cận về cả phía cung và cầu:

+ Về phía cầu: Khách thể nghiên cứu là khách du lịch tham gia trải nghiệm các sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.

+ Về phía cung: Khách thể nghiên cứu bao gồm: người dân địa phương, các hợp tác xã cùng các cơ quan quản lý nhà nước trong lĩnh vực du lịch nông nghiệp có liên quan đến hoạt động phát triển SPDLNN tại huyện Lục Ngạn.

Phạm vi nghiên cứu

Về không gian: Nghiên cứu được thực hiện tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (cũ), theo Nghị quyết số 1191/NQ-UBTVQH 15, ngày 28 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, xã giai đoạn 2023 – 2025 của tỉnh Bắc Giang (nghị quyết có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2025). Theo đó huyện Lục Ngạn có 19 đơn vị hành chính cấp xã, bao gồm 2 thị trấn: Phi Điền, Biên Động và 17 xã: Biên Sơn, Cẩm Sơn, Đèo Gia, Đồng Cốc, Giáp Sơn, Hộ Đáp, Kim Sơn, Phong Minh, Phong Vân, Phú Nhuận, Sa Lý, Sơn Hải, Tân Hoa, Tân Lập, Tân Mộc, Tân Quang, Tân Sơn. Do địa bàn nghiên cứu có phạm vi rộng, học viên tập trung triển khai khảo sát tại thị trấn Phi Điền, xã Tân Sơn và xã Đồng Cốc.

Về thời gian: Dữ liệu thứ cấp được tác giả thu thập trong giai đoạn 2019–2025. Khảo sát thực địa và điều tra xã hội học được thực hiện từ tháng 4/2025 đến tháng 02/2026. Các giải pháp và định hướng phát triển được đề xuất đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2035.

Do thời điểm tiến hành nghiên cứu trong giai đoạn từ 2024 – 2026 tác giả giới hạn phạm vi nghiên cứu và sử dụng cách gọi huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo địa giới hành chính cũ. Hiện nay huyện Lục Ngạn đã có sự sắp xếp lại đơn vị hành chính thành xã Lục Ngạn và 6 xã khác thuộc tỉnh Bắc Ninh từ tháng 7/2025. Việc lựa chọn phạm vi và cách gọi này nhằm đảm bảo tính thống nhất của kết quả nghiên cứu, đồng thời phản ánh đầy đủ đặc điểm, tiềm năng và thách thức của khu vực trước khi sáp nhập.

Về nội dung: Nghiên cứu chủ yếu đánh giá và phân tích thực trạng phát triển SPDLNN tại Lục Ngạn theo cách tiếp cận cung – cầu. Từ đó đưa ra các giải pháp phát triển SPDLNN tại Lục Ngạn.

5. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của đề tài

Ý nghĩa lý luận

Luận văn góp phần hệ thống hóa và bổ sung cơ sở lý luận về phát triển SPDLNN, làm rõ các khái niệm, vai trò của sản phẩm du lịch nông nghiệp trong phát triển du lịch nông thôn. Trên cơ sở kế thừa các nghiên cứu trước, luận văn tiếp cận nghiên cứu từ cả phía

cung và phía cầu nhằm làm rõ mối quan hệ giữa khả năng cung ứng sản phẩm với nhu cầu và trải nghiệm của du khách trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Khác với một số nghiên cứu trước chủ yếu tiếp cận riêng từ phía cung hoặc phía cầu, luận văn tập trung nghiên cứu trường hợp cụ thể tại huyện Lục Ngạn gắn với điều kiện thực tiễn địa phương và bối cảnh mới sau sáp nhập. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung cơ sở lý luận và thực tiễn về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp ở cấp địa phương.

Ý nghĩa thực tiễn

Dựa trên kết quả nghiên cứu luận văn đã cung cấp bức tranh tương đối toàn diện về thực trạng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Qua đó chỉ ra những hạn chế và các vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển. Kết quả nghiên cứu là cơ sở tham khảo cho chính quyền địa phương, cơ quan quản lý, hợp tác xã, người dân và doanh nghiệp du lịch trong công tác quản lý, tổ chức và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị trải nghiệm, phát huy lợi thế địa phương và giảm tính mùa vụ của sản phẩm. Trong bối cảnh sáp nhập đơn vị hành chính nghiên cứu cũng góp phần cung cấp luận cứ tham khảo cho việc định hướng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp phù hợp với điều kiện thực tiễn và không gian phát triển mới của địa phương.

6. Bố cục luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung chính của luận văn gồm 4 chương:

Chương 1: Tổng quan nghiên cứu và cơ sở lý luận

Chương 2: Bối cảnh và thiết kế nghiên cứu

Chương 3: Kết quả nghiên cứu

Chương 4: Đề xuất một số giải pháp phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn

CHƯƠNG 1.

TỔNG QUAN NGHIÊN CỨU VÀ CƠ SỞ LÝ LUẬN

1.1 Tổng quan nghiên cứu

1.1.1. Các nghiên cứu về du lịch nông nghiệp

Hiện nay DLNN đã được hình thành và phát triển tại nhiều quốc gia ở phương Tây đồng thời cũng đang từng bước được mở rộng tại một số quốc gia ở Châu Á trong đó có Việt Nam (Nguyễn Thị Hằng, 2022). Việc kết hợp giữa nông nghiệp và du lịch được đánh giá là hướng đi có nhiều tiềm năng đối với Việt Nam không chỉ góp phần xóa đói giảm nghèo mà còn thúc đẩy phát triển kinh tế – xã hội theo hướng sinh thái và bền vững (Nguyễn Hoàng Hiếu và Hà Thị Như Hằng, 2020). Mối quan hệ giữa du lịch và nông nghiệp đã được quan tâm và phân tích trong nhiều công trình nghiên cứu tại các quốc gia phát triển trong đó du lịch nông nghiệp được nhìn nhận như một loại hình sản phẩm và dịch vụ bổ trợ, có vai trò tạo sinh kế ổn định cho người nông dân, đặc biệt trong bối cảnh sản xuất nông nghiệp gặp nhiều rủi ro và biến động (Arroyo, C. G, 2012). Chính vì vậy trong những năm gần đây du lịch nông nghiệp đã trở thành một chủ đề thu hút sự quan tâm của nhiều nhà nghiên cứu với các công trình được triển khai tại nhiều điểm đến, địa phương và vùng, miền khác nhau.

Để có cái nhìn tổng quan nhất về du lịch nông nghiệp tác giả đã nghiên cứu và tổng quan tài liệu theo 3 hướng chính; (1) *Các nghiên cứu tiếp cận theo hướng cầu về du lịch nông nghiệp*; (2) *Các nghiên cứu tiếp cận theo hướng cung về du lịch nông nghiệp* và (3) *Các nghiên cứu tiếp cận theo hướng cung và cầu về du lịch nông nghiệp*.

(1) *Các nghiên cứu tiếp cận theo hướng cầu về DLNN*: Thứ nhất, các nghiên cứu tiếp cận từ phía cầu chủ yếu tập trung phân tích động cơ, nhu cầu, trải nghiệm, mức độ hài lòng và ý định hành vi của du khách đối với DLNN. Contini và cộng sự (2005) thông qua mô hình đầu vào – đầu ra tại Ý cho thấy DLNN có tác động tích cực đến thu nhập và việc làm địa phương, đồng thời nhấn mạnh vai trò của sự phối hợp giữa nông dân và các chủ thể liên quan. Testa và cộng sự (2019) cho rằng động cơ tham gia DLNN chịu ảnh hưởng đáng kể bởi các yếu tố bền vững xã hội và môi trường, trong khi Patil và cộng sự nhấn mạnh nhu cầu trải nghiệm đời sống và văn

hóa nông thôn của du khách.. Tại Việt Nam, Trịnh Thị Hà và Phan Thị Bích Hằng (2020) vận dụng mô hình Expectancy Disconfirmation Theory (EDT) để đo lường mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với DLNN tại Đà Lạt. Kết quả cho thấy du khách đánh giá cao yếu tố giá cả nhưng nhiều trải nghiệm chưa đáp ứng kỳ vọng ban đầu. Phùng Ngọc Trường và cộng sự (2022) khi nghiên cứu tại Cao Bằng cũng chỉ ra rằng du khách có xu hướng yêu thích các hoạt động trải nghiệm sản xuất nông nghiệp và thưởng thức ẩm thực địa phương. Trong khi đó Đinh Phi Hồ (2022) nhấn mạnh vai trò của hình ảnh điểm đến, giá trị cảm nhận và truyền miệng đối với ý định quay lại của du khách. Ngô Thị Phương Lan và cộng sự (2022) lại cho thấy mặc dù du khách đánh giá tích cực về cảnh quan và văn hóa nông thôn nhưng mức độ hài lòng đối với cơ sở hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ vẫn còn hạn chế.

(2) *Các nghiên cứu tiếp cận theo hướng cung về DLNN*: Ở góc độ quốc tế nhiều nghiên cứu tập trung phân tích vai trò của các chủ thể cung ứng, nguồn lực và điều kiện tổ chức trong phát triển du lịch nông nghiệp. Carla Barbieri và Peter Mshenga (2008) cho rằng hiệu quả hoạt động DLNN phụ thuộc lớn vào năng lực quản lý của chủ cơ sở cũng như mức độ đa dạng hóa sản phẩm. Carol Kline và cộng sự (2016) nhấn mạnh DLNN có vai trò tăng cường liên kết giữa nông dân, sản phẩm nông nghiệp và thị trường thông qua trải nghiệm du lịch. Một số nghiên cứu khác cũng cho thấy sự tham gia của nông dân chịu ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế – xã hội như thu nhập, việc làm và trình độ học vấn (Togaymurodov và cộng sự, 2021). Tại Việt Nam, Ngô Thị Phương Lan và cộng sự (2021) chỉ ra rằng khu vực Đồng bằng sông Cửu Long có nhiều tiềm năng phát triển DLNN nhưng hoạt động còn mang tính tự phát và quy mô nhỏ lẻ. Hoàng Ngọc Minh Châu và Hồ Tiểu Bảo (2021) cho thấy mô hình DLNN tại Cồn Chim đạt kết quả tích cực nhờ sự phối hợp giữa cộng đồng, doanh nghiệp và cơ quan quản lý. Nguyễn Thị Kim Anh và Phạm Phú Phương (2022) nhấn mạnh vai trò của cơ chế chính sách, cơ sở hạ tầng và hoạt động quảng bá trong phát triển DLNN tại Diên Khánh. Trong khi đó, Nguyễn Trọng Nhân (2023) xác định sự tham gia của cộng đồng địa phương là yếu tố có ảnh hưởng mạnh nhất đến phát triển DLNN tại Cần Thơ. Có thể thấy các nghiên cứu tiếp cận từ phía

cung đã góp phần làm rõ vai trò của cộng đồng địa phương, nguồn lực và điều kiện tổ chức trong phát triển DLNN. Tuy nhiên nhiều nghiên cứu vẫn thiên về đánh giá tiềm năng và điều kiện phát triển mà chưa phân tích sâu khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường của sản phẩm du lịch.

(3) *Các nghiên cứu tiếp cận đồng thời từ phía cung và cầu:* Ở góc độ quốc tế các nghiên cứu về DLNN cho thấy sự phát triển của loại hình này phụ thuộc vào mức độ tương thích giữa năng lực cung ứng tại địa phương và nhu cầu, kỳ vọng của thị trường khách. Bishnu Prasad Bhatta và Yuji Ohe (2016) tổng hợp các nghiên cứu định lượng về DLNN tại nhiều quốc gia và nhận thấy xu hướng gia tăng các nghiên cứu kết hợp giữa phân tích hành vi du khách với nguồn lực tổ chức từ phía cung. Nghiên cứu cũng gợi mở các hướng tiếp cận mới như vai trò của số hóa, truyền thông xã hội và liên kết chuỗi giá trị trong phát triển DLNN. Tại Việt Nam, Nguyễn Hoàng Hiếu và Hà Thị Như Hằng (2020) cho thấy mặc dù các chủ thể địa phương đánh giá cao tiềm năng DLNN nhưng việc khai thác thực tế còn hạn chế do thiếu liên kết giữa các bên tham gia. Đoàn Mạnh Cường (2023) cũng chỉ ra rằng phát triển DLNN chịu tác động đồng thời của nhiều yếu tố như tài nguyên du lịch, chính sách, nguồn nhân lực, khả năng tiếp cận và nhu cầu khách du lịch.

Nhìn chung các nghiên cứu tiếp cận kết hợp giữa cung và cầu đã bước đầu làm rõ mối quan hệ giữa năng lực cung ứng và nhu cầu thị trường trong phát triển DLNN. Tuy nhiên các nghiên cứu theo hướng này tại Việt Nam vẫn chưa nhiều đặc biệt còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu ở cấp địa phương và cấp huyện.

1.1.2. Các nghiên cứu về sản phẩm du lịch nông nghiệp

Sản phẩm du lịch nông nghiệp (SPDLNN) ngày càng được quan tâm trong các nghiên cứu quốc tế và trong nước gắn với định hướng phát triển du lịch bền vững dựa trên nông nghiệp và cộng đồng địa phương. Các nghiên cứu nhìn nhận SPDLNN là tổ hợp các trải nghiệm gắn với sản xuất, đời sống nông thôn và tương tác trực tiếp giữa du khách với môi trường nông nghiệp.

Phillip, Hunter và Blackstock (2010) là một trong những nghiên cứu nền tảng khi đề xuất hệ thống phân loại nhằm phân biệt DLNN với du lịch nông thôn, đồng

thời khẳng định SPDLNN có thể dao động từ tham quan mang tính thụ động đến các hoạt động trải nghiệm trực tiếp với sản xuất nông nghiệp. Carol Kline và cộng sự (2016) tiếp cận SPDLNN dưới góc độ hành vi tiêu dùng và cho rằng trải nghiệm tại nông trại có thể thúc đẩy lòng trung thành và ý định mua sản phẩm nông nghiệp của du khách. Malkanthi (2012) lại tập trung đánh giá mức độ hài lòng của du khách đối với các yếu tố sản phẩm như chất lượng dịch vụ, trải nghiệm và khả năng đáp ứng kỳ vọng.

Phillip, Hunter và Blackstock (2010) là một trong những nghiên cứu nền tảng khi đề xuất hệ thống phân loại nhằm phân biệt DLNN với du lịch nông thôn, đồng thời khẳng định SPDLNN có thể dao động từ tham quan mang tính thụ động đến các hoạt động trải nghiệm trực tiếp với sản xuất nông nghiệp. Carol Kline và cộng sự (2016) tiếp cận SPDLNN dưới góc độ hành vi tiêu dùng và cho rằng trải nghiệm tại nông trại có thể thúc đẩy lòng trung thành và ý định mua sản phẩm nông nghiệp của du khách. Malkanthi (2012) lại tập trung đánh giá mức độ hài lòng của du khách đối với các yếu tố sản phẩm như chất lượng dịch vụ, trải nghiệm và khả năng đáp ứng kỳ vọng. Trong khi đó, Sofia Hilli (2021) nhấn mạnh vai trò của thiết kế chủ đề, không gian trải nghiệm và các hoạt động tương tác trong việc gia tăng tính hấp dẫn của SPDLNN. Ở góc độ phát triển bền vững, Ndhlovu (2024) cho rằng các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tiếp cận SPDLNN theo ba chiều cạnh kinh tế – xã hội – môi trường và gợi mở hướng mở rộng nghiên cứu sang thiết kế sản phẩm bền vững.

Tại Việt Nam, Nguyễn Đắc Bình Minh và cộng sự (2025) nghiên cứu việc phát triển SPDLNN gắn với sản phẩm đặc trưng từng vùng như tour vườn trái cây, trải nghiệm làm nông và lễ hội truyền thống. Nghiên cứu nhấn mạnh vai trò của việc kết hợp giữa tài nguyên nông nghiệp với văn hóa bản địa trong thiết kế sản phẩm. Phan Kim Ngân (2025) khi nghiên cứu tại Đà Nẵng cũng cho thấy việc gắn SPDLNN với đặc sản địa phương góp phần nâng cao giá trị trải nghiệm và tăng sức hấp dẫn của điểm đến.

Nhìn chung các nghiên cứu về SPDLNN đã bước đầu làm rõ cấu trúc, đặc điểm và giá trị của sản phẩm du lịch nông nghiệp trong bối cảnh phát triển du lịch

bền vững. Tuy nhiên phần lớn các nghiên cứu mới tập trung vào nhận diện và mô tả sản phẩm mà chưa đi sâu phân tích quá trình phát triển sản phẩm gắn với nhu cầu thị trường và năng lực cung ứng của địa phương. Những tiếp cận đa chiều từ lý luận đến thực tiễn đã góp phần định hình cơ sở khoa học và gợi mở hướng phát triển SPDLNN phù hợp với bối cảnh Việt Nam hiện nay.

1.1.3 Các nghiên cứu về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

Phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp (SPDLNN) đã được quan tâm nghiên cứu và triển khai mạnh mẽ tại nhiều quốc gia như: Ý, Nhật Bản, Thái Lan, Hàn Quốc và Đài Loan. Trong bối cảnh xu hướng du lịch trải nghiệm và du lịch bền vững ngày càng phát triển SPDLNN được xem là hướng đi góp phần đa dạng hóa sản phẩm du lịch, nâng cao giá trị nông sản và thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Các nghiên cứu về phát triển SPDLNN bắt đầu được chú ý từ cuối thế kỷ XX với nhiều cách tiếp cận liên quan đến khái niệm, cấu trúc sản phẩm và các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình phát triển sản phẩm.

Một trong những nghiên cứu nền tảng là của Sharpley và Sharpley (1997) khi cho rằng du lịch nông nghiệp là loại hình du lịch có mối liên hệ trực tiếp với môi trường nông nghiệp, sản phẩm nông nghiệp và hoạt động lưu trú tại khu vực nông thôn. Nghiên cứu nhấn mạnh mối quan hệ chặt chẽ giữa nông nghiệp và du lịch trong phát triển nông thôn. Tiếp đó Lobo (1999) khi nghiên cứu tại San Diego đã làm rõ khía cạnh trải nghiệm và giáo dục của du lịch nông nghiệp thông qua việc tham gia trực tiếp vào các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Tiếp cận theo hướng phát triển bền vững, Roberts và Hall (2001) cho rằng phát triển SPDLNN cần gắn với bảo vệ môi trường và phát huy văn hóa địa phương. Marcotte và cộng sự (2006) lại nhấn mạnh sự kết hợp giữa hoạt động sản xuất nông nghiệp với dịch vụ du lịch, trong đó du lịch trang trại được xem là trung tâm của phát triển du lịch nông nghiệp. Bowen (2010) khi nghiên cứu tại Mỹ và châu Âu cũng chỉ ra rằng chính sách hỗ trợ, cơ sở hạ tầng và hoạt động tiếp thị có vai trò quan trọng trong nâng cao chất lượng sản phẩm và khả năng thu hút khách du lịch.

Một số nghiên cứu tập trung làm rõ vai trò của cộng đồng và trải nghiệm trong phát triển SPDLNN. Tew và Barbieri (2012) cho rằng DLNN góp phần mang lại lợi ích kinh tế – xã hội và bảo tồn giá trị văn hóa địa phương. Flanigan, Blackstock và Hunter (2014) nhấn mạnh vai trò của các sản phẩm có tính tương tác trong nâng cao trải nghiệm du khách. Trong khi đó Liu et al. (2017) và Yang et al. (2024) cho rằng việc kết hợp giữa nông nghiệp, trải nghiệm du lịch và sản phẩm đặc trưng địa phương góp phần gia tăng giá trị nông sản và thúc đẩy phát triển du lịch nông thôn bền vững.

Trên thế giới, nhiều quốc gia đã phát triển thành công mô hình du lịch nông nghiệp theo hướng kết hợp giữa sản xuất nông nghiệp, trải nghiệm du lịch và bảo tồn văn hóa địa phương. Tại Italia, các trang trại thường kết hợp lưu trú, ẩm thực địa phương và trải nghiệm mùa vụ với sự hỗ trợ mạnh từ chính sách phát triển nông thôn (Francesco, 2025). Nhật Bản phát triển mô hình du lịch gắn với không gian “satoyama”, trong khi Hàn Quốc, Đài Loan và Thái Lan chú trọng các hoạt động trải nghiệm nông nghiệp, lưu trú cộng đồng và mô hình “từ trang trại đến bàn ăn” nhằm nâng cao trải nghiệm và phát triển du lịch nông thôn bền vững (Damnet et al., 2024).

Tại Việt Nam, phát triển SPDLNN được quan tâm trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế địa phương với nhiều chương trình hỗ trợ từ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2024). Nguyễn Bảo Châu (2023) khi nghiên cứu tại tỉnh Ninh Thuận cho rằng SPDLNN cần được phát triển dựa trên trải nghiệm sản xuất nông nghiệp, văn hóa bản địa và các hoạt động thưởng thức nông sản địa phương nhằm tạo ra sản phẩm mang tính đặc trưng. Trong khi đó, Nguyễn Thái Dung (2024) nghiên cứu phát triển du lịch nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng theo hướng tiếp cận cung – cầu và cho rằng sự tham gia còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ và thiếu liên kết của các hộ nông dân đang hạn chế sự đa dạng và chất lượng của sản phẩm du lịch. Tác giả đề xuất các giải pháp như đa dạng hóa sản phẩm, nâng cấp cơ sở hạ tầng và tăng cường quảng bá nhằm thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp bền vững. Tại Việt Nam, một số địa phương như Lâm Đồng, Đồng Tháp và Sơn La đã bước đầu phát triển du lịch nông nghiệp gắn với trải nghiệm vườn cây, sản phẩm OCOP, làng nghề và văn hóa bản địa. Thực tiễn này cho thấy việc gắn sản phẩm du lịch với nông

sản đặc trưng, trải nghiệm thực tế và sự liên kết giữa chính quyền, doanh nghiệp và cộng đồng địa phương là hướng đi quan trọng trong phát triển du lịch nông nghiệp.

Nhìn chung, các nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy phát triển SPDLNN không chỉ là xu hướng phát triển du lịch mới mà còn là giải pháp góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao giá trị nông sản và bảo tồn văn hóa địa phương. Các nghiên cứu đã bước đầu làm rõ vai trò của tài nguyên nông nghiệp, cộng đồng địa phương, cơ sở hạ tầng và nhu cầu thị trường trong phát triển SPDLNN. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu thực hiện ở quy mô vùng hoặc tỉnh, trong khi các nghiên cứu chuyên sâu ở cấp địa phương và cấp huyện vẫn còn hạn chế. Đồng thời, việc phân tích phát triển SPDLNN theo hướng tiếp cận kết hợp giữa phía cung và phía cầu vẫn chưa được nghiên cứu đầy đủ.

1.1.4 Các nghiên cứu về phát triển du lịch huyện Lục Ngạn và sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn

Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang được đánh giá là địa bàn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch nhờ lợi thế nổi bật về vùng cây ăn quả tập trung, cảnh quan sinh thái đặc trưng và bản sắc văn hóa đa dạng của các dân tộc địa phương. Đây là những điều kiện thuận lợi để phát triển các loại hình du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và đặc biệt là du lịch nông nghiệp gắn với sản xuất và đời sống nông thôn.

Trong những năm gần đây, các nghiên cứu liên quan đến huyện Lục Ngạn và tỉnh Bắc Giang chủ yếu tập trung vào khai thác tài nguyên nông nghiệp, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và bảo tồn văn hóa địa phương. Một số công trình tiêu biểu được tổng hợp trong Bảng 1.1 dưới đây:

Bảng 1.1: Tổng quan các nghiên cứu về du lịch tại huyện Lục Ngạn và tỉnh Bắc Giang

Tác giả	Năm	Tên công trình nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu
Nguyễn Mạnh Hà	2007	Thực trạng và một số giải pháp nhằm phát triển cây ăn quả theo hướng bền vững trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Nêu thực trạng phát triển cây ăn quả tại huyện Lục Ngạn và những vấn đề đặt ra về hiệu quả và tính bền vững. Từ đó, nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển cây ăn quả theo hướng bền vững, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.
Vũ Thị Thương	2015	Nghiên cứu sử dụng bền vững đất nông nghiệp huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Phân tích hiện trạng sử dụng đất nông nghiệp, các yếu tố tác động đến hiệu quả và tính bền vững trong sử dụng đất nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.
Hoàng Thị Hương	2015	Nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa tỉnh Bắc Giang	Đánh giá tài nguyên văn hóa vật thể và phi vật thể tại Yên Dũng, Việt Yên và Sơn Động, đồng thời đề xuất khai thác di sản gắn với lễ hội, làng nghề và tôn giáo để phát triển sản phẩm du lịch văn hóa. Nghiên cứu cũng nhấn mạnh vai trò của liên kết vùng và cộng đồng trong phát triển du lịch bền vững.
Nguyễn Thị Hòa, Vi Thị Nhung	2020	Khai thác tiềm năng du lịch sinh thái ở huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	Đánh giá tiềm năng và thực trạng khai thác du lịch sinh thái tại huyện Lục Ngạn (Bắc Giang). Đây là tiền đề đề xuất các định hướng và giải pháp nhằm khai thác hiệu quả tiềm năng, góp phần phát triển du lịch sinh thái

Tác giả	Năm	Tên công trình nghiên cứu	Nội dung nghiên cứu
			và du lịch địa phương theo hướng bền vững.
Nguyễn Thị Dung và cộng sự	2020	Nghiên cứu phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang	Phân tích tiềm năng du lịch tự nhiên và văn hóa, thực trạng phát triển du lịch Bắc Giang. Đưa ra giải pháp thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh.
Lưu Xuân San	2024	Bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc Nùng, Dao phục vụ xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch ở huyện Lục Ngạn, Sơn Động, góp phần phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang	Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc Nùng, Dao tại huyện Lục Ngạn và Sơn Động nhằm phát phục vụ xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch gắn với cộng đồng địa phương.

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

Các nghiên cứu giai đoạn đầu chủ yếu tập trung vào nông nghiệp và sử dụng tài nguyên, như nghiên cứu của Nguyễn Mạnh Hà (2007) và Vũ Thị Thương (2015) đã làm rõ vai trò của cây ăn quả, đất nông nghiệp và tính bền vững trong phát triển kinh tế địa phương. Mặc dù chưa trực tiếp đề cập đến du lịch nhưng các nghiên cứu này đã tạo nền tảng quan trọng cho việc hình thành sản phẩm du lịch nông nghiệp dựa trên tài nguyên nông nghiệp sẵn có.

Ở góc độ phát triển du lịch, các nghiên cứu của Hoàng Thị Hương (2015) và Nguyễn Thị Dung và cộng sự (2020) đã nhấn mạnh vai trò của tài nguyên tự nhiên, văn hóa và sự tham gia của cộng đồng địa phương trong phát triển du lịch bền vững tại tỉnh Bắc Giang. Các nghiên cứu này góp phần cung cấp cơ sở lý luận và định hướng phát triển du lịch cho huyện Lục Ngạn trong mối liên kết với phát triển du lịch của toàn tỉnh.

Các nghiên cứu gần đây đã bắt đầu tiếp cận trực tiếp hơn đến du lịch sinh thái và du lịch cộng đồng tại huyện Lục Ngạn. Nguyễn Thị Hòa và Vi Thị Nhung (2020) cho rằng huyện Lục Ngạn có nhiều tiềm năng phát triển du lịch sinh thái dựa trên cảnh quan tự

nhiên và vùng cây ăn quả đặc trưng. Trong khi đó, Lưu Xuân San (2024) lại tiếp cận dưới góc độ bảo tồn văn hóa cộng đồng gắn với phát triển du lịch, qua đó làm rõ vai trò của văn hóa dân tộc địa phương trong phát triển sản phẩm du lịch đặc thù.

Nhìn chung các nghiên cứu liên quan đến huyện Lục Ngạn và tỉnh Bắc Giang đã bước đầu làm rõ tiềm năng phát triển du lịch dựa trên tài nguyên nông nghiệp, cảnh quan sinh thái và văn hóa bản địa. Tuy nhiên phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung vào đánh giá tiềm năng, định hướng phát triển du lịch sinh thái hoặc du lịch cộng đồng mà chưa có nhiều nghiên cứu chuyên sâu về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Đặc biệt chưa có nhiều công trình nghiên cứu tiếp cận theo hướng phân tích đồng thời giữa phía cung và phía cầu trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.

1.1.5 Khoảng trống nghiên cứu

Qua tổng quan các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước cho thấy du lịch nông nghiệp đã trở thành một chủ đề nghiên cứu quan trọng trong bối cảnh xu hướng du lịch trải nghiệm và du lịch bền vững ngày càng phát triển. Nhiều nghiên cứu quốc tế đã tập trung làm rõ khái niệm, đặc điểm và vai trò của du lịch nông nghiệp trong phát triển kinh tế nông thôn, bảo tồn văn hóa địa phương và đa dạng hóa sản phẩm du lịch. Đồng thời các nghiên cứu cũng phân tích mối liên kết giữa nông nghiệp và du lịch nhấn mạnh vai trò của cảnh quan nông nghiệp, nông sản địa phương và các hoạt động trải nghiệm sản xuất nông nghiệp trong việc hình thành các sản phẩm du lịch đặc thù. Bên cạnh đó một số nghiên cứu còn đề cập đến các mô hình phát triển du lịch nông nghiệp tại nhiều quốc gia như: Nhật Bản, Hàn Quốc, Ý và Hoa Kỳ trong đó nhấn mạnh vai trò của cộng đồng địa phương, doanh nghiệp du lịch và chính quyền trong việc tổ chức và phát triển sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp.

Tại Việt Nam du lịch nông nghiệp cũng đã nhận được sự quan tâm ngày càng lớn của các nhà nghiên cứu trong những năm gần đây. Nhiều công trình đã tập trung phân tích tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp tại các địa phương đánh giá vai trò của loại hình du lịch này đối với phát triển kinh tế nông thôn đồng thời đề xuất các định hướng và giải pháp khai thác tài nguyên nông nghiệp phục vụ phát triển du lịch. Một số nghiên cứu đã đề cập đến việc xây dựng sản phẩm du lịch gắn với nông

nghiệp, phát triển du lịch cộng đồng hoặc du lịch sinh thái tại các vùng nông thôn. Tuy nhiên phần lớn các nghiên cứu hiện nay chủ yếu tập trung ở quy mô vùng hoặc tỉnh với các địa bàn tiêu biểu như: Lâm Đồng, Ninh Thuận, Thái Nguyên hay khu vực Đồng bằng sông Cửu Long... trong khi các nghiên cứu chuyên sâu ở cấp huyện vẫn còn khá hạn chế. Bên cạnh đó các nghiên cứu về phát triển du lịch nông nghiệp tại Việt Nam phần lớn tiếp cận từ góc độ tài nguyên du lịch, tiềm năng phát triển hoặc quản lý điểm đến. Trong khi việc phân tích phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp một cách hệ thống vẫn còn chưa nhiều. Đặc biệt nhiều nghiên cứu mới chỉ xem xét các yếu tố phía cung như: tài nguyên nông nghiệp, cảnh quan tự nhiên, cơ sở vật chất hoặc điều kiện tổ chức hoạt động du lịch mà chưa chú trọng đầy đủ đến các yếu tố phía cầu như: nhu cầu, động cơ, trải nghiệm và mức độ hài lòng của du khách. Trong khi đó sự phát triển của sản phẩm du lịch nông nghiệp trên thực tế chịu tác động đồng thời của cả hai phía cung và cầu. Nếu chỉ tập trung vào nguồn lực địa phương mà chưa xem xét nhu cầu thị trường thì việc phát triển sản phẩm du lịch có thể chưa thực sự phù hợp với kỳ vọng của du khách.

Đối với huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang – một địa phương nổi tiếng với vùng trồng vải thiều quy mô lớn và nhiều sản phẩm nông nghiệp đặc trưng – tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp là rất lớn. Tuy nhiên các nghiên cứu hiện có về du lịch tại Lục Ngạn chủ yếu tiếp cận theo hướng đánh giá tiềm năng tài nguyên, phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng hoặc đề xuất mô hình làng văn hóa du lịch. Mặc dù các nghiên cứu này đã làm rõ vai trò của cảnh quan sinh thái, vùng cây ăn quả và bản sắc văn hóa cộng đồng trong phát triển du lịch nhưng các nghiên cứu chuyên sâu về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương vẫn còn khá hạn chế. Đặc biệt chưa có nhiều công trình nghiên cứu phân tích một cách hệ thống các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp cũng như mối quan hệ giữa năng lực cung ứng của địa phương với nhu cầu và trải nghiệm của du khách.

Ngoài ra các nội dung như: cấu trúc của sản phẩm du lịch nông nghiệp, mức độ tham gia của các chủ thể địa phương: người dân, hợp tác xã, doanh nghiệp, cơ quan quản lý, tính đặc trưng của sản phẩm gắn với nông sản chủ lực của địa phương là vải thiều cũng như khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường du lịch vẫn chưa được

nghiên cứu đầy đủ. Điều này cho thấy vẫn tồn tại khoảng trống nghiên cứu liên quan đến việc phân tích và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp ở cấp địa phương đặc biệt là trong bối cảnh kết hợp phân tích cả phía cung và phía cầu.

Từ những phân tích trên có thể thấy rằng việc nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn theo hướng tiếp cận kết hợp giữa phía cung và phía cầu là cần thiết. Nghiên cứu này không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp mà còn cung cấp những luận cứ khoa học cho việc khai thác hiệu quả các nguồn lực nông nghiệp phục vụ phát triển du lịch tại địa phương đồng thời đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của du khách trong thời gian tới.

1.2 Cơ sở lý luận

1.2.1. Các khái niệm cơ bản

1.2.1.1. Khái niệm du lịch nông nghiệp

Du lịch nông nghiệp (agritourism hoặc agricultural tourism) là một trong những loại hình du lịch đặc thù hình thành trên nền tảng của hoạt động sản xuất nông nghiệp và không gian nông thôn. Đây là mô hình kết hợp giữa hai lĩnh vực: nông nghiệp và du lịch nhằm mang lại trải nghiệm thực tế cho du khách thông qua việc tham gia vào các hoạt động sản xuất, sinh hoạt, khám phá văn hóa nông thôn và tiêu dùng sản phẩm địa phương. Chính phủ các nước đã hướng sự quan tâm của cộng đồng toàn xã hội vào phát triển du lịch nông nghiệp. Danh từ này có thể được dùng khác nhau ở mỗi quốc gia. Ở Italia là “*Agri-tourismo*” (du lịch nông nghiệp), ở Mỹ là “*Homestead*” (du lịch trang trại), ở Nhật là “*Green-tourism*” (du lịch xanh) vì các sản phẩm/sản vật dùng cho du khách bắt buộc phải được sản xuất bằng phương pháp hữu cơ mang tính bản địa. Còn ở Việt Nam thì có nhiều tên gọi khác nhau dành cho DLNN như “du lịch canh nông”, “du lịch trang trại”, “du lịch miệt vườn”, “DLNN sinh thái”, “du lịch đồng quê” (Phạm Thị Mỹ Dung, 2003).

DLNN ra đời vào khoảng đầu của thế kỷ XX ở Châu Mỹ và Châu Âu (Nguyễn Thị Hằng, 2022). Tiến trình đầu tiên trong sự ra đời của DLNN là vào những năm 1920 việc tham quan các trang trại trở nên phổ biến và dễ tiếp cận hơn do việc sử dụng ô tô ngày càng nhiều và do chi phí du lịch tại vùng nông thôn tương đối thấp (Boys, K, A DuBreuil White, K, 2017). Kể đến trong giai đoạn những năm 1960 và

1970 các hoạt động giải trí ngoài trời tại trang trại và vùng nông thôn dần trở nên phổ biến với du khách như các hoạt động cưỡi ngựa và xem các loài thú ở nông thôn. Đến những năm 1980 và 1990 sự quan tâm đến dịch vụ nhà nghỉ phục vụ bữa sáng và các chuyến tham quan trang trại ở vùng nông thôn đã tăng lên rất nhiều. Vì vậy từ năm 1980 trở đi DLNN đã dần trở nên phổ biến và lan rộng ra nhiều châu lục khác nhau (Ngô Thị Phương Nhung và cs, 2021).

Theo Sharpley & Sharpley (1997) du lịch nông nghiệp là những hoạt động du lịch gắn liền trực tiếp với môi trường nông nghiệp bao gồm các yếu tố như: canh tác, sản xuất nông sản, và lưu trú trong môi trường nông thôn – nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết giữa du khách và không gian nông nghiệp. Lobo (1999) nhấn mạnh rằng du lịch nông nghiệp là một hình thức tham quan và tương tác với các hoạt động nông nghiệp vì mục đích giải trí, giáo dục hoặc trải nghiệm – trong đó yếu tố "học hỏi" và "gắn kết với cộng đồng" là những điểm nổi bật. Roberts & Hall (2001) mở rộng khái niệm khi cho rằng phát triển du lịch nông nghiệp cần gắn với các mục tiêu bền vững, bao gồm bảo tồn tài nguyên, phát triển cộng đồng, giữ gìn bản sắc văn hóa nông thôn và nâng cao năng lực sinh kế.

Theo Tổ chức Du lịch Thế giới – UNWTO (2004) DLNN là một dạng của du lịch nông thôn trong đó các hoạt động du lịch được tổ chức dựa trên tài nguyên nông nghiệp: như trang trại, vườn cây ăn trái, hoạt động canh tác, chế biến và tiêu thụ nông sản. Gần đây Nguyễn Bảo Châu (2023) trong luận văn thạc sĩ về “Phát triển du lịch nông nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận” đã cụ thể hóa khái niệm này là: một loại hình du lịch dựa trên nền tảng nông nghiệp trong đó du khách được trải nghiệm thực tế các hoạt động canh tác, sản xuất và sinh hoạt với người nông dân, góp phần vào phát triển kinh tế địa phương và bảo tồn văn hóa nông thôn. Nguyễn Quang Thi và cộng sự (2020) DLNN là thuật ngữ chỉ việc tham quan trang trại hoặc quá trình sản xuất nông nghiệp, kinh doanh nông nghiệp nhằm mục đích nhận thức, quan tâm, giáo dục hoặc nghỉ dưỡng bao gồm: tài nguyên nông nghiệp, tài nguyên thiên nhiên và văn hóa. Bên cạnh đó, Đào Ngọc Cảnh (2020) cũng đã định nghĩa DLNN là loại hình du lịch gắn với các hoạt động nông nghiệp được hình thành và phát triển dựa trên việc khai thác những nét đặc thù của sản xuất nông nghiệp để tạo ra các sản phẩm du lịch từ các vẻ đẹp trong lao động, các giá trị về cảnh quan và văn hóa bản địa, đến việc chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp. Phùng Ngọc Trường và cộng sự

(2022) cũng đã đưa ra định nghĩa DLNN là một loại hình du lịch tạo ra sản phẩm du lịch phục vụ du khách chủ yếu dựa vào nền tảng của hoạt động sản xuất nông nghiệp, du khách được trải nghiệm trực tiếp các công việc của người nông dân như thu hoạch trái cây, trồng rau, nuôi gà và tham quan trang trại nông nghiệp hữu cơ.

Trong luận văn này *du lịch nông nghiệp được hiểu là loại hình du lịch kết hợp giữa khai thác giá trị tài nguyên nông nghiệp với các dịch vụ và trải nghiệm du lịch đặc thù trong không gian nông thôn*. Loại hình du lịch này không chỉ là mang lại lợi ích kinh tế từ hoạt động du lịch mà còn giúp bảo tồn môi trường, gìn giữ văn hóa địa phương và tăng cường kết nối cộng đồng – du khách. Đây là xu hướng quan trọng trong phát triển du lịch bền vững đặc biệt tại các vùng nông thôn, miền núi, nơi có tiềm năng nông nghiệp và sinh thái giàu có.

1.2.1.2 Khái niệm sản phẩm du lịch

Khác với các loại hình sản phẩm thông thường SPDL mang tính đặc thù bởi sự kết hợp giữa yếu tố hữu hình (dịch vụ, hàng hóa) và vô hình (trải nghiệm, cảm xúc) gắn liền với điểm đến và chỉ được tiêu dùng tại nơi sản xuất. Việc nghiên cứu khái niệm SPDL không chỉ giúp làm rõ bản chất của ngành nghề này mà còn góp phần định hướng việc thiết kế, phát triển và quản lý sản phẩm phù hợp với xu thế phát triển bền vững và nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách. Có rất nhiều các quan điểm, khái niệm về SPDL từ nhiều tác giả.

Bảng 1.2: Tóm tắt khái niệm sản phẩm du lịch

Tác giả	Quan điểm về sản phẩm du lịch
Medlik & Middleton (1973)	Sản phẩm du lịch tập hợp các yếu tố vật chất và phi vật chất được kết hợp lại để tạo ra trải nghiệm tổng thể cho du khách trong suốt hành trình của họ
Smith (1994)	Sản phẩm du lịch không phải là một hàng hóa cụ thể, mà là một tổ hợp các trải nghiệm do nhiều dịch vụ mang lại, bao gồm yếu tố cốt lõi và các dịch vụ gia tăng đi kèm”.
Tổ chức du lịch thế giới WTO, (2015)	Sản phẩm du lịch là sự tổng hợp của 3 yếu tố cấu thành: (i) kết cấu hạ tầng du lịch; (ii) tài nguyên du lịch; và (iii) cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ, lao động và quản lý du lịch.

Tác giả	Quan điểm về sản phẩm du lịch
Michael M.Coltman (1989)	Sản phẩm du lịch là một tổng thể bao gồm các thành phần không đồng nhất “hữu hình và vô hình” tính hữu hình của nó được thể hiện cụ thể như thức ăn, đồ uống, các sản phẩm lưu niệm... còn tính vô hình của nó được thể hiện đó là các loại hình dịch vụ du lịch, các dịch vụ hỗ trợ khác.
Robert Christie Mill Jatuliavičienė và Mačerinskienė (2012)	Sản phẩm du lịch có 4 chiều định vị: Điểm hấp dẫn du lịch; Các cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch; Vận chuyển du lịch; Lòng hiếu khách, sản phẩm du lịch bao gồm một số hàng hóa và dịch vụ không đồng nhất nhưng được cung cấp bởi các doanh nghiệp thuộc các ngành công nghiệp khác nhau tại điểm đến du lịch
Viện Du lịch bên vững Việt Nam, 2013	Sản phẩm du lịch được hình thành từ khi có hoạt động đi du lịch các nhà kinh doanh du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu đi du lịch của con người.
Luật Du lịch (2017)	Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ trên cơ sở khai thác giá trị tài nguyên du lịch để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch.
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (2018)	Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ cần thiết để đáp ứng nhu cầu du lịch của du khách trong chuyến đi, bao gồm các dịch vụ vận chuyển, lưu trú, ăn uống, tham quan, vui chơi giải trí và các dịch vụ hỗ trợ khác
Nguyễn Phạm Hùng (2021)	Sản phẩm du lịch là sản phẩm vô hình được tạo ra dựa trên sự tương tác và đồng hiện của các yếu tố tài nguyên du lịch - dịch vụ du lịch - khách du lịch.
Trần Đức Thanh và cộng sự 2022	Đứng ở vị trí của khách du lịch, sản phẩm du lịch là tất cả những gì khách được thụ hưởng trong chuyến du lịch. -Đối với nhà cung ứng du lịch, sản phẩm du lịch tập hợp những dịch vụ cần thiết để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch trong chuyến đi du lịch

Nguồn: Tổng hợp của tác giả

Từ những định nghĩa trên về cơ bản có thể thấy rằng SPDL là sự kết hợp giữa tài nguyên du lịch, hệ thống dịch vụ và các điều kiện phục vụ nhằm đáp ứng nhu cầu của du khách trong suốt chuyến đi. Chính vì vậy SPDL không tồn tại như một hàng hóa đơn lẻ mà là một chỉnh thể tổng hợp được tạo nên bởi nhiều thành tố khác nhau tại một điểm đến.

Trên cơ sở đó trong nghiên cứu này SPDL không chỉ tiếp cận như một tập hợp dịch vụ phục vụ khách du lịch mà còn như một không gian trải nghiệm gắn với các giá trị văn hóa, bản địa cùng với sự tham gia của cộng đồng địa phương. Hướng tiếp cận này đặc biệt phù hợp với phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp bởi giá trị của sản phẩm được cấu thành từ dịch vụ cung ứng, trải nghiệm thực tế, bản sắc nông thôn và sự tương tác của du khách với tài nguyên và con người.

1.2.1.3 Khái niệm sản phẩm du lịch nông nghiệp

Theo Philip, Hunter và Blackstock (2010) SPDLNN bao gồm các trải nghiệm gắn liền với sản xuất nông nghiệp từ tham quan nông trại, thưởng thức ẩm thực địa phương đến các hoạt động tương tác như thu hoạch nông sản hay chế biến thực phẩm. Ở khía cạnh khác Lane & Kastenholt (2015) lại phân tích SPDLNN trong mối quan hệ với du lịch nông thôn và nhấn mạnh đến yếu tố trải nghiệm đích thực và tính bền vững trong tiêu dùng của du khách

Tại Việt Nam theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2017 "sản phẩm du lịch" được định nghĩa tại khoản 5, Điều 3 như sau: "*Sản phẩm du lịch là tập hợp các dịch vụ trên cơ sở khai thác giá trị tài nguyên du lịch để thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch*". Định nghĩa này áp dụng chung cho tất cả các loại hình du lịch bao gồm cả du lịch nông nghiệp. Tuy nhiên Luật Du lịch 2017 không đưa ra định nghĩa riêng biệt cho "sản phẩm du lịch nông nghiệp". Vì vậy các nghiên cứu học thuật và chính sách phát triển thường xây dựng khái niệm này dựa trên việc kết hợp định nghĩa chung về sản phẩm du lịch với đặc điểm của hoạt động nông nghiệp và môi trường nông thôn. Theo đó yếu tố cốt lõi trong sản phẩm du lịch nông nghiệp chính là tài nguyên du lịch nông nghiệp (Trần Thu Phương, 2024). Theo PGS.TS. Đào Ngọc Cảnh đã trình bày quan điểm rằng: "*Sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Việt Nam cần dựa trên toàn bộ hệ sinh thái nông nghiệp và gắn kết chặt chẽ với đời sống văn hóa nông thôn*" (Đào Ngọc Cảnh và Ngô Thị Ái Thi, 2018).

Trong luận văn này khái niệm SPDLNN được hiểu là: *tổ hợp các dịch vụ và trải nghiệm du lịch được xây dựng trên cơ sở khai thác tài nguyên và hoạt động nông nghiệp, gắn với không gian nông thôn và đời sống văn hóa cộng đồng, nhằm tạo ra trải nghiệm đích thực cho du khách theo định hướng phát triển bền vững.*

1.2.1.4 Khái niệm phát triển sản phẩm du lịch du lịch nông nghiệp

Tổng quan từ các nghiên cứu cho thấy phát triển SPDLNN được tiếp cận theo hướng tích hợp giữa nông nghiệp và du lịch, nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm và phát triển bền vững. Theo Barbieri & Mshenga, (2010). phát triển SPDLNN được hiểu là quá trình phát triển loại hình du lịch nông nghiệp được diễn ra tại các khu vực sản xuất nông nghiệp, nơi du khách có thể tham gia hoặc quan sát các khu vực sản xuất nông nghiệp đồng thời trải nghiệm đời sống nông thôn. Hay từ góc độ phát triển nghiên cứu: *The Agritourism as a Means of Sustainable Development for Rural Communities: A Research from the Field* (Du lịch nông nghiệp như một phương tiện phát triển bền vững cho cộng đồng nông thôn : Nghiên cứu thực địa) của Ammirato (2014) lại nhấn mạnh rằng phát triển SPDLNN là quá trình chuyển đổi các nguồn lực nông nghiệp thành sản phẩm du lịch có tổ chức, đó không chỉ đơn thuần là hoạt động tham quan nông trại mà còn là công cụ thúc đẩy phát triển bền vững thông qua việc kết hợp giữa kinh tế, văn hóa và môi trường. Bên cạnh đó các tiếp cận hiện đại cho rằng phát triển SPDLNN cần dựa trên sự tích hợp đa yếu tố. Theo Margarida Custodio Santos và cộng sự (2020) phát triển SPDLNN là quá trình kết hợp giữa tài nguyên, dịch vụ, cơ sở vật chất, nguồn nhân lực và chính sách nhằm tạo ra sản phẩm du lịch nông nghiệp có giá trị và sức cạnh tranh cho cộng đồng. Hướng tiếp cận khác theo hướng tiếp cận tích hợp nông nghiệp và du lịch tổng nghiên cứu của Eddy S. Yusuf và cs (2023) phát triển SPDLNN là quá trình kết hợp nông nghiệp và du lịch nhằm tạo ra lợi ích kinh tế , xã hội và môi trường cho khu vực nông thôn. Tiếp cận theo hướng cấu thành sản phẩm của Marubeni Yusuf Wyratama và cs (2024) thì phát triển SPDLNN là quá trình tổ chức các yếu tố : sản phẩm vật chất, chương trình, gói dịch vụ và con người thành gói sản phẩm hoàn chỉnh. Ngoài ra có nhiều nghiên cứu còn tiếp cận theo hướng phát triển bền vững với nghiên cứu của Shaurya Thakur (2025) phát triển SPDLNN là công cụ phát triển bền vững giúp đa dạng hóa kinh tế, bảo tồn và nâng cao nhận thức với môi trường.

Tại Việt Nam khái niệm phát triển SPDLNN được tiếp cận trong bối cảnh phát triển du lịch nông thôn và xây dựng nông thôn mới. Theo các nghiên cứu gần đây phát triển SPDLNN được hiểu là phát triển các hoạt động du lịch nông nghiệp dựa trên sản xuất nông nghiệp nhằm phục vụ nhu cầu tham quan, trải nghiệm, giáo dục và giải trí của du khách (Phan Thị Ngân và cộng sự 2021). Các nghiên cứu tại Việt Nam cũng chỉ ra rằng phát triển SPDLNN không chỉ là khai thác tài nguyên sẵn có mà còn là quá trình tổ chức lại hoạt động sản xuất, bổ sung dịch vụ và xây dựng trải nghiệm cho du khách. Điển hình với nghiên cứu: *Du lịch nông nghiệp và phát triển bền vững tại Đồng bằng sông Mekong, Việt Nam* của nhóm tác giả Nguyễn Cường và cs (2023) cho thấy việc phát triển SPDLNN cần gắn với sinh kế của người dân, bảo tồn văn hóa địa phương và nâng cao giá trị chuỗi nông sản. Bên cạnh đó về mặt chính sách, Quyết định 922/QĐ – TTg (2022) đã xác định phát triển SPDL nông thôn trong đó có du lịch nông nghiệp là một nhiệm vụ trọng tâm nhằm đa dạng hóa sản phẩm du lịch quốc gia và nâng cao thu nhập cho khu vực nông thôn. Văn bản này nhấn mạnh rằng việc xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng đặc trưng, có giá trị trải nghiệm và ứng dụng chuyển đổi số. Hơn nữa còn có những cách tiếp cận theo hướng phát triển kinh tế nông thôn thì phát triển SPDLNN được xem là công cụ tại sinh kế, tăng thu nhập và phát triển kinh tế nông thôn thông qua khai thác tài nguyên nông nghiệp (Lê Thị Kim Trang, 2025). Hay tiếp cận theo hướng liên kết vùng và chuỗi giá trị lại cho thấy rằng phát triển SPDLNN là cách phát triển sản phẩm là quá trình tổ chức, phối hợp và kết nối các chủ thể tham gia (nông dân, hợp tác xã, doanh nghiệp du lịch, chính quyền và các bên liên quan) trong không gian liên vùng nhằm hình thành, hoàn thiện và nâng cao giá trị sản phẩm du lịch nông nghiệp. Quá trình này đảm bảo sự liên kết xuyên suốt từ sản xuất nông nghiệp, chế biến, dịch vụ du lịch đến tiêu thụ sản phẩm, qua đó tạo ra sản phẩm có tính hệ thống, có khả năng cạnh tranh và mang lại lợi ích kinh tế – xã hội bền vững cho địa phương.

Từ các nghiên cứu quốc tế và Việt Nam trong luận văn này có thể khái quát rằng : *Phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp là quá trình chuyển hóa tài nguyên nông nghiệp thành sản phẩm du lịch trải nghiệm thông qua tổ chức sản phẩm, liên kết chuỗi giá trị và tích hợp các yếu tố dịch vụ, nhằm tạo giá trị gia tăng và phát triển bền vững.*

1.2.2 Điều kiện phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

Phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp phụ thuộc vào hai nhóm điều kiện chính: Điều kiện cung - phản ánh năng lực và nguồn lực của điểm đến và Điều kiện cầu - thể hiện nhận thức, động cơ, trải nghiệm và ý định hành vi quay trở lại của du khách. Ngoài ra quá trình này còn được hỗ trợ bởi các yếu tố như cơ chế chính sách và xúc tiến, quảng bá.

1.2.2.1 Điều kiện cung

Phelan và Sharpley (2011) đã quan sát thấy ngày càng nhiều nghiên cứu về du lịch nông nghiệp đặc biệt là về động cơ tích hợp nó vào hoạt động nông trại. Đối với phát triển du lịch nông nghiệp phân tích theo cách trực diện từ phía cung bao gồm : Đặc điểm trang trại/hộ quyết định tham gia và yếu tố ảnh hưởng đến năng lực cung ứng... Từ góc độ phía cung, nghiên cứu “Exploring the Supply-Side Dynamics of Agritourism in Tamil Nadu” (Khám phá động lực phía cung của du lịch nông nghiệp tại Tamil Nadu) của Sennimalai S., Rao B.V. và Sivakumar S.D. (2025) tác giả cũng đề cập coi tài nguyên nông nghiệp và cảnh quan nông thôn là nền tảng, động lực của du lịch nông nghiệp. Kết quả trong nghiên cứu “Phát triển du lịch nông nghiệp huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ” dựa trên phương pháp nghiên cứu định tính kết hợp định lượng chỉ ra rằng các yếu tố phía cung đóng vai trò then chốt trong phát triển du lịch nông nghiệp bao gồm: hệ thống sản phẩm du lịch nông nghiệp, cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài nguyên du lịch nông nghiệp và nguồn lao động địa phương (Trương Trí Thông và cộng sự, 2024). Trong khi đó tác giả Phan Văn Đua với đề tài luận án “Nghiên cứu phát triển du lịch nông thôn tỉnh Bạc Liêu” đã lựa chọn các yếu tố: Tài nguyên du lịch nông thôn; Cơ sở hạ tầng & cơ sở vật chất kỹ thuật; Sự tham gia của người dân địa phương; Sự tham gia của tổ chức doanh nghiệp du lịch; Chính sách, hỗ trợ của cộng đồng địa phương; Xúc tiến, quảng bá du lịch; Nhận thức du lịch nông thôn làm khung nghiên cứu cho nghiên cứu của mình. Quyết định số 922/QĐ-TT của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 với nội dung ban hành từ phía

cung: Phát triển nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng; Truyền thông, xúc tiến quảng bá du lịch nông thôn....

Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu quốc tế, nghiên cứu thực nghiệm trong nước và định hướng chính sách hiện hành nghiên cứu này xác định các điều kiện phía cung trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp bao gồm:

Tài nguyên du lịch nông nghiệp: Bao gồm đất đai, khí hậu, hệ sinh thái, cây trồng - vật nuôi đặc trưng, cảnh quan nông nghiệp, không gian làng quê và các giá trị văn hóa - lịch sử gắn với sản xuất nông nghiệp. Đây là nền tảng để hình thành và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp.

Cơ sở hạ tầng & cơ sở vật chất: bao gồm giao thông, điện nước, viễn thông, lưu trú, ăn uống và các hạng mục phục vụ trực tiếp du khách ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng tiếp cận và mức độ hài lòng của khách.

Dịch vụ du lịch: là việc cung cấp các dịch vụ về lễ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí, thông tin, hướng dẫn và các dịch vụ khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch.

Nhân lực du lịch: chủ yếu là người dân địa phương và các chủ thể tham gia cung ứng dịch vụ; trình độ, kỹ năng, thái độ phục vụ và mức độ sẵn sàng tham gia làm du lịch có vai trò quyết định đến chất lượng trải nghiệm của du khách.

Các yếu tố phía cung không tồn tại độc lập mà luôn có mối quan hệ chặt chẽ và hỗ trợ lẫn nhau. Trong đó tài nguyên du lịch là cơ sở nền tảng hình dịch vụ du lịch, nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng & cơ sở vật chất quyết định khả năng tổ chức và chất lượng cung ứng. Tuy nhiên sự phát triển của sản phẩm du lịch nông nghiệp không chỉ phụ thuộc vào các điều kiện phía cung mà còn phụ thuộc vào các yếu tố phía cầu, thể hiện qua: nhu cầu, nhận thức, động cơ và hành vi của du khách. Do đó để đánh giá toàn diện quá trình phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp việc xem xét đồng thời các điều kiện phía cầu là cần thiết.

1.2.2.2 Điều kiện cầu

Ở góc độ nghiên cứu phía cầu nhiều công trình trong và nước ngoài đã tập trung phân tích nhu cầu, nhận thức, động cơ, đánh giá trải nghiệm và hành vi của du

khách đối với du lịch nông nghiệp. Các nghiên cứu quốc tế cho thấy du lịch nông nghiệp thu hút du khách không chỉ bởi giá trị kinh tế mà còn bởi các trải nghiệm gắn với đời sống nông thôn và tính bền vững. Tiêu biểu, Contini và cộng sự (2005) thông qua mô hình đầu vào – đầu ra tại Ý đã khẳng định cầu du lịch nông nghiệp thể hiện rõ qua mức độ tham gia, chi tiêu và hành vi tiêu dùng của du khách đồng thời cho thấy tác động tích cực của loại hình này đối với thu nhập và việc làm tại địa phương. Tiếp cận từ góc độ động cơ và trải nghiệm, các nghiên cứu về du lịch ẩm thực và du lịch nông nghiệp chỉ ra rằng động cơ tham gia của du khách chịu ảnh hưởng mạnh bởi nhận thức về các giá trị bền vững xã hội và môi trường, cũng như mong muốn trải nghiệm sâu đời sống và văn hóa nông thôn (Testa và cộng sự, 2019; Patil và cộng sự). Những kết quả này nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm chân thực và ý nghĩa trong việc hình thành nhận thức tích cực và thúc đẩy hành vi du lịch nông nghiệp.

Tại Việt Nam các nghiên cứu phía cầu chủ yếu tiếp cận theo hướng đánh giá nhu cầu thị trường, giá trị cảm nhận, mức độ hài lòng và ý định hành vi của du khách. Trịnh Thị Hà và Phan Thị Bích Hằng (2020) dựa trên mô hình phân biệt kỳ vọng (Expectancy Disconfirmation Theory – EDT) đã phân tích kỳ vọng, giá trị cảm nhận và mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với du lịch nông nghiệp tại thành phố Đà Lạt. Kết quả cho thấy mức độ hài lòng của du khách ở mức trung bình, trong đó yếu tố giá cả được đánh giá tích cực nhất, trong khi nhiều khía cạnh dịch vụ chưa đáp ứng đầy đủ kỳ vọng ban đầu. Theo hướng tiếp cận nhu cầu thị trường Phùng Ngọc Trường và cộng sự (2022) nghiên cứu nhu cầu du lịch nông nghiệp của du khách tại tỉnh Cao Bằng gắn với Công viên địa chất toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng và chỉ ra rằng nhu cầu khá đa dạng, tập trung chủ yếu ở nhóm học sinh, sinh viên và nhóm khách trong độ tuổi lao động ổn định, với các hoạt động được ưa thích là trải nghiệm sản xuất nông nghiệp và thưởng thức ẩm thực địa phương từ nông sản tại chỗ. Ngoài ra thì nhận thức của khách du lịch về lợi ích của du lịch mang lại đóng vai trò quan trọng trong cầu du lịch (Trần Đức Thanh và cộng sự, 2022) đây là yếu tố tác động trực tiếp đến động cơ đi du lịch của khách du lịch góp phần quan trọng trong việc phát triển du lịch tại điểm đến.

Bên cạnh đó các nghiên cứu về hành vi sau chuyến đi cho thấy hình ảnh điểm đến, giá trị cảm nhận và mức độ hài lòng có tác động tích cực đến ý định quay lại và truyền miệng của du khách. Đinh Phi Hồ (2022) khẳng định tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long truyền miệng đóng vai trò trung gian quan trọng giữa sự hài lòng và ý định quay lại của du khách. Tương tự, Ngô Thị Phương Lan và cộng sự (2022) cho thấy du khách đánh giá tương đối cao các trải nghiệm liên quan đến cảnh quan nông thôn, hoạt động sản xuất và văn hóa ẩm thực nhưng còn chưa hài lòng với cơ sở hạ tầng, dịch vụ hỗ trợ và vấn đề vệ sinh an toàn thực phẩm, đồng thời tồn tại sự khác biệt về mức độ hài lòng giữa các nhóm du khách theo đặc điểm nhân khẩu học. SPDLNN là một tập con của DLNN do đó các điều kiện phía cầu tác động đến DLNN nói chung cũng đồng thời chi phối việc lựa chọn, đánh giá và hành vi của du khách đối với SPDLNN. Trên cơ sở tổng hợp các nghiên cứu phía cầu, nghiên cứu này xác định bốn nhóm yếu tố chính phản ánh hành vi của du khách đối với du lịch nông nghiệp, bao gồm:

Nhận thức và nhu cầu: phản ánh mức độ hiểu biết, cảm nhận ban đầu và mong muốn của du khách đối với du lịch nông nghiệp. Yếu tố này được hình thành thông qua thông tin tiếp cận, hình ảnh điểm đến và các giá trị mà du khách kỳ vọng đạt được, từ đó định hướng nhu cầu và sự quan tâm đến loại hình du lịch này.

Động cơ du lịch: thể hiện những nguyên nhân thúc đẩy du khách lựa chọn tham gia du lịch nông nghiệp, bao gồm nhu cầu trải nghiệm đời sống nông thôn, khám phá văn hóa – ẩm thực địa phương, nghỉ ngơi, học hỏi và hướng tới các giá trị bền vững. Động cơ đóng vai trò cầu nối quan trọng giữa nhu cầu tiềm ẩn và quyết định tham gia thực tế của du khách.

Đánh giá trải nghiệm đáng nhớ: phản ánh mức độ ấn tượng và giá trị cảm xúc mà du khách cảm nhận được trong quá trình tham gia các hoạt động du lịch nông nghiệp. Những trải nghiệm mang tính chân thực, giàu tương tác và có ý nghĩa thường tạo dấu ấn lâu dài, qua đó ảnh hưởng tích cực đến sự hài lòng và nhận thức của du khách.

Ý định và hành vi: thể hiện phản ứng của du khách sau chuyến đi, bao gồm ý định quay lại, giới thiệu điểm đến cho người khác và truyền miệng tích cực. Đây là kết quả tổng hợp của quá trình nhận thức, trải nghiệm và đánh giá, đồng thời phản ánh mức độ thành công của sản phẩm du lịch nông nghiệp trong việc đáp ứng kỳ vọng của thị trường.

Các yếu tố phía cầu có mối quan hệ kế tiếp và tương tác chặt chẽ với nhau trong đó nhận thức và động cơ đóng vai trò định hướng quyết định tham gia ban đầu của du khách còn trải nghiệm đáng nhớ cùng với sự đánh giá sau chuyến đi chi phối các hành vi tiếp theo. Việc xem xét đồng thời các điều kiện phía cầu không chỉ góp phần làm rõ phản ứng của thị trường đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp mà còn cung cấp cơ sở khoa học quan trọng cho việc điều chỉnh, hoàn thiện và phát triển sản phẩm phù hợp với nhu cầu thực tiễn của du khách.

1.2.2.3 Các yếu tố hỗ trợ

Ở phạm vi các nghiên cứu quốc tế về phát triển du lịch nông nghiệp cho thấy quá trình này không chỉ phụ thuộc vào tài nguyên và dịch vụ tại điểm đến mà còn gắn chặt với khung chính sách, cơ chế quản lý, sự phối hợp giữa các bên liên quan và định hướng phát triển bền vững. Dsouza và cộng sự (2024) khi nghiên cứu khung chính sách và pháp lý cho phát triển du lịch nông nghiệp ở Ấn Độ đã nhấn mạnh vai trò của thể chế và chính sách trong việc định hướng, hỗ trợ và tạo điều kiện cho loại hình du lịch này phát triển. Baipai và cộng sự (2023) cũng đề xuất một khung phát triển du lịch nông nghiệp bền vững ở Zimbabwe tác giả nhấn mạnh các giai đoạn từ lập kế hoạch, phát triển đến triển khai cùng với sự tham gia của nhiều chủ thể trong quá trình tổ chức thực hiện. Từ góc độ phía cung, Sennimalai, Rao và Sivakumar (2025) cho thấy động lực phát triển du lịch nông nghiệp tại Tamil Nadu gắn với kỳ vọng của chủ trang trại, những thách thức trong vận hành và nhu cầu về các chính sách hỗ trợ phù hợp.

Ở Việt Nam các nghiên cứu cũng cho thấy phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp chịu ảnh hưởng đồng thời của các điều kiện cung, cầu và các yếu tố hỗ trợ. Nghiên cứu của Nguyễn Thế Hải và cộng sự (2022) tại Thái Nguyên chỉ ra rằng quyết

định tham gia du lịch nông nghiệp của du khách chịu tác động bởi nhiều yếu tố như: động cơ du lịch, hình ảnh điểm đến, thông tin điểm đến và hạ tầng phục vụ du lịch. Tiếp đó Đỗ Huyền Trang (2025) xác định bốn nhóm nhân tố có ảnh hưởng đến hoạt động du lịch nông nghiệp ở Thái Nguyên gồm: sự hấp dẫn của tài nguyên du lịch, chính sách phát triển du lịch, môi trường xã hội và trải nghiệm du lịch, cùng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật. Bên cạnh đó Ngô Thị Thu Trang và Trần Viết Khanh (2023) cho rằng công tác xúc tiến, quảng bá du lịch nông thôn ở Việt Nam vẫn chưa thực sự hiệu quả dù đây là yếu tố quan trọng để gia tăng khả năng tiếp cận thị trường và nâng cao giá trị sản phẩm. Ở cấp độ địa phương nghiên cứu tại huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ cho thấy hoạt động du lịch nông nghiệp còn phát triển lẻ tẻ, thiếu đồng bộ và chưa đủ hấp dẫn du khách từ đó đặt ra yêu cầu tăng cường liên kết, tổ chức sản phẩm và hoàn thiện các điều kiện hỗ trợ cho phát triển (Trương Trí Thông và cs, 2024).

Từ các nghiên cứu trên có thể thấy phát triển SPDLNN không chỉ phụ thuộc vào điều kiện cung và điều kiện cầu mà còn chịu tác động đáng kể của các yếu tố hỗ trợ như chính sách và hoạt động xúc tiến quảng bá. Đây là cơ sở quan trọng để tác giả nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng tổng hợp: gắn kết giữa tài nguyên, dịch vụ và trải nghiệm với môi trường, thể chế hỗ trợ tại điểm đến.

1.2.3 Vai trò của phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

Phát triển DLNN nói chung và phát triển SPDLNN nói riêng có vai trò quan trọng trong việc phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường của từng địa phương.

Trước hết phát triển SPDLNN đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn. Theo Donald Getz và J. Carlsen (2005) DLNN giúp nông hộ đa dạng hóa nguồn thu nhập thông qua việc kết hợp sản xuất nông nghiệp với hoạt động cung cấp dịch vụ du lịch. Bên cạnh đó nghiên cứu của Norma Nickerson, Robert Black và Stephen McCool (2001) cho thấy nhiều trang trại tham gia hoạt động du lịch nhằm gia tăng lợi nhuận và giảm rủi ro kinh tế trong sản xuất nông nghiệp.

Thứ hai phát triển SPDLNN góp phần tạo việc làm và cải thiện đời sống của cộng đồng địa phương. Du lịch nông nghiệp giúp tạo thêm cơ hội việc làm cho các

thành viên trong gia đình, người dân địa phương và thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong các hoạt động du lịch (An Overview (1994); Lee, M. H., 2008; Wu, T. C., 2018). Ngoài ra, nghiên cứu của Richard Sharpley (2002) cũng cho rằng DLNN là một trong những hướng quan trọng giúp đa dạng hóa sinh kế và thúc đẩy phát triển xã hội tại các khu vực nông thôn.

Thứ ba phát triển SPDLNN có vai trò trong việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của địa phương. Theo Greg Richards (2011) các hoạt động du lịch gắn với trải nghiệm nông nghiệp và đời sống nông thôn giúp du khách hiểu rõ hơn về văn hóa bản địa và góp phần quảng bá các giá trị truyền thống. Bên cạnh đó, báo cáo của UNESCO (2013) cũng cho rằng du lịch gắn với các hoạt động văn hóa và sản xuất nông nghiệp có thể góp phần bảo tồn di sản văn hóa và truyền thống địa phương.

Thứ tư phát triển SPDLNN góp phần thúc đẩy phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Theo nghiên cứu của C. Michael Hall và Stephen Page trong công trình *The Geography of Tourism and Recreation* (2014) các hoạt động du lịch tại khu vực nông thôn có thể nâng cao nhận thức của du khách về bảo vệ môi trường và khuyến khích việc sử dụng tài nguyên thiên nhiên một cách hợp lý.

Ngoài ra báo cáo của Food and Agriculture Organization (2019) cũng khẳng định rằng DLNN góp phần thúc đẩy phát triển nông thôn theo hướng bền vững. Không những vậy DLNN còn giúp đa dạng sinh học, bảo tồn các hệ sinh thái trên trái đất và nguồn tài nguyên thiên nhiên (Rajarshi DasGupta và cộng sự, 2019; Carolina Barbieri & Corinna Valdivia 2010; Deborah Che, Ann Veeck & Gregory Veeck, 2005).

Cuối cùng phát triển SPDLNN còn góp phần đa dạng hóa hệ thống sản phẩm du lịch và nâng cao sức hấp dẫn của điểm đến. Theo Philip Kotler (2016) việc xây dựng các SPDL đặc thù gắn với tài nguyên địa phương giúp nâng cao khả năng cạnh tranh của điểm đến du lịch. Trong bối cảnh đó các SPDLNN như: tham quan trang trại, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp hay thưởng thức nông sản địa phương đang trở

thành những sản phẩm du lịch độc đáo, góp phần thu hút du khách và phát triển du lịch địa phương.

Tóm lại phát triển SPDLNN có vai trò quan trọng trong thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn thông qua đa dạng hóa sinh kế, tạo việc làm và nâng cao thu nhập cho cộng đồng địa phương. Đồng thời phát triển SPDLNN còn góp phần bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống, bảo vệ môi trường, thúc đẩy phát triển bền vững và nâng cao sức hấp dẫn cũng như khả năng cạnh tranh của điểm đến du lịch.

1.2.4 Các lý thuyết liên quan đến phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

Trong quá trình xây dựng khung nghiên cứu phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn tác giả đã sử dụng một số lý thuyết liên quan đến phát triển sản phẩm du lịch như:

Bảng 1.3: Tóm tắt các lý thuyết

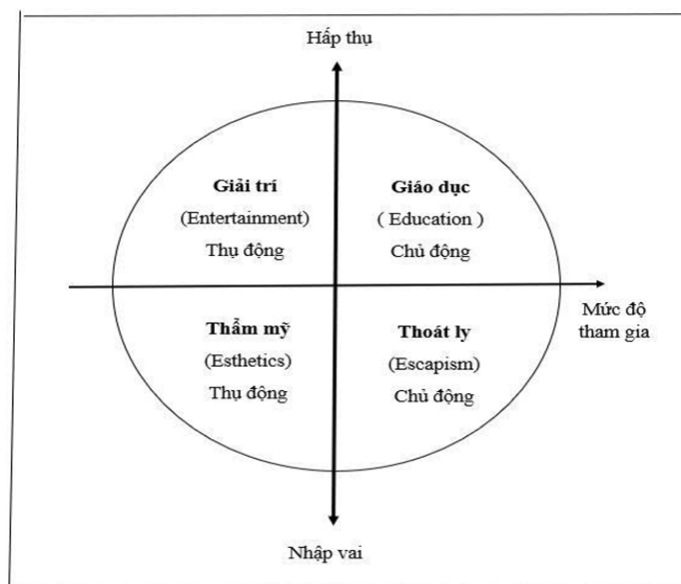
Lý thuyết	Nguồn tham khảo
Lý thuyết kinh tế trải nghiệm	Joseph Pine và James Gilmore (1998, 1999); Sieczko (2020)
Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB)	Icek Ajzen (1991)
Lý thuyết phát triển các sản phẩm du lịch mới	Margarida Custódio Santos và cộng sự (2020)

(Nguồn: Tổng hợp của tác giả)

1.2.4.1 Lý thuyết nền kinh tế trải nghiệm

Lý thuyết nền kinh tế trải nghiệm (Experience Economy) được đề xuất bởi Joseph Pine và James Gilmore vào năm 1998, 1999 cho rằng trong bối cảnh kinh tế hiện đại, trải nghiệm trở thành dạng giá trị cao nhất mà khách hàng tìm kiếm, vượt lên trên hàng hóa hữu hình và dịch vụ truyền thống. Theo quan điểm này, người tiêu dùng không chỉ mua sản phẩm hay dịch vụ, mà mua những cảm xúc, ký ức và ý nghĩa hình thành trong suốt quá trình tham gia trải nghiệm. Trong lĩnh vực du lịch, lý thuyết nền kinh tế trải nghiệm đặc biệt phù hợp do bản chất của du lịch là một hoạt động

mang tính vô hình, gắn với cảm nhận, cảm xúc và sự tham gia trực tiếp của du khách tại điểm đến. Pine và Gilmore đề xuất mô hình bốn lĩnh vực trải nghiệm (4Es), được xác định dựa trên hai trục: mức độ tham gia của khách (thụ động – chủ động) và mức độ kết nối với môi trường (hấp thụ – nhập vai). Bốn lĩnh vực trải nghiệm bao gồm:



Hình 1.1: Mô hình Lý thuyết nền kinh tế trải nghiệm

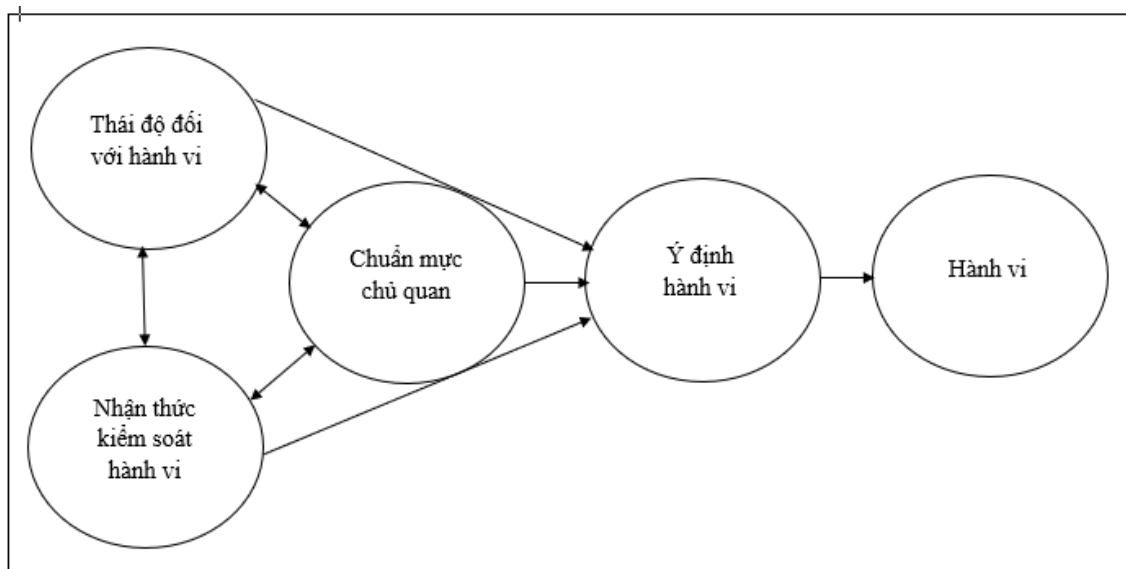
(Nguồn: Joseph Pine, Gilmore 1998,1999)

Theo Sieczko (2020) trong nghiên cứu “*Principles of the experience economy in designing an agritourism product*”, lý thuyết Kinh tế trải nghiệm được ứng dụng vào thiết kế sản phẩm du lịch nông nghiệp dựa trên mô hình 4Es của B. Joseph Pine II và James H. Gilmore. Nghiên cứu tiếp cận sản phẩm du lịch nông nghiệp như một tổ hợp trải nghiệm toàn diện trong đó du khách giữ vai trò chủ thể tham gia tích cực vào các hoạt động tại nông trại thay vì chỉ đơn thuần sử dụng dịch vụ tham quan hay lưu trú. Trong nghiên cứu này lý thuyết được vận dụng ở phía cầu làm cơ sở đánh giá chất lượng trải nghiệm của du khách trong du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn. Việc gia tăng tính tham gia, tính nhập vai và giá trị học hỏi sẽ góp phần nâng cao sự hài lòng và ý định quay lại, từ đó định hướng cải tiến sản phẩm theo hướng gia tăng giá trị trải nghiệm.

1.2.4.2 Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB)

Lý thuyết Hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior – TPB) được đề xuất bởi Icek Ajzen (1991) cho rằng ý định hành vi là yếu tố dự báo trực tiếp hành vi

thực tế và chịu tác động của ba thành phần: (1) thái độ đối với hành vi, (2) chuẩn chủ quan và (3) nhận thức kiểm soát hành vi. Trong bối cảnh du lịch, TPB được sử dụng rộng rãi để giải thích ý định lựa chọn điểm đến, ý định quay lại và hành vi tiêu dùng của du khách.



Hình 1.2: Mô hình Lý thuyết hành vi có kế hoạch (TPB)

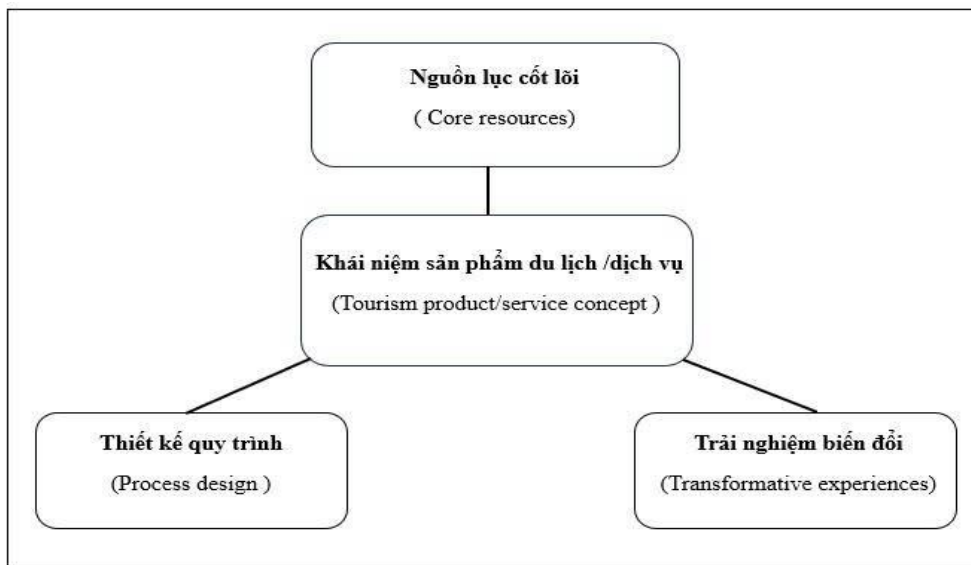
(Nguồn :Ajzen, 1991)

Zhao, Z et al (2022) đã ứng dụng lý thuyết hành vi có kế hoạch, mở rộng TPB bằng các biến giá trị môi trường để giải thích ý định tham gia du lịch nông nghiệp của du khách. Ranjbar, I., et al. (2024) lại sử dụng mô hình nghiên cứu này để phân tích ý định và hành vi chuyển dịch của nông dân sang nông nghiệp, nhấn mạnh nhận thức kiểm soát hành vi và động cơ tham gia. Đặng Hữu Thoại và cộng sự (2025).

Tại Việt Nam nghiên cứu về du lịch nông nghiệp ngày càng được quan tâm đặc biệt dưới góc độ hành vi du khách. Các công trình của Ngô Trọng Tuấn (2025), Đặng Hữu Thoại và cộng sự (2025) cùng Lê Anh Tuấn và các cộng sự (2023) đã vận dụng hoặc tiếp cận theo khung TPB để phân tích nhận thức, thái độ, động cơ và ý định hành vi của du khách tại điểm đến du lịch nông nghiệp. Những nghiên cứu này khẳng định vai trò quan trọng của yếu tố nhận thức, động cơ, tâm lý – hành vi trong việc định hướng phát triển và hoàn thiện sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Việt Nam.

1.2.4.3 Lý thuyết phát triển các sản phẩm du lịch mới

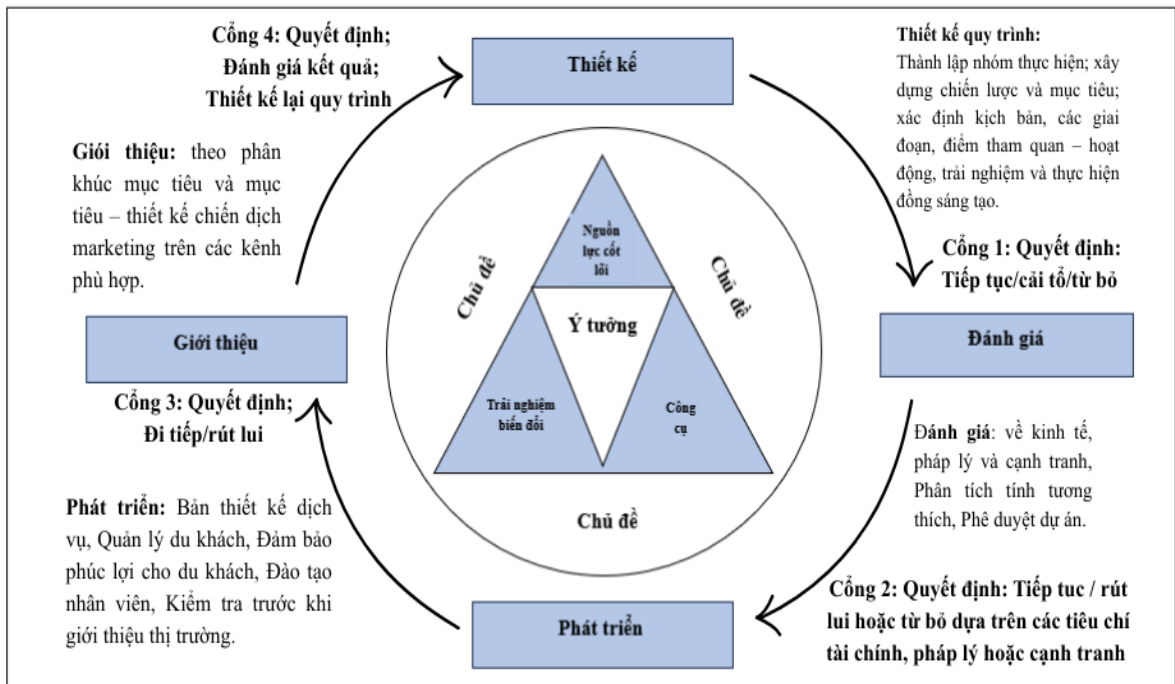
Theo Margarida Custódio Santos và cộng sự (2020) phát triển sản phẩm du lịch mới dựa trên ba thành tố cơ bản: (1) xác định và khai thác các nguồn lực cốt lõi của điểm đến làm nền tảng đổi mới; (2) kiến tạo các trải nghiệm mang tính biến đổi cho du khách; và (3) thiết lập quy trình phát triển sản phẩm một cách hệ thống và logic.



Hình 1.3: Khung lý thuyết phát triển sản phẩm du lịch mới của Santos et al. (2020)

(Nguồn: Margarida Custódio Santos và cộng sự, 2020)

Trên cơ sở khung lý thuyết nêu trên Santos và cộng sự (2020) tiếp tục cụ thể hóa bằng việc xây dựng mô hình phát triển sản phẩm du lịch mới, thể hiện rõ các giai đoạn triển khai và cơ chế đánh giá trong suốt vòng đời sản phẩm.



Hình 1.4: Mô hình phát triển sản phẩm du lịch mới

(Nguồn: Margarida Custódio Santos và cộng sự, 2020)

Mô hình được xây dựng theo cấu trúc chu trình trong đó khái niệm sản phẩm được hình thành dựa trên nguồn lực cốt lõi của điểm đến, các công cụ hỗ trợ và trải nghiệm mang tính biến đổi. Mô hình nhấn mạnh sự vận hành liên tục qua các giai đoạn thiết kế, đánh giá, phát triển và giới thiệu sản phẩm cho phép sản phẩm được điều chỉnh, cải tiến hoặc tái thiết kế nhằm bảo đảm tính cạnh tranh và phù hợp với thị trường. Ứng dụng mô hình nghiên cứu vào nghiên cứu sản phẩm du lịch văn hóa biển tỉnh Bình Thuận, tác giả Nguyễn Thị Thúy Ngân (2024) làm khung phân tích. Nghiên cứu tập trung vào việc xác định nguồn lực cốt lõi của địa phương, thiết kế các trải nghiệm mang tính biến đổi cho du khách và xây dựng quy trình phát triển sản phẩm một cách hệ thống nhằm nâng cao tính cạnh tranh và bền vững của sản phẩm du lịch văn hóa biển.

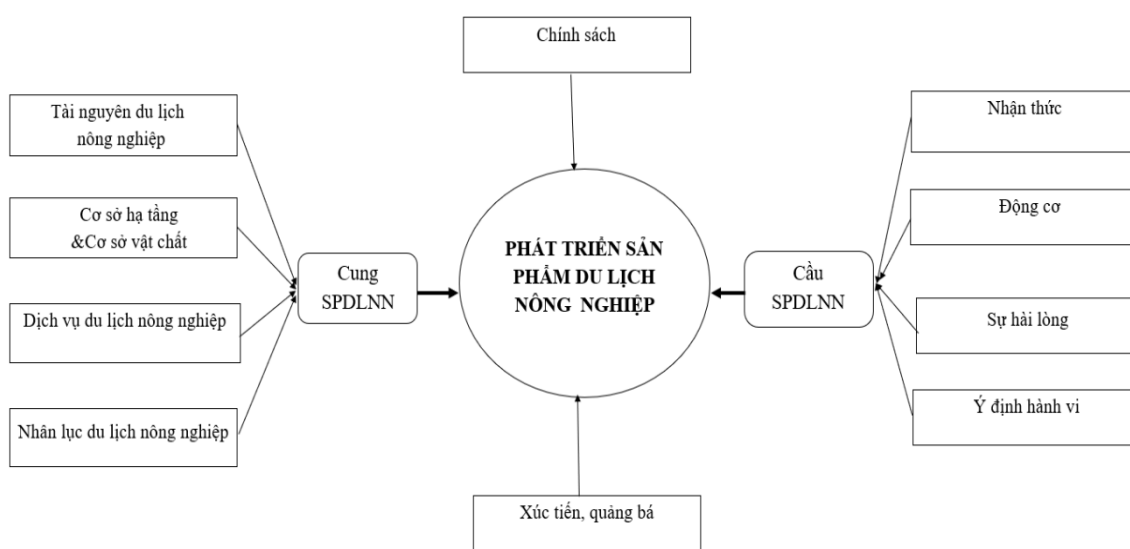
1.2.5. Đề xuất khung nghiên cứu

Trên cơ sở tổng quan các công trình nghiên cứu trong nước và quốc tế cùng việc kế thừa ba nền tảng lý thuyết chủ đạo gồm:

+ Lý thuyết kinh tế trải nghiệm (Pine & Gilmore, 1998; 1999): được sử dụng làm lý thuyết nền để lý giải giá trị cốt lõi về phía cầu sản phẩm du lịch nông nghiệp, phân tích được rõ nhân thức, động cơ, mức độ tham gia và chất lượng trải nghiệm của khách du lịch.

+ Lý thuyết Hành vi có kế hoạch – TPB (Ajzen, 1991): cung cấp cơ sở phân tích các yếu tố tâm lý – hành vi ảnh hưởng đến ý định tham gia và tái tham gia du lịch nông nghiệp của du khách.

+ Lý thuyết phát triển sản phẩm du lịch mới (Santos et al., 2020) là cơ sở từ phía cung giúp xác định các nguồn lực phát triển sản phẩm du lịch như: tài nguyên, dịch vụ, nhân lực, cơ sở vật chất, hạ tầng, cùng với các yếu tố hỗ trợ như chính sách và xúc tiến – quảng bá. Qua đó lý thuyết này định hướng việc tổ chức và phát triển sản phẩm du lịch một cách hiệu quả



Hình 1.5: Sơ đồ khung phân tích phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

(Nguồn: Tác giả đề xuất)

Sơ đồ trên phân tích các yếu tố tác động tới việc phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại các địa phương, bao gồm các yếu tố cung, các yếu tố cầu và các yếu tố hỗ trợ (Cơ chế, chính sách và các hoạt động xúc tiến, quảng bá). Các yếu tố được tổng hợp ở bảng dưới đây.

Bảng 1.4: Các yếu tố tác động tới phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

STT	Yếu tố	Nguồn tham khảo
<i>Yếu tố cung SPDLNN</i>		
1	Tài nguyên du lịch	Sadowski & Wojcieszak (2019), Quintal và cộng sự (2015), Lan Mai Thị Kiều và cộng sự (2023), Nguyễn Trường Sơn và cộng sự (2023), Phan Việt Đua (2024)
2	Cơ sở hạ tầng & Cơ sở vật chất	Trương Trí Thông & Nguyễn Trọng Nhân (2024), Fanelli & Romagnoli (2020), Gherdan et al. (2025), Ninh H. N và cộng sự (2025)
3	Dịch vụ du lịch	Barbieri & Valdivia (2010), Che, Veeck & Veeck (2005), Phillip, Hunter & Blackstock (2010), Trần Thu Phương (2024), Trần Văn Túy và cs (2025). Đinh Phạm Hiền (2023), Đặng Hữu Thoại và cộng sự (2025).
4	Nhân lực du lịch	Nguyễn Hoàng Sơn và cộng sự (2023); Trương Trí Thông và cộng sự (2024); Bhatta, Ohe & Ciani (2020)
<i>Yếu tố cầu SPDLNN</i>		
1	Nhận thức SPDLNN	Testa và cộng sự (2019), Trịnh Thị Hà và Phan Thị Bích Hằng (2020), Trần Đức Thanh và cộng sự (2022), Um et al. (1990); Mai Thị Kiều Lan và cộng sự (2023)
2	Động cơ	Barbieri (2013), Trần Ngọc Quyền và cộng sự, 2014, Flanigan, Blackstock & Hunter (2014), Yamagishi & Ohe (2016), Han (2015, Nguyễn Thái Dung (2024) và Phùng Ngọc Trường và cộng sự (2022).

3	Sự hài lòng	Chi & Qu (2008), Đinh Phi Hồ (2018), Trương Trí Thông và cộng sự (2023)
4	Ý định, hành vi	Zeithaml và cộng sự (1996), Yoon & Uysal (2005), Gundur Leo và cộng sự (2021), Ajzen (1991), Zhao và cộng sự (2022)
<i>Yếu tố hỗ trợ SPDLNN</i>		
1	Xúc tiến, quảng bá	Mai Thị Kiều Lan và cộng sự (2023), Phan Việt Đua (2024), Setegn & Japee (2025)
2	Chính sách	Quốc hội (2017), Thủ tướng Chính phủ (2022), Nguyen Thi Huynh Phuong & Hoang Thi Dieu Thuy (2025), Yusuf et al. (2024)

(Nguồn : Tác giả tổng hợp)

- Yếu tố phía cung SPDLNN

Tài nguyên du lịch

Theo Luật Du lịch Việt Nam năm 2017, tài nguyên du lịch là cảnh quan thiên nhiên, yếu tố tự nhiên và các giá trị văn hóa làm cơ sở để hình thành sản phẩm du lịch, khu du lịch, điểm du lịch, nhằm đáp ứng nhu cầu du lịch; tài nguyên du lịch bao gồm tài nguyên du lịch tự nhiên và tài nguyên du lịch văn hóa (Luật Du lịch, 2017). Đối với DLNN, tài nguyên của loại hình du lịch này bao gồm toàn bộ các yếu tố phục vụ hoạt động sản xuất nông nghiệp: từ tư liệu sản xuất, đất đai, sông ngòi, ao hồ, con người, quy trình sản xuất, tập quán canh tác, sản phẩm tạo ra... đến các yếu tố tự nhiên gắn với sản xuất nông nghiệp như môi trường, khí hậu, thời tiết... Tất cả đều là cơ sở tài nguyên cho DLNN. Trong các nghiên cứu về du lịch nông nghiệp, sản phẩm du lịch nông nghiệp thì tài nguyên du lịch được coi là yếu tố quan trọng. Một số kết quả nghiên cứu thực nghiệm cho thấy tài nguyên du lịch có ảnh hưởng đến sự phát triển điểm đến du lịch như: Sadowski & Wojcieszak (2019) nhấn mạnh cảnh quan và đặc trưng không gian nông thôn là điều kiện nền tảng chi phối phát triển agritourism, qua đó củng cố vai trò của tài nguyên cảnh quan trong hình thành sản phẩm DLNN. Quintal và cộng sự (2015) đề xuất thang đo “winescape” và kiểm định

tác động của các thuộc tính cảnh quan–môi trường–dịch vụ đến hành vi du khách, gợi ý cách đo lường tài nguyên/bối cảnh trải nghiệm có thể vận dụng cho DLNN. Nghiên cứu về quyết định tham gia DLNN tại Đà Lạt tác giả Lan Mai Thị Kiều và cộng sự (2023) cho thấy tài nguyên không chỉ là yếu tố sẵn có mà còn là giá trị cảm nhận của du khách. Không chỉ vậy tài nguyên du lịch còn có vai trò tạo ra trải nghiệm và nâng cao sự hài lòng của khách du lịch (Nguyễn Trường Sơn và cộng sự 2023). Theo cách tiếp cận hệ thống, Phan Việt Đua (2024) đề xuất lượng hoá tài nguyên theo các tiêu chí khả năng tiếp cận, khả năng khai thác, tính bền vững và điều kiện tổ chức có thể chuyển hoá thành biến quan sát đánh giá mức độ sẵn sàng phát triển DLNN. Từ đó, thang đo “tài nguyên du lịch” trong DLNN là một yếu tố quan trọng cần thiết về cung phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp.

Cơ sở hạ tầng & Cơ sở vật chất

Cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật được xem là điều kiện nền để hình thành và nâng chất trải nghiệm, vì chúng quyết định mức độ tiếp cận, sự tiện nghi và khả năng vận hành dịch vụ tại điểm. Nghiên cứu ở Phong Điền (Cần Thơ) xác định cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật là hai nhân tố tác động đến phát triển DLNN, nhấn mạnh vai trò của đường sá, kết nối và các hạng mục phục vụ trải nghiệm tại điểm. Trương Trí Thông & Nguyễn Trọng Nhân, 2024). Ở góc nhìn quốc tế, nghiên cứu tại Ý cho thấy chất lượng cơ sở vật chất của cơ sở du lịch nông nghiệp liên quan trực tiếp đến mức độ hài lòng của khách, củng cố luận điểm rằng cơ sở vật chất kỹ thuật là một cấu phần quan trọng của “sản phẩm” du lịch nông nghiệp (Fanelli & Romagnoli, 2020). Đồng thời, các nghiên cứu định hướng chiến lược cũng coi khả năng tiếp cận hạ tầng là tiêu chí trọng yếu khi ưu tiên giải pháp phát triển du lịch nông nghiệp (Gherdan et al., 2025).

Dịch vụ du lịch

Dịch vụ du lịch là một nội dung quan trọng được nhiều học giả nghiên cứu trong lĩnh vực du lịch và quản trị dịch vụ. Theo Luật Du lịch 2017 dịch vụ du lịch bao gồm các dịch vụ như lễ hành, vận chuyển, lưu trú, ăn uống, vui chơi giải trí và các dịch vụ cần thiết khác nhằm đáp ứng nhu cầu của khách du lịch. Trong nghiên

cứu về du lịch nông nghiệp và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, dịch vụ du lịch được xem là yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến trải nghiệm và sự hài lòng của du khách. Các nghiên cứu của Barbieri & Valdivia (2010) và Che, Veeck & Veeck (2005) cho thấy các dịch vụ tại trang trại như tham quan, lưu trú, ẩm thực và trải nghiệm nông nghiệp góp phần đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao sức hấp dẫn của du lịch nông nghiệp trong khi Phillip, Hunter & Blackstock (2010) nhấn mạnh vai trò của các dịch vụ trải nghiệm trong phát triển các mô hình du lịch nông nghiệp.

Ngoài ra Barbieri (2013) cho rằng chất lượng dịch vụ du lịch có ảnh hưởng đáng kể đến hành vi và sự hài lòng của du khách. Rauniyar và cộng sự (2020) cũng đề xuất đánh giá dịch vụ du lịch nông nghiệp thông qua các yếu tố như sự đa dạng dịch vụ, chất lượng phục vụ, khả năng tiếp cận và sự tham gia của cộng đồng địa phương. Tại Việt Nam các nghiên cứu của Ninh H. N. & Trương Ngọc Tín (2025), Trần Thu Phương (2024), Trần Văn Túy và cộng sự (2025), Đinh Phạm Hiền (2023) và Đặng Hữu Thoại và cộng sự (2025) đều cho thấy hệ thống dịch vụ du lịch, cùng với tài nguyên và sản phẩm du lịch đặc thù, có vai trò quan trọng trong phát triển du lịch nông nghiệp và ảnh hưởng đến quyết định tham gia của du khách.

Nhân lực du lịch

Trong các nghiên cứu về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp nhân lực du lịch được xem như là “điểm chạm” quyết định khả năng chuyển hóa tài nguyên nông nghiệp thành trải nghiệm dịch vụ có giá trị. Nhân lực như một nhóm tiêu chí trong bộ tiêu chí phát triển DLNN thường xuất hiện trong các nghiên cứu xây dựng hệ thống tiêu chí/đánh giá tiềm năng, xem “nguồn nhân lực” là điều kiện nền cho phát triển sản phẩm (cùng với cơ sở vật chất, quản trị, thị trường) (Lê Thị Hương, 2025). Trong các nghiên cứu về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, nhân lực du lịch thường được xem là yếu tố then chốt giúp “biến” tài nguyên nông nghiệp thành trải nghiệm dịch vụ, từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của du khách. Son, Nguyen & Hoang (2023) cho thấy ở ĐBSCL, nhân lực du lịch (thái độ phục vụ, kỹ năng/kiến thức) là nhân tố được đo lường rõ và tác động tích cực đến hài lòng của khách. Ngoài ra nguồn nhân lực còn là một trong các nhân tố ảnh hưởng đến phát

triển DLNN ở Phong Điền, Thành phố Cần Thơ (Trương Trí Thông & Nguyễn Trọng Nhân, 2024). Bhatta, Ohe & Ciani (2020) tiếp cận theo SWOT và khẳng định nhân lực phù hợp là điều kiện quan trọng để chuyển tiềm năng agritourism thành sản phẩm vận hành hiệu quả. Tổng hợp các nghiên cứu cho thấy nhân lực du lịch (thái độ, kỹ năng/kiến thức, mức độ sẵn sàng phục vụ và năng lực vận hành) là yếu tố then chốt quyết định chất lượng trải nghiệm, từ đó thúc đẩy sự hài lòng và hiệu quả phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp.

- Yếu tố phía cầu SPDLNN

Nhận thức SPDLNN

Đối với du lịch bên cạnh thời gian rảnh rỗi và điều kiện tài chính, nhận thức của du khách giữ vai trò nền tảng trong việc hình thành cầu du lịch (Trần Đức Thanh và cộng sự, 2022). Theo Um Sangho và Crompton John L. (1990), nhận thức và thái độ tích cực sẽ làm tăng khả năng điểm đến được đưa vào tập lựa chọn và dẫn đến quyết định tham gia. Trong bối cảnh du lịch nông nghiệp Testa và cộng sự (2019) cho thấy nhận thức về giá trị bền vững xã hội – môi trường có tác động tích cực đến động cơ và ý định tham gia. Trong khi đó theo cách tiếp cận EDT nhận thức trước chuyến đi ảnh hưởng đáng kể đến mức độ hài lòng và đánh giá sản phẩm (Trịnh Thị Hà & Phan Thị Bích Hằng, 2020). Đồng thời Mai Thị Kiều Lan và cộng sự (2023) cũng khẳng định nhận thức tích cực về trách nhiệm xã hội điểm đến góp phần thúc đẩy hành vi ủng hộ phát triển du lịch. Như vậy nhận thức SPDLNN là yếu tố quan trọng phía cầu, ảnh hưởng trực tiếp đến động cơ, đánh giá trải nghiệm và ý định hành vi của du khách.

Động cơ

Động cơ du lịch đóng vai trò quan trọng trong việc giải thích và dự báo hành vi của du khách; trên thực tế, khách du lịch không hành động một cách ngẫu nhiên mà luôn bị chi phối bởi những yếu tố thúc đẩy nhất định (Trần Ngọc Quyên và cộng sự, 2014). Trong các nghiên cứu quốc tế, động cơ tham gia du lịch nông nghiệp được xem là cơ sở quan trọng trong thiết kế và phát triển sản phẩm. Barbieri (2013) cho rằng việc hiểu rõ các động cơ như thư giãn, giáo dục, gắn kết gia đình và tìm kiếm tính xác thực giúp xây dựng sản phẩm phù hợp với từng phân khúc khách; Flanigan,

Blackstock và Hunter (2014) nhấn mạnh vai trò của trải nghiệm chân thực và tương tác trực tiếp trong agritourism. Tại Nhật Bản, Yamagishi và Ohe (2016) chỉ ra động cơ giáo dục và giá trị bền vững thúc đẩy mạnh nhóm khách đô thị, gợi ý phát triển sản phẩm gắn với học tập trải nghiệm và nông nghiệp hữu cơ. Trong bối cảnh tiêu dùng xanh, Han (2015) cho thấy động cơ môi trường và trách nhiệm xã hội làm gia tăng ý định lựa chọn du lịch bền vững. Đặc biệt, Yoon Yooshik và cộng sự (2005) khẳng định động cơ là tiền đề quan trọng ảnh hưởng đến sự hài lòng và lòng trung thành của du khách, qua đó tác động gián tiếp đến khả năng quay lại và giới thiệu điểm đến. Bên cạnh đó, Mai Thị Kiều Lan và cộng sự (2023) cho thấy các yếu tố giá trị xã hội và trách nhiệm điểm đến có thể trở thành động cơ thúc đẩy hành vi ủng hộ phát triển du lịch, hàm ý rằng động cơ không chỉ ảnh hưởng đến quyết định tham gia mà còn định hướng phát triển sản phẩm theo hướng bền vững. Ở Việt Nam, Nguyễn Thái Dung (2024) và Phùng Ngọc Trường và cộng sự (2022) cũng khẳng định động cơ trải nghiệm thực tế, khám phá và thưởng thức nông sản đặc trưng có ảnh hưởng lớn đến quyết định lựa chọn sản phẩm, qua đó gợi mở việc đa dạng hóa hoạt động trải nghiệm và nâng cao tính giáo dục trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp.

Sự hài lòng

Sự hài lòng của du khách là một trong những yếu tố trung tâm phản ánh mức độ thành công của sản phẩm và điểm đến du lịch. Theo Chi và Qu (2008), sự hài lòng được hình thành từ quá trình so sánh giữa kỳ vọng ban đầu và trải nghiệm thực tế; mức độ hài lòng càng cao thì khả năng quay lại và giới thiệu điểm đến càng lớn. Trong bối cảnh du lịch nông nghiệp, Đinh Phi Hồ (2022) và Trương Trí Thông và cộng sự (2023) khẳng định rằng chất lượng trải nghiệm, dịch vụ hỗ trợ và yếu tố con người có ảnh hưởng đáng kể đến sự hài lòng. Như vậy, sự hài lòng không chỉ phản ánh đánh giá tổng thể sau chuyến đi mà còn là cơ sở quan trọng để phát triển và hoàn thiện sản phẩm du lịch nông nghiệp

Ý định, hành vi:

Ý định hành vi” của khách hàng sau khi trải nghiệm dịch vụ thường được biểu hiện qua các khuynh hướng như tiếp tục sử dụng, quay lại, truyền miệng tích cực, giới thiệu và xu hướng chuyển đổi khi chất lượng hay giá trị cảm nhận không đáp ứng kỳ vọng. (Zeithaml et al., 1996). Trong nghiên cứu của Yoon và Uysal (2005) về lòng trung thành điểm đến, ý định quay lại và ý định giới thiệu được xem là các chỉ báo cốt lõi phản ánh lòng trung thành của du khách, qua đó có thể kế thừa để đo lường ý định/hành vi trong bối cảnh du lịch (và mở rộng áp dụng cho du lịch nông nghiệp). (Yoon & Uysal, 2005). Dưới phương diện du lịch nông nghiệp thì Gundur Leo và cộng sự (2021) cho rằng lòng trung thành trong du lịch nông nghiệp được biểu hiện thông qua sự yêu thích, mức độ gắn bó và ý định quay trở lại cũng như giới thiệu điểm đến cho người khác. Dưới góc độ khác thì hành vi, ý định hành vi của du khách lại được hiểu là mức độ sẵn sàng tham gia du lịch nông nghiệp trong tương lai được hình thành trên cơ sở thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi theo Lý thuyết Hành vi có kế hoạch của Icek Ajzen (1991) (Zhao và cộng sự, 2022).

-Yếu tố hỗ trợ SPDLNN

Chính sách

Trong các nghiên cứu về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, chính sách được xem là “khung đỡ” tạo hành lang pháp lý và nguồn lực hỗ trợ cho địa phương triển khai sản phẩm (Quốc hội, 2017; Thủ tướng Chính phủ, 2022). Nghiên cứu tại Cần Thơ cho thấy chính sách hỗ trợ của chính quyền (tài chính–đầu tư, bảo tồn tài nguyên, thủ tục–thể chế) làm tăng lợi ích cảm nhận, từ đó thúc đẩy sự tham gia của cư dân vào phát triển agritourism (Nguyen Thi Huynh Phuong & Hoang Thi Dieu Thuy, 2025). Ở quốc tế, hỗ trợ tài chính từ chính phủ cũng được coi là đòn bẩy giúp vượt rào cản vốn và tăng khả năng phát triển agritourism theo khung 4As (Yusuf et al., 2024).

Tóm lại phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp được hình thành đồng thời từ yếu tố phía cầu (nhận thức, động cơ, sự hài lòng, ý định và hành vi của du khách), yếu tố phía cung (tài nguyên du lịch, cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất, dịch vụ du lịch, nguồn nhân lực tại điểm đến) và các yếu tố hỗ trợ như chính sách và hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch. Việc tích hợp các nhóm yếu tố này giúp mô hình nghiên cứu

phản ánh đầy đủ cơ chế tác động đến phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, đồng thời làm cơ sở cho việc kiểm định thực nghiệm và đề xuất các giải pháp phù hợp.

Xúc tiến, quảng bá

Trong các nghiên cứu về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, xúc tiến – quảng bá thường được xem là “đòn bẩy thị trường” giúp tăng nhận biết, truyền thông giá trị trải nghiệm, và thúc đẩy quyết định tham gia/quay lại/giới thiệu. Ở Việt Nam, nghiên cứu tại Đà Lạt cho thấy “Marketing” là một trong các nhóm yếu tố tác động tích cực đến quyết định tham gia hoạt động DLNN của du khách (Mai Thị Kiều Lan và cs, 2023). Ở bình diện rộng hơn của phát triển du lịch nông thôn (có liên quan chặt chẽ đến DLNN), các nghiên cứu/luận án cũng nhấn mạnh vai trò của truyền thông điểm đến, xây dựng hình ảnh, kết nối thị trường và kênh phân phối như nhóm giải pháp then chốt để thương mại hóa sản phẩm (Phan Việt Đua, 2024). Ở quốc tế, các nghiên cứu marketing du lịch cho thấy các công cụ xúc tiến (quảng cáo, bán hàng cá nhân, PR, khuyến mại...) có thể cải thiện hiệu quả marketing, trong đó PR có vai trò trung gian đáng kể trong một số bối cảnh điểm tham quan (Setegn & Japee, 2025). Tóm lại, xúc tiến – quảng bá là nhân tố then chốt giúp sản phẩm du lịch nông nghiệp tiếp cận đúng thị trường, gia tăng nhận biết và niềm tin, từ đó nâng tỷ lệ tham gia, quay lại và giới thiệu của du khách.

Tiểu kết chương 1

Chương 1 đã tổng quan các nghiên cứu trong và ngoài nước về du lịch nông nghiệp, sản phẩm du lịch nông nghiệp và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo các hướng tiếp cận phía cầu, phía cung và kết hợp cung – cầu. Qua đó cũng xác định khoảng trống nghiên cứu khi các công trình tại Việt Nam còn thiếu các nghiên cứu chuyên sâu ở cấp huyện đặc biệt tại những địa bàn có lợi thế nông nghiệp đặc thù như huyện Lục Ngạn, đồng thời chưa làm rõ một cách hệ thống mối liên hệ giữa năng lực cung ứng tại điểm đến với nhu cầu và trải nghiệm của du khách.

Bên cạnh đó, chương 1 đã làm rõ cơ sở lý luận về các khái niệm và điều kiện phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp và lựa chọn các nền tảng lý thuyết gồm: Lý thuyết kinh tế trải nghiệm (Pine & Gilmore, 1998; 1999);, Lý thuyết Hành vi có kế hoạch – TPB (Ajzen, 1991) và Lý thuyết phát triển sản phẩm du lịch mới (Santos et al., 2020) để xây dựng khung phân tích. Trên cơ sở tổng hợp nghiên cứu đề xuất sơ đồ khung phân tích gồm các yếu tố phía cầu (nhận thức, động cơ, sự hài lòng, ý định/hành vi), các yếu tố phía cung (tài nguyên du lịch, sản phẩm, nhân lực, hạ tầng và cơ sở vật chất, dịch vụ du lịch) và các yếu tố hỗ trợ (xúc tiến – quảng bá, chính sách). Sơ đồ khung phân tích này là cơ sở để phân tích và triển khai các nội dung nghiên cứu trong các chương tiếp theo.

CHƯƠNG 2: BỐI CẢNH VÀ THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU

2.1 Bối cảnh nghiên cứu

2.1.1 Khái quát về huyện Lục Ngạn

2.1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Lục Ngạn là một huyện miền núi nằm ở phía Đông tỉnh Bắc Giang cách Thành phố Bắc Giang(cũ) khoảng 40km và cách Hà Nội khoảng 100km đồng thời giữ vai trò là cửa ngõ giao thương giữa vùng trung du, miền núi với khu vực đồng bằng. Huyện Lục Ngạn là một đơn vị trong 10 đơn vị hành chính cấp huyện của tỉnh Bắc Giang (cũ) với diện tích toàn huyện là 1,012 km². Huyện nằm trong vùng chuyển tiếp giữa trung du Bắc Bộ và khu vực Đông Bắc, nằm trong khoảng từ 21°15' đến 21°35' vĩ độ Bắc và từ 106°30' đến 107°10' kinh độ Đông. Phía Bắc huyện Lục Ngạn giáp huyện Na Rì (tỉnh Bắc Kạn); phía Đông giáp các huyện Chi Lăng và Hữu Lũng (tỉnh Lạng Sơn); phía Nam giáp huyện Lục Nam (Bắc Giang); phía Tây giáp huyện Sơn Động và huyện Yên Thế (Bắc Giang). Địa bàn huyện trải dài trên địa hình đồi núi thấp xen lẫn vùng bán sơn địa với độ cao trung bình từ 100–300 mét so với mực nước biển. Vị trí này đặt huyện trong vùng chuyển tiếp giữa khu vực trung du và miền núi Đông Bắc tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp cây ăn quả, lâm nghiệp và các loại hình du lịch sinh thái – nông nghiệp. Tọa độ địa lý trên cũng cho thấy Lục Ngạn nằm tương đối xa trung tâm đồng bằng, địa hình chủ yếu là đồi núi thấp xen kẽ thung lũng và hồ chứa nước lớn.

2.1.1.2. Điều kiện tự nhiên

Điều kiện tự nhiên đa dạng và tương đối thuận lợi đã tạo nên tầm quan trọng cho phát triển nông nghiệp hàng hóa, đặc biệt là cây ăn quả, đồng thời hình thành tiềm năng lớn đối với phát triển du lịch nông nghiệp và du lịch sinh thái. Những đặc trưng về địa hình, khí hậu, thủy văn và thổ nhưỡng không chỉ đảm bảo khả năng sản xuất nông nghiệp quy mô tập trung mà còn góp phần tạo dựng cảnh quan sinh thái đặc sắc, phục vụ khai thác các loại hình du lịch gắn với trải nghiệm nông nghiệp và thiên nhiên.

Địa hình huyện chủ yếu là đồi núi thấp xen kẽ thung lũng hẹp và các vùng trũng ven sông, hồ. Độ cao trung bình phổ biến từ 100–300m so với mực nước biển; mức độ chia cắt không quá lớn, tạo nên hệ thống cảnh quan tương đối đa dạng. Khu vực phía Bắc và Đông Bắc có địa hình cao hơn, trong khi vùng trung tâm và phía Tây Nam thấp và thoải hơn, thuận lợi cho phát triển sản xuất nông nghiệp tập trung và bố trí dân cư.

Lục Ngạn thuộc vùng khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có bốn mùa tương đối rõ rệt. Nhiệt độ trung bình năm khoảng 23–24°C; lượng mưa trung bình dao động từ 1.400–1.700 mm/năm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa (tháng 5 đến tháng 10). Điều kiện khí hậu này đặc biệt phù hợp với phát triển cây ăn quả lâu năm như vải thiều, cam, bưởi, nhãn – những sản phẩm nông nghiệp chủ lực của địa phương.

Hệ thống thủy văn khá phong phú với nhiều sông, suối và hồ chứa. Nổi bật là Hồ Cẩm Sơn có diện tích mặt nước khoảng trên 2.600 ha (tùy theo mực nước) là một trong những hồ nước ngọt lớn của khu vực miền Bắc. Ngoài ra còn có Hồ Khuôn Thần cùng nhiều hồ, đập và suối nhỏ khác. Nguồn nước này đóng vai trò quan trọng trong tưới tiêu, sinh hoạt và tạo điều kiện phát triển các loại hình du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng và trải nghiệm gắn với mặt nước.

Về thổ nhưỡng, đất đai trên địa bàn chủ yếu là đất feralit đỏ vàng phát triển trên đá mẹ biến chất và đá phiến sét, cùng với đất phù sa cổ và đất bồi tụ ven sông. Các nhóm đất này có khả năng thoát nước và giữ ẩm tương đối tốt phù hợp với phát triển cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm đặc biệt là vải thiều – sản phẩm đặc trưng đã được xuất khẩu sang nhiều thị trường quốc tế.

Bên cạnh đó diện tích rừng tự nhiên, rừng phòng hộ và rừng trồng tương đối lớn, góp phần duy trì đa dạng sinh học và tạo nên cảnh quan sinh thái đặc sắc. Sự kết hợp giữa đồi núi thấp, mặt nước hồ tự nhiên và thảm thực vật phong phú hình thành không gian sinh thái hấp dẫn là cơ sở quan trọng để phát triển du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng và du lịch nông nghiệp.

2.1.1.3. Đặc điểm dân cư và kinh tế - xã hội

Lục Ngạn là huyện miền núi có cơ cấu dân cư đa dạng với 19 đơn vị hành chính bao gồm 17 xã và 2 thị trấn với quy mô dân số 254.506 người. Dân cư phân bố không đồng đều giữa các vùng; các xã vùng thấp và khu vực trung tâm có mật độ cao hơn so với các xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa. Toàn huyện có 11 dân tộc như Kinh, Tày, Nùng, Sán Dìu, Sán Chí, Cao Lan, Dao, Hoa..., trong đó dân tộc Kinh chiếm 53%, dân tộc Nùng 18%, Sán Dìu 10% còn lại là các dân tộc khác đã tạo nên bức tranh văn hóa đa sắc thái, giàu bản sắc truyền thống dân tộc cho huyện Lục Ngạn (Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Giang, 2025).

Đặc điểm nổi bật của cơ cấu dân cư Lục Ngạn là tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động tương đối cao, nguồn lao động nông thôn dồi dào và gắn bó chặt chẽ với sản xuất nông nghiệp đặc biệt là trồng cây ăn quả và chăn nuôi quy mô hộ gia đình. Quá trình sản xuất lâu đời đã giúp cộng đồng tích lũy nhiều kinh nghiệm canh tác, tri thức bản địa và kỹ năng lao động đây là nguồn lực quan trọng có thể chuyển hóa thành lợi thế trong phát triển du lịch nông nghiệp như: tổ chức trải nghiệm sản xuất, chế biến nông sản và cung ứng dịch vụ tại chỗ. Tuy nhiên sự chênh lệch về trình độ dân trí, kỹ năng dịch vụ và khả năng tiếp cận thông tin giữa các khu vực vẫn còn tồn tại đặt ra yêu cầu về đào tạo, nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực địa phương nhằm đảm bảo tính chuyên nghiệp và bền vững trong quá trình phát triển du lịch.

Lục Ngạn là huyện miền núi của tỉnh Bắc Giang có cơ cấu kinh tế phát triển mạnh theo hướng nông nghiệp chuyên canh đặc biệt là cây ăn quả. Theo báo cáo của UBND tỉnh Bắc Giang tổng giá trị sản xuất năm 2024 của huyện ước đạt trên 23.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân khoảng 14,41%/năm. Theo Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Lục Ngạn nhiệm kỳ 2020–2025 cơ cấu kinh tế của huyện đến năm 2025 được định hướng theo hướng chuyển dịch tích cực trong đó nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 18,21%; công nghiệp – xây dựng chiếm 41,62%; thương mại – dịch vụ chiếm 40,17%. Huyện đặt mục tiêu đến năm 2025 giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn khoảng 2,93% và nâng tỷ lệ sử dụng nước sạch nông thôn lên 74,5%. Nông nghiệp giữ vai trò trụ cột với gần 28.000 ha cây ăn quả, trong đó vải thiều và cây có

múi chiếm tỷ trọng lớn; riêng vải thiều khoảng 18.000–19.000 ha, sản lượng ước đạt gần 98.000 tấn (2025). Thu nhập từ cây ăn quả đạt trên 3.300 tỷ đồng đóng góp chủ yếu vào giá trị sản xuất nông – lâm nghiệp của huyện. Huyện đẩy mạnh tái cơ cấu theo hướng sản xuất hàng hóa, mở rộng cây trồng có giá trị cao, áp dụng tiêu chuẩn VietGAP, GlobalGAP và phát triển liên kết chuỗi giữa hợp tác xã – doanh nghiệp – nông dân. Đồng thời, nông nghiệp được gắn với du lịch trải nghiệm mùa vải, góp phần đa dạng hóa và nâng cao giá trị kinh tế địa phương.

Về mặt xã hội Lục Ngạn là địa bàn cư trú của nhiều dân tộc cùng sinh sống tạo nên sự đa dạng về văn hóa, phong tục tập quán và lối sống cộng đồng. Các giá trị văn hóa truyền thống, sinh hoạt cộng đồng, lễ hội dân gian và tập quán sản xuất nông nghiệp không chỉ góp phần duy trì bản sắc địa phương mà còn là nguồn lực quan trọng để hình thành các sản phẩm du lịch nông nghiệp mang tính trải nghiệm và bản địa. Mối quan hệ gắn kết giữa các hộ gia đình, làng xóm và các tổ chức cộng đồng như hợp tác xã, tổ nhóm sản xuất tạo điều kiện thuận lợi cho việc liên kết, phối hợp trong phát triển các hoạt động du lịch nông nghiệp.

Tổng thể huyện Lục Ngạn sở hữu nền tảng nông nghiệp chuyên canh quy mô lớn, nguồn lao động dồi dào và bản sắc văn hóa đa dạng đã tạo điều kiện rất thuận lợi cho phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Sự gắn kết cộng đồng và kinh nghiệm sản xuất lâu đời giúp địa phương dễ dàng tổ chức các hoạt động du lịch trải nghiệm gắn với nông nghiệp. Đây là lợi thế quan trọng để Lục Ngạn phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng bền vững và gia tăng giá trị kinh tế địa phương.

2.1.2 Điều kiện phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp huyện Lục Ngạn

2.1.2.1. Điều kiện cung

Huyện Lục Ngạn với địa hình đồi núi thấp xen bán sơn địa, khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa và đất đai màu mỡ đã tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển nông nghiệp đặc biệt là đặc sản vải thiều. Cùng với đó là hệ thống sông hồ phong phú tiêu biểu như hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần kết hợp với cảnh quan rừng, núi – làng nghề truyền thống đã mang lại tiềm năng lớn cho du lịch sinh thái kết hợp với du lịch nông nghiệp

phát triển. Dưới đây là bản đồ du lịch huyện Lục Ngạn thể hiện rõ ranh giới hành chính, mạng lưới giao thông và phân bố các điểm du lịch tiêu biểu:



Hình 2.1: Bản đồ du lịch huyện Lục Ngạn (cũ)

Nguồn: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Lục Ngạn (cũ)

Tài nguyên du lịch nông nghiệp của Lục Ngạn được hình thành từ sự kết hợp giữa vùng cây ăn quả chuyên canh quy mô lớn và hệ thống tài nguyên sinh thái – văn hóa đặc trưng như hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần, núi Huyền Đinh – Yên Tử cùng các làng nghề truyền thống (mỳ Chũ, cây cảnh Thanh Hải, rượu men lá Kiên Thành). Với khoảng 28.000 ha cây ăn quả các loại như vải thiều, cam, bưởi, nhãn..., Lục Ngạn là một trong những vùng cây ăn quả lớn của miền Bắc trong đó vải thiều đã được bảo hộ tại nhiều quốc gia và xuất khẩu sang hơn 30 thị trường bao gồm các thị trường cao cấp như : Mỹ, EU, Nhật Bản và Australia. Vị trí không quá xa Hà Nội cùng điều kiện tự nhiên đa dạng giúp địa phương thu hút khách theo mùa vụ đặc biệt mùa vải thiều. Sự kết hợp giữa giá trị sản xuất và giá trị văn hóa là nền tảng quan trọng để Lục Ngạn phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp mang tính đặc trưng và bền vững. Trong chu kỳ

một năm địa phương hình thành bốn mùa hoa trái phục vụ khách tham quan và trải nghiệm: từ tháng 1 đến tháng 3 có cam V2, táo và mùa hoa mận, hoa cam, bưởi, vải; tháng 3 kết hợp tham quan vườn hoa và trải nghiệm quay mật ong; tháng 5–7 là mùa vải; tháng 7–8 có nhãn; từ tháng 9–12 là mùa cam, bưởi, táo, ổi, chuối... Vào mùa thu hoạch, du khách có thể trực tiếp hái và thưởng thức trái cây tại vườn. Bên cạnh đó, người dân có kỹ thuật và kinh nghiệm điều tiết cây trồng cho ra quả quanh năm như ổi, thanh long, bưởi da xanh, mít..., góp phần duy trì nguồn cung ổn định. Chất lượng trái cây ngày càng được nâng cao về hương vị và mẫu mã tạo lợi thế cạnh tranh và nền tảng thuận lợi cho phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp đặc trưng, bền vững. Qua phân tích tài nguyên du lịch nông nghiệp huyện Lục Ngạn có thể thấy trên địa bàn huyện hội tụ đầy đủ các tài nguyên vùng nông thôn và sản xuất nông nghiệp để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Trong đó nổi trội nhất tài nguyên với đặc sản vải thiều nổi tiếng - sản phẩm nông nghiệp tiêu biểu có thương hiệu và uy tín cao, giữ vai trò hạt nhân trong việc định hình và nâng cao giá trị sản phẩm du lịch nông nghiệp của huyện.

Hệ thống cơ sở hạ tầng của Lục Ngạn từng bước được đầu tư và hoàn thiện, tạo nền tảng thuận lợi cho phát triển du lịch nông nghiệp. Mạng lưới giao thông đường bộ kết nối trung tâm huyện với các xã vùng cây ăn quả và các điểm sinh thái cơ bản đáp ứng nhu cầu di chuyển của du khách. Hệ thống điện, nước sinh hoạt và viễn thông được phủ rộng trên địa bàn, bảo đảm điều kiện thiết yếu cho hoạt động sản xuất và kinh doanh dịch vụ du lịch. Tính đến nay trên địa bàn huyện có khoảng 13 cơ sở kinh doanh lưu trú, chủ yếu là khách sạn và nhà nghỉ quy mô nhỏ như Khách sạn Sơn The, Nhà nghỉ Đại Dương, Nhà nghỉ Sao Mai..., cùng một số cơ sở nhà hàng phục vụ nhu cầu ăn uống của du khách. Bên cạnh đó một số hộ dân và hợp tác xã đã chủ động cải tạo vườn cây, xây dựng khu đón tiếp, điểm bán nông sản và khu trải nghiệm tại chỗ, góp phần từng bước hình thành cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch nông nghiệp.

Dịch vụ du lịch: Đối với du lịch nông nghiệp dịch vụ du lịch không chỉ gồm các dịch vụ cơ bản như ăn uống, lưu trú, đi lại, hướng dẫn tham quan, mua sắm mà còn bao gồm các dịch vụ trải nghiệm gắn với sản xuất nông nghiệp, đời sống nông thôn và văn hóa cộng đồng địa phương. Đây là yếu tố giúp chuyển hóa tài nguyên

nông nghiệp thành sản phẩm du lịch có giá trị và sức hấp dẫn đối với du khách. Tại huyện Lục Ngạn dịch vụ du lịch giữ vai trò quan trọng trong khai thác tiềm năng của vùng cây ăn quả, đặc biệt là vải thiều, cam, bưởi cùng cảnh quan sinh thái và bản sắc văn hóa các dân tộc địa phương. Với đặc trưng là vùng nông nghiệp nổi bật của tỉnh Bắc Giang, Lục Ngạn có điều kiện phát triển các dịch vụ tham quan vườn cây, trải nghiệm thu hái nông sản, thưởng thức đặc sản tại chỗ, mua sắm sản phẩm địa phương và tìm hiểu đời sống văn hóa cộng đồng. Những dịch vụ này góp phần làm tăng tính trải nghiệm, tính chân thực và giá trị khác biệt của sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương. Tuy nhiên dịch vụ du lịch tại huyện Lục Ngạn hiện nay vẫn còn một số hạn chế. Nhiều hoạt động phục vụ du khách còn mang tính thời vụ chủ yếu tập trung vào mùa vải thiều; các dịch vụ lưu trú, nghỉ chân, hướng dẫn, thuyết minh, mua sắm và vui chơi bổ trợ chưa thực sự đồng bộ. Một số điểm du lịch mới chỉ dừng ở hoạt động tham quan và bán nông sản chưa xây dựng được chuỗi dịch vụ hoàn chỉnh gắn với trải nghiệm nông nghiệp và văn hóa bản địa. Điều này ảnh hưởng đến chất lượng phục vụ, thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách.

Nguồn lao động tại Lục Ngạn khá dồi dào trong đó phần lớn là nông dân và các thành viên hợp tác xã có kinh nghiệm lâu năm trong sản xuất nông nghiệp đặc biệt là trồng và chăm sóc cây ăn quả. Quá trình canh tác truyền thống đã giúp cộng đồng tích lũy nhiều tri thức bản địa và kỹ năng thực tiễn đây là nguồn lực quan trọng có thể chuyển hóa thành nội dung trải nghiệm trong phát triển du lịch nông nghiệp. Tuy nhiên hoạt động du lịch tại nhiều điểm còn mang tính tự phát, quy mô nhỏ, kỹ năng phục vụ, năng lực tổ chức, khả năng ngoại ngữ và kiến thức chuyên môn về du lịch của người dân còn hạn chế. Vì vậy việc tăng cường đào tạo, tập huấn kỹ năng du lịch cộng đồng và nâng cao năng lực quản lý là yêu cầu cần thiết nhằm hướng tới phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng chuyên nghiệp

Công tác xúc tiến và quảng bá phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn được triển khai gắn với thương hiệu vải thiều – sản phẩm đã được bảo hộ chỉ dẫn địa lý và có uy tín trên thị trường trong nước và quốc tế. Các hoạt động hội chợ nông sản, chương trình du lịch mùa vải thiều và truyền thông trên nền tảng số đã góp

phân lan tỏa hình ảnh vùng cây ăn quả, đồng thời tạo điều kiện kết hợp quảng bá nông sản với du lịch trải nghiệm. Bên cạnh đó các chủ trương tái cơ cấu nông nghiệp, phát triển hợp tác xã, xây dựng nông thôn mới và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị của tỉnh và huyện đã tạo nền tảng chính sách thuận lợi cho việc hình thành và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng gắn với nông sản đặc trưng và nâng cao giá trị gia tăng.

Bên cạnh những điều kiện thuận lợi từ phía cung sự hình thành và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp không thể tách rời các yếu tố từ phía cầu. Bởi nhu cầu, động cơ và hành vi của du khách giữ vai trò định hướng quan trọng trong quá trình thiết kế và hoàn thiện sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.

2.1.2.2. Điều kiện cầu

Phía cầu giữ vai trò định hướng quan trọng trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn đặc biệt trong bối cảnh xu hướng du lịch trải nghiệm, du lịch xanh và du lịch bền vững ngày càng gia tăng. Thị trường du khách hiện tập trung chủ yếu vào nhóm khách nội địa đến từ các tỉnh thành phố lớn như: Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh... với lượng khách tăng cao vào mùa thu hoạch vải thiều.

Căn cứ số liệu thống kê của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang lượng khách du lịch đến huyện Lục Ngạn năm 2019 ước đạt khoảng 50–100 nghìn lượt. Trong giai đoạn chịu tác động của dịch COVID-19 hoạt động du lịch tại địa phương gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên đến năm 2022 lượng khách đã đạt khoảng 230 nghìn lượt. Sau đại dịch, cùng với sự phục hồi của nền kinh tế và nhu cầu du lịch gia tăng lượng khách đến huyện Lục Ngạn tăng mạnh đạt khoảng 650–700 nghìn lượt/năm trong giai đoạn 2023–2025. Đặc biệt riêng chương trình du lịch “Lục Ngạn mùa vải chín” năm 2023 đã thu hút khoảng 450 nghìn lượt khách, cho thấy sức hấp dẫn ngày càng lớn của điểm đến này. Bước sang năm 2025 sau khi điều chỉnh địa giới hành chính số liệu công khai của Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin của Thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn cho thấy từ đầu năm đến giữa tháng 5/2025 thị xã Chũ đã

thu hút khoảng 170 nghìn lượt khách, đến giữa cuối tháng 6/2025 thị xã Chũ và huyện Lục Ngạn đón hàng trăm nghìn lượt khách tham quan, trải nghiệm mùa vải.

Du khách có nhu cầu tham quan ngắn ngày kết hợp trải nghiệm mùa vụ, hái quả tại vườn, thưởng thức và mua nông sản đặc trưng. Nhận thức của du khách về thực phẩm sạch, truy xuất nguồn gốc và giá trị sản xuất an toàn ngày càng được nâng cao từ đó thúc đẩy sự quan tâm đến các sản phẩm du lịch gắn với nông nghiệp và môi trường tự nhiên. Bên cạnh yếu tố giải trí du khách còn tìm kiếm các giá trị trải nghiệm thực tế và giáo dục như: tìm hiểu quy trình canh tác, giao lưu với nông dân, nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và hướng tới lối sống gần gũi với thiên nhiên. Tuy nhiên thời gian lưu trú và mức chi tiêu còn tương đối hạn chế do đó việc nghiên cứu đầy đủ nhu cầu, động cơ và hành vi của du khách là cơ sở quan trọng để hoàn thiện sản phẩm, nâng cao chất lượng dịch vụ và gia tăng giá trị kinh tế địa phương theo hướng bền vững.

Nhìn chung sự kết hợp hài hòa giữa các yếu tố phía cung và phía cầu đã tạo nền tảng vững chắc cho việc hình thành và phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp đặc sắc, đáp ứng hiệu quả nhu cầu của thị trường.

2.2 Thiết kế nghiên cứu

2.2.1 Quy trình nghiên cứu

Quy trình nghiên cứu được xây dựng một cách hệ thống, bao gồm các giai đoạn kế tiếp nhau từ cơ sở lý thuyết đến triển khai thực nghiệm, kết hợp phương pháp định lượng và định tính nhằm phân tích toàn diện các yếu tố phía cung và phía cầu trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Nghiên cứu bao gồm 4 giai đoạn chính:

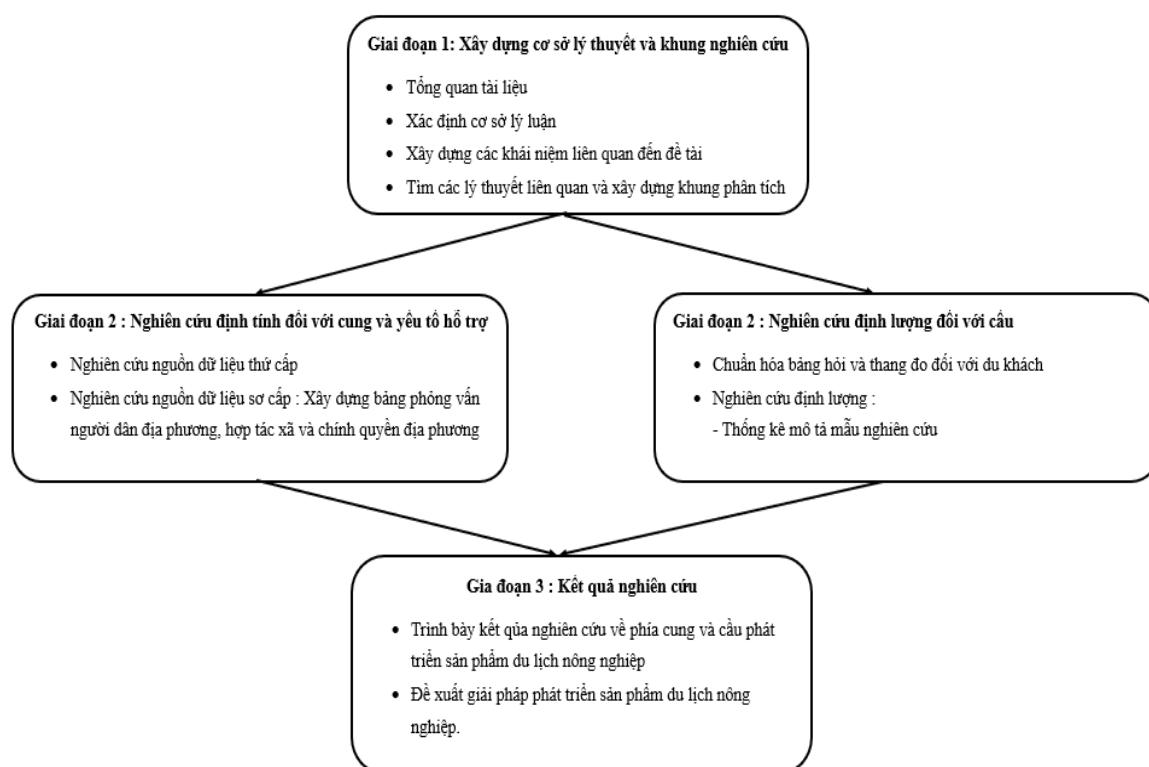
Giai đoạn 1: Giai đoạn này giữ vai trò nền tảng định hướng cho toàn bộ quá trình nghiên cứu. Trên cơ sở tổng quan tài liệu trong nước và quốc tế về du lịch nông nghiệp, sản phẩm du lịch nông nghiệp và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Trên cơ sở đó tác giả tiến hành hệ thống hóa các khái niệm liên quan đến DLNN và sản phẩm DLNN làm rõ nội hàm và đặc trưng của từng vấn đề nghiên cứu. Đồng thời

các lý thuyết có liên quan đến phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp được phân tích và lựa chọn phù hợp với bối cảnh nghiên cứu, qua đó hình thành khung nghiên cứu làm cơ sở cho các bước triển khai tiếp theo.

Giai đoạn 2: Nghiên cứu định lượng đối với cầu SPDLNN. Mục tiêu của giai đoạn này là thu thập và lượng hóa ý kiến đánh giá của du khách về các khía cạnh như nhận thức, nhu cầu, động cơ, trải nghiệm và ý định hành vi khi tham gia sản phẩm du lịch nông nghiệp. Dữ liệu thu thập được xử lý bằng phương pháp thống kê mô tả nhằm phản ánh đặc điểm mẫu nghiên cứu và mức độ đánh giá của du khách đối với từng nhóm yếu tố khảo sát qua đó làm rõ thực trạng cầu đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa bàn nghiên cứu.

Nghiên cứu định tính đối với cung sản phẩm du lịch nông nghiệp và các yếu tố hỗ trợ. Giai đoạn này tập trung phân tích phía cung nhằm làm rõ thực trạng tổ chức và khai thác sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương. Nghiên cứu sử dụng kết hợp dữ liệu thứ cấp (báo cáo, văn bản, số liệu thống kê) và dữ liệu sơ cấp thông qua phỏng vấn sâu người dân địa phương, hợp tác xã và đại diện chính quyền. Thông qua phân tích nội dung thu thập được nghiên cứu đánh giá năng lực cung ứng, những thuận lợi và hạn chế trong quá trình phát triển sản phẩm đồng thời làm cơ sở đối chiếu với kết quả nghiên cứu phía cầu nhằm đề xuất giải pháp phù hợp.

Giai đoạn 3: Trên cơ sở kết quả phân tích định lượng phía cầu và nghiên cứu định tính phía cung giai đoạn này tiến hành tổng hợp và đối chiếu các phát hiện nhằm làm rõ mức độ tương thích giữa năng lực cung ứng và nhu cầu thị trường. Việc so sánh hai chiều cung – cầu giúp nhận diện những điểm phù hợp, những hạn chế còn tồn tại và khoảng cách cần điều chỉnh trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Từ đó nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng bền vững, phù hợp với điều kiện tài nguyên, đặc trưng văn hóa địa phương và nhu cầu của du khách.



Hình 2.2: Quy trình nghiên cứu

(Nguồn: Tác giả đề xuất)

2.2.2 Phương pháp nghiên cứu

2.2.2.1 Phương pháp nghiên cứu định tính

Phương pháp nghiên cứu định tính được sử dụng nhằm làm rõ cơ sở lý luận và bối cảnh thực tiễn liên quan đến phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Phương pháp này giúp tiếp cận vấn đề theo chiều sâu, phân tích quan điểm và thực tiễn của các chủ thể tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp. Thông qua việc tổng hợp phân tích tài liệu và khai thác thông tin thực tiễn, nghiên cứu làm rõ các điều kiện phía cung đánh giá thực trạng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp và xác định các nội dung cần tiếp tục lượng hóa trong nghiên cứu định lượng.

Thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp là bước quan trọng trong nghiên cứu khoa học giúp nhận diện vấn đề nghiên cứu và hỗ trợ cho quá trình thu thập phân tích dữ liệu sơ cấp. Dữ liệu thứ cấp bao gồm các tài liệu đã được công bố như: cơ sở lý luận, các kết quả nghiên cứu trước đây, chủ trương – chính sách liên quan và các số

liệu thống kê chính thức. Những tài liệu này được thu thập từ nhiều nguồn như sách, báo, tạp chí khoa học, báo cáo chuyên ngành, tài liệu lưu trữ và cổng thông tin điện tử chính thống.

Trong nghiên cứu này, tác giả tiến hành thu thập và phân tích dữ liệu thứ cấp đến năm 2025 bao gồm: Dữ liệu thứ cấp được thu thập từ bốn nhóm nguồn chính. Thứ nhất các văn bản pháp lý và định hướng chính sách của Trung ương và địa phương liên quan đến phát triển du lịch, du lịch nông nghiệp và kinh tế nông thôn, nhằm làm rõ định hướng và vai trò của du lịch nông nghiệp trong phát triển kinh tế – xã hội. Thứ hai các tài liệu thống kê và báo cáo chuyên ngành của tỉnh Bắc Giang và huyện Lục Ngạn giai đoạn 2020–2025 phục vụ phân tích tiềm năng, điều kiện và thực trạng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Thứ ba các công trình nghiên cứu khoa học trong và ngoài nước nhằm hệ thống hóa cơ sở lý luận và xác định các yếu tố ảnh hưởng từ phía cung và phía cầu. Thứ tư thông tin từ các phương tiện truyền thông và cổng thông tin điện tử chính thức giúp cập nhật tình hình thực tiễn và hoạt động quảng bá điểm đến. Các dữ liệu thứ cấp thu thập được cung cấp nền tảng lý luận và thực tiễn quan trọng giúp nghiên cứu nhận diện đầy đủ bối cảnh, điều kiện và xu hướng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương.

Phỏng vấn sâu là phương pháp thu thập dữ liệu định tính thông qua trao đổi trực tiếp có định hướng và khai thác sâu quan điểm, trải nghiệm của người tham gia nhằm làm rõ nguyên nhân, bối cảnh và động cơ đằng sau các hiện tượng nghiên cứu.

Trong nghiên cứu này phỏng vấn sâu được sử dụng nhằm thu thập dữ liệu định tính để làm rõ bối cảnh địa phương, nhu cầu – kỳ vọng của các bên liên quan và các điều kiện triển khai sản phẩm trên thực tế. Đối tượng phỏng vấn sâu bao gồm: *Người dân địa phương/hộ làm nông nghiệp gắn với dịch vụ du lịch; Đại diện chính quyền địa phương và Đại diện các hợp tác xã*. Phỏng vấn sâu trong nghiên cứu được sử dụng để nghiên cứu phía cung phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Nội dung câu hỏi gồm 2 phần : Phần 1: Thông tin của người được phỏng vấn (Họ và tên, chức vụ, cơ quan công tác...) ; Phần 2: Các nội dung phỏng vấn sâu trong luận văn được xây dựng bám sát khung lý thuyết về phát triển và cung cấp sản phẩm du lịch nông nghiệp

theo 4 yếu tố ở phía cung, gồm: (1) tài nguyên du lịch, (2) cơ sở hạ tầng & cơ sở vật chất, (3) dịch vụ du lịch, (4) nhân lực du lịch và 2 yếu tố về phía các yếu tố hỗ trợ phát triển SPDLNN gồm: (1) xúc tiến – quảng bá, (2) chính sách.

Đối tượng trả lời phỏng vấn gồm đại diện của cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa du lịch và đại diện hợp tác xã và người dân địa phương.

Thời gian phỏng vấn từ tháng 04/2025 đến tháng 02 năm 2026. Các cuộc phỏng vấn sâu được thực hiện theo quy trình thống nhất: gửi trước đề cương/câu hỏi cho người tham gia 02 -03 ngày, sau đó tiến hành phỏng vấn trực tiếp với người dân, hợp tác xã và chính quyền địa phương. Dữ liệu được thu thập bằng ghi âm hoặc ghi chép tùy theo sự đồng thuận của người trả lời; mỗi cuộc kéo dài khoảng 30 phút đến 01 giờ. Nhằm phục vụ cho quá trình nghiên cứu định tính tác giả đã tiến hành phỏng vấn một số nhóm đối tượng liên quan tại địa bàn nghiên cứu. Thông tin chi tiết về các nhóm đối tượng, số lượng và địa điểm phỏng vấn được tổng hợp trong bảng sau:

Bảng 2.1: Danh sách đối tượng tham gia phỏng vấn sâu

STT	Mã số	Nhóm đối tượng	Chức vụ/vai trò	Số lượng (người)	Địa điểm phỏng vấn
1.	PV01 – PV02	Cán bộ quản lý nhà nước	Cán bộ phụ trách văn hóa – thông tin	2	UBND huyện Lục Ngạn
2.	PV03	Cán bộ quản lý nhà nước	Cán bộ phụ trách nông nghiệp	1	UBND xã Đồng Cốc
3.	PV04	Cán bộ quản lý nhà nước	Cán bộ địa phương	1	UBND xã Thị trấn Phi Điền
4.	PV05	Đại diện HTX	Giám đốc HTX Thương mại và Dịch vụ An Phú	1	HTX Thương mại và Dịch vụ An Phú

STT	Mã số	Nhóm đối tượng	Chức vụ/vai trò	Số lượng (người)	Địa điểm phỏng vấn
5.	PV06	Đại diện HTX	Phó Giám đốc HTX du lịch Đồng Dao	1	HTX du lịch Đồng Dao
6.	PV07 – PV08	Hộ dân tham gia DLNN	Chủ hộ	2	Xã Tân Mộc
7.	PV09	Hộ dân tham gia DLNN	Chủ hộ	1	Thị trấn Phi Điền
8.	PV10	Hộ dân tham gia DLNN	Chủ hộ	1	Xã Đồng Cốc

(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ kết quả phỏng vấn sâu)

Sau phỏng vấn nội dung được nghe lại và ghi chép lại với nội dung được ghi âm. Với các cuộc phỏng vấn ghi chép cũng được sắp xếp hợp lý, phù hợp với nội dung câu hỏi đã thiết kế.

Khảo sát thực địa được tiến hành nhằm thu thập thông tin trực tiếp về thực trạng tổ chức và khai thác sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Nội dung khảo sát tập trung vào các mô hình hợp tác xã tiêu biểu đang cung cấp sản phẩm du lịch nông nghiệp trên địa bàn bao gồm các hoạt động tham quan vườn cây ăn quả, trải nghiệm thu hoạch nông sản theo mùa, tổ chức tour trọn gói, kết hợp ẩm thực địa phương và lưu trú homestay. Trên cơ sở danh mục các hợp tác xã tiêu biểu như: HTX Thương mại Du lịch An Phú, HTX Sản xuất thương mại và dịch vụ nông nghiệp Phi Điền, HTX Du lịch trải nghiệm Garden Việt, HTX Du lịch tổng hợp Sơn Hải, HTX Du lịch Đồng Dao... Từ đó tác giả tiến hành quan sát thực tế hoạt động đón tiếp khách, cách thức tổ chức sản phẩm, mức độ liên kết giữa các điểm đến và khả năng khai thác giá trị nông sản đặc trưng như vải thiều, cam, bưởi, nho, táo. Quá trình khảo sát được thực hiện thông qua quan sát trực tiếp, ghi chép thực địa và trao đổi với đại diện hợp tác xã, hộ dân tham gia làm du lịch. Nội

dung khảo sát tập trung làm rõ: (i) đặc điểm tài nguyên nông nghiệp được khai thác; (ii) mức độ đa dạng của sản phẩm du lịch; (iii) hình thức tổ chức tour theo mùa vụ; (iv) khả năng kết nối giữa các hợp tác xã và các sự kiện như Tuần lễ Du lịch Lục Ngạn; (v) những thuận lợi và khó khăn trong quá trình triển khai.

Kết quả khảo sát thực địa giúp bổ sung và kiểm chứng thông tin từ dữ liệu thứ cấp, đồng thời cung cấp cơ sở thực tiễn quan trọng cho việc đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương

2.3.3.1. Phương pháp nghiên cứu định lượng

Đối tượng khảo sát

Đối tượng khảo sát trong nghiên cứu là khách du lịch đã và đang tham gia vào hoạt động du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn. Nhóm đối tượng này bao gồm khách nội tỉnh và khách từ các địa phương khác đến tham quan, trải nghiệm các hoạt động du lịch nông nghiệp tại đây.

Phương pháp chọn mẫu

Nghiên cứu khi khảo sát phỏng vấn bằng bảng hỏi đối với du khách tác giả đã sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện. Phương pháp này cho phép tiếp cận trực tiếp các đối tượng phù hợp với mục tiêu nghiên cứu trong điều kiện thực tế. Việc thu thập dữ liệu được thực hiện thông qua hai hình thức:

Thứ nhất, khảo sát trực tiếp tại các điểm du lịch nông nghiệp, khu trải nghiệm, lễ hội và các địa điểm tập trung khách du lịch trên địa bàn huyện Lục Ngạn từ năm 2023 – 2025. Phiếu khảo sát được phát trực tiếp cho khách du lịch sau khi họ tham gia hoạt động trải nghiệm nhằm đảm bảo người trả lời có nhận thức và đánh giá thực tế về sản phẩm du lịch nông nghiệp

Thứ hai, khảo sát trực tuyến thông qua Google Form: Bảng hỏi được thiết kế dưới dạng biểu mẫu điện tử và gửi đến khách du lịch thông qua các nhóm mạng xã hội, diễn đàn du lịch và các kênh liên hệ phù hợp. Hình thức này giúp mở rộng phạm vi tiếp cận, thu thập thêm ý kiến từ những du khách đã từng tham gia du lịch nông nghiệp tại địa phương nhưng không có mặt tại thời điểm khảo sát trực tiếp.

Việc kết hợp hai hình thức khảo sát nhằm tăng tính đa dạng của mẫu nghiên cứu, nâng cao khả năng thu thập dữ liệu và đảm bảo tính đại diện tương đối cho nhóm khách du lịch nghiên cứu.

Mẫu khảo sát : Do chưa có số liệu thống kê đầy đủ và chính xác về tổng thể khách du lịch tham gia các hoạt động du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, nghiên cứu sử dụng công thức xác định cỡ mẫu của Cochran áp dụng đối với tổng thể chưa xác định quy mô. Công thức xác định cỡ mẫu Cochran (1977):

$$n = \frac{Z^2 p(1 - p)}{e^2}$$

Trong đó:

n : cỡ mẫu cần khảo sát

Z : giá trị phân phối chuẩn ứng với mức tin cậy

p : tỷ lệ ước đoán của tổng thể

e : sai số cho phép

Với mức tin cậy 95% thì $Z = 1,96$

Do chưa có ước lượng trước về tỷ lệ tổng thể nên chọn $p = 0,5$

Sai số cho phép $e = 0,05$.

Khi đó:

$$n_0 = \frac{(1,96)^2 \times 0,5 \times (1 - 0,5)}{(0,05)^2} = 384,16$$

Như vậy cỡ mẫu tối thiểu cần đạt cho nghiên cứu là 384,16 khách du lịch. Trên thực tế, nghiên cứu đã thu thập được 385 phiếu khảo sát hợp lệ đáp ứng yêu cầu về kích thước mẫu và bảo đảm độ tin cậy cần thiết cho quá trình phân tích thống kê mô tả. Việc xác định cỡ mẫu theo công thức Cochran là phù hợp với bối cảnh nghiên cứu, khi tổng thể khách du lịch chưa được thống kê đầy đủ, đồng thời bảo đảm tính khoa học và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

Thiết kế thang đo

Trong nghiên cứu tác giả thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng nhằm đo lường: nhận thức, nhu cầu, mức độ trải nghiệm và đánh giá của khách du lịch đối với các sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Thang đo Likert là một trong những công cụ đo lường phổ biến trong các nghiên cứu khoa học xã hội và du lịch, cho phép lượng hóa thái độ và mức độ đồng thuận của người trả lời đối với các phát biểu nghiên cứu, từ đó phản ánh quan điểm và cảm nhận chủ quan của đối tượng khảo sát. Việc sử dụng thang đo 5 mức giúp đảm bảo tính đơn giản, dễ hiểu đối với người trả lời đồng thời thuận lợi cho quá trình mã hóa, xử lý và phân tích dữ liệu thống kê.

Mệnh đề đo lường trong bảng hỏi được xây dựng trên cơ sở tổng hợp lý thuyết về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp và các nghiên cứu trước đây liên quan đến trải nghiệm du lịch, giá trị cảm nhận, hài lòng và hành vi du khách. Nội dung thang đo tập trung vào các nhóm yếu tố chính gồm: (i) nhận thức của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp; (ii) động cơ tham gia các hoạt động du lịch nông nghiệp; (iii) mức độ hài lòng của khách du lịch sau trải nghiệm; và (iv) ý định và hành vi của khách du lịch, bao gồm ý định quay lại và giới thiệu sản phẩm du lịch nông nghiệp cho người khác. Cụ thể, thang đo Likert trong nghiên cứu này bao gồm 5 mức độ, được mã hóa từ:

- 1 – Rất không đồng ý
- 2 – Không đồng ý
- 3 – Trung lập
- 4 – Đồng ý
- 5 – Rất đồng ý

Bảng 2.2 Bảng tiêu chí và thang đo các yếu tố phía cầu SPDLNN

STT	Nội dung thang đo	Nguồn
	Nhận thức	

STT	Nội dung thang đo	Nguồn
1	Nhìn chung, tôi có cảm nhận tích cực về sản phẩm du lịch nông nghiệp.	Um et al. (1990); Mai Thị Kiều Lan và cộng sự (2023)
2	Tôi cho rằng sản phẩm du lịch nông nghiệp là hấp dẫn.	
3	Tôi cảm thấy sản phẩm du lịch nông nghiệp phù hợp với nhu cầu của mình	
4	Tôi đánh giá cao giá trị mà sản phẩm du lịch nông nghiệp mang lại.	
Động cơ		
5	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để được gần gũi với thiên nhiên.	Yoon et al. (2005), Mai Thị Kiều Lan và cộng sự (2023)
6	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để nghỉ ngơi và thư giãn.	
7	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để học hỏi và mở rộng kiến thức về nông nghiệp.	
8	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để trải nghiệm những điều mới lạ.	
9	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để thỏa mãn sự tò mò của mình	
Sự hài lòng		
10	Chuyến trải nghiệm các sản phẩm du lịch nông nghiệp (tham quan vườn, hái quả, check-in...) tại Lục Ngạn đã vượt quá mong đợi của tôi.	Chi & Qu (2008), Đinh Phi Hồ (2018), Trương Trí Thông và cộng sự (2023)
11	Tôi hài lòng với hoạt động tham quan và trải nghiệm vườn cây ăn quả theo mùa tại Lục Ngạn.	
12	Tôi hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ như homestay, ẩm thực địa phương và sản phẩm OCOP	

STT	Nội dung thang đo	Nguồn
13	Tôi hài lòng với sự tổ chức các tour trải nghiệm (tour mùa vải, tour cam – bưởi, tour trải nghiệm nông nghiệp...).	
14	Tôi hài lòng với sự thân thiện và phục vụ của người dân/HTX tại điểm du lịch.	
15	Nhìn chung, tôi hài lòng với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn.	
Ý định hành vi		
16	Tôi có ý định quay lại hoặc tiếp tục sử dụng các sản phẩm DLNN tại huyện Lục Ngạn.	Zhao et al. (2022), Yoon & Uysal (2005), Valarie A. Zeithaml et al. (1996)
17	Tôi sẽ giới thiệu du lịch nông nghiệp huyện Lục Ngạn cho mọi người.	

((Nguồn tổng hợp của tác giả))

Sau khi thu thập các phiếu khảo sát được kiểm tra, loại bỏ phiếu không hợp lệ, tiến hành mã hóa và nhập liệu để xử lý bằng phần mềm thống kê SPSS 26.0. Định dạng các biến theo bảng mã hóa để đảm bảo thuận tiện trong phân tích thống kê.

Thống kê mô tả

Thống kê mô tả được sử dụng nhằm phản ánh bức tranh tổng quát về đặc điểm mẫu khảo sát và xu hướng đánh giá của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa bàn nghiên cứu. Thông qua phương pháp này, nghiên cứu làm rõ mức độ nhận thức, động cơ, sự hài lòng cũng như ý định và hành vi của khách du lịch. Phương pháp này được áp dụng đối với các nhóm biến gồm:

- (i) nhận thức của khách du lịch đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp
- (ii) động cơ tham gia các hoạt động du lịch nông nghiệp;
- (iii) mức độ hài lòng của khách du lịch sau trải nghiệm
- (iv) ý định và hành vi của khách du lịch, bao gồm ý định quay lại và giới thiệu sản phẩm du lịch nông nghiệp cho người khác

Các chỉ tiêu thống kê được sử dụng bao gồm tần suất, tỷ lệ phần trăm và giá trị trung bình. Thông qua đó, nghiên cứu xác định được mức độ phổ biến của từng đặc điểm, xu

hướng đánh giá chung của khách du lịch cũng như các nội dung được đánh giá cao hoặc còn hạn chế trong các sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.

Tiểu kết chương 2

Chương 2 đã khái quát bối cảnh nghiên cứu về huyện Lục Ngạn (Bắc Giang) bao gồm vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên và đặc điểm kinh tế – xã hội. Kết quả cho thấy địa phương có lợi thế nổi bật về tài nguyên nông nghiệp (vùng cây ăn quả, trọng tâm là vải thiều), hệ sinh thái sông hồ – rừng núi và bản sắc văn hóa đa dạng, tạo nền tảng thuận lợi để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp gắn với trải nghiệm và giá trị bản địa. Đồng thời chương cũng chỉ ra một số yêu cầu đặt ra như nâng cao năng lực tổ chức dịch vụ và tính chuyên nghiệp của nguồn nhân lực địa phương. Bên cạnh đó chương 2 cũng đã phân tích các điều kiện phát triển sản phẩm theo hai chiều cung – cầu và các yếu tố hỗ trợ phát triển SPDLNN. Phía cung gồm tài nguyên, nhân lực, cơ sở hạ tầng – vật chất kỹ thuật và dịch vụ du lịch và yếu tố hỗ trợ phát triển SPDLNN là: hoạt động xúc tiến quảng bá và chính sách hỗ trợ. Phía cầu tập trung vào các yếu tố : nhận thức, động cơ, sự hài lòng và ý định hành vi.

Về phương pháp nghiên cứu được thiết kế theo quy trình 3 giai đoạn kết hợp định tính và định lượng. Định tính sử dụng dữ liệu thứ cấp : khảo sát thực địa và phỏng vấn sâu để làm rõ phía cung và các yếu tố hỗ trợ phát triển SPDLNN. Định lượng khảo sát du khách bằng thang đo Likert 5 mức để đo lường nhận thức, động cơ, hài lòng và ý định hành vi; dữ liệu được xử lý bằng SPSS 26.0 và phân tích chủ yếu bằng thống kê mô tả. Đây là cơ sở cho các chương sau đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn.

CHƯƠNG 3: KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1 Thực trạng cung sản phẩm DLNN tại huyện Lục Ngạn

3.1.1 Tài nguyên du lịch nông nghiệp

Kết quả nghiên cứu định tính cho thấy huyện Lục Ngạn sở hữu hệ thống tài nguyên khá đa dạng và phong phú tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Qua tổng hợp ý kiến từ ba nhóm đối tượng phỏng vấn gồm người dân địa phương, đại diện chính quyền địa phương và đại diện hợp tác xã có thể nhận thấy tài nguyên du lịch nông nghiệp của huyện được hình thành từ sự kết hợp chặt chẽ giữa: tài nguyên tự nhiên, tài nguyên gắn với hoạt động nông nghiệp và các giá trị văn hóa bản địa. Các nhóm tài nguyên này không tồn tại tách rời mà gắn bó mật thiết với đời sống sản xuất và sinh hoạt cộng đồng, qua đó hình thành nên nền tảng quan trọng để huyện Lục Ngạn phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp mang bản sắc riêng.

Gắn liền với tự nhiên huyện Lục Ngạn có nguồn tài nguyên đa dạng và phong phú bao gồm hệ thống hồ tự nhiên như: hồ Cẩm Sơn, hồ Khuôn Thần...; tài nguyên rừng, cảnh quan đồi núi và không gian sinh thái nông nghiệp gắn với vùng cây ăn quả tập trung quy mô lớn trong đó nổi bật là diện tích trồng vải thiều – sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của địa phương. Ngoài ra còn có các nhiều loại trái cây đặc sản khác như: Vải thiều, nhãn, cam, bưởi ngọt, bưởi da xanh... . Sự đa dạng của các loại cây ăn quả không chỉ góp phần làm phong phú tài nguyên du lịch nông nghiệp mà còn tạo điều kiện để địa phương khai thác sản phẩm theo mùa vụ. Mùa thu hoạch của một số loại trái cây tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.1: Mùa vụ của một số loại trái cây tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn

STT	Thời gian	Loại hoa trái tiêu biểu
1.	Tháng 1 – tháng 3	Cam V2 và táo, hoa mạn, hoa cam, bưởi
2.	Tháng 4	Cam, đu đủ và ngắm hoa
3.	Tháng 5 – tháng 7	Vải thiều, ổi, mít, mạn, na
4.	Tháng 7, tháng 8	Nhãn, vải, thanh long, mít, na
5.	Tháng 9 – tháng 12	Cam lòng vàng, cam đường canh, bưởi da xanh, táo, ổi, chuối...

(Nguồn: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Lục Ngạn (cũ))

Bên cạnh đó huyện Lục Ngạn còn được thiên nhiên ưu đãi với điều kiện khí hậu tương đối ôn hòa, môi trường trong lành tạo tiền đề thuận lợi cho phát triển du lịch nông nghiệp.

”Lục Ngạn có lợi thế lớn về tự nhiên để phát triển du lịch nông nghiệp nhất là vùng cây ăn quả tập trung, đồi vườn và một số khu vực hồ sinh thái. Đây là những điều kiện rất thuận lợi để hình thành điểm tham quan, trải nghiệm gắn với nông nghiệp.”

(Người phỏng vấn số 1)

“Những yếu tố này không chỉ có giá trị về mặt cảnh quan mà còn rất thuận lợi để tổ chức các hoạt động du lịch như tham quan vườn cây, trải nghiệm thu hái nông sản, nghỉ ngơi trong không gian sinh thái và khám phá môi trường sản xuất nông nghiệp.”

(Người phỏng vấn số 2)

Du khách đến với huyện Lục Ngạn thường yêu thích cảm giác được hòa mình vào cảnh quan vườn cây được trực tiếp tiếp xúc với thiên nhiên và tận hưởng bầu không khí khác biệt so với đô thị. Điều này cho thấy tài nguyên tự nhiên của Lục Ngạn không chỉ nằm ở yếu tố “đẹp” mà còn ở khả năng tạo ra cảm nhận chân thực, thư giãn và gần gũi với môi trường nông thôn. Còn đối với góc nhìn của Hợp tác xã, Doanh nghiệp du lịch thì tài nguyên tự nhiên còn có giá trị trong việc kết nối với hoạt động sản xuất và tiêu thụ nông sản.. Theo đó vùng cây ăn quả không chỉ là cảnh quan mà còn là nơi thể hiện đặc trưng sản xuất nông nghiệp của địa phương có thể khai thác để xây dựng các trải nghiệm thực tế về chăm sóc, thu hoạch và giới thiệu nông sản tại chỗ. Theo bà Khúc Thị Nga (Giám đốc HTX Thương mại và Dịch vụ An Phú) cho biết:

Thuận lợi của Lục Ngạn là có vùng trồng cây ăn quả tập trung và nhìn vào là thấy rõ đặc trưng nhà vườn. Nếu biết tổ chức tốt thì khách vừa được ngắm cảnh, vừa có thể trải nghiệm ngay tại vườn (Người phỏng vấn số 5).

Bên cạnh đó tài nguyên du lịch văn hóa là yếu tố không thể thiếu luôn đồng hành và hỗ trợ cho quá trình phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn. Toàn huyện có 11 dân tộc cùng sinh sống đã tạo nên sự đa dạng về phong tục, tập quán, dân ca, trang phục và ẩm thực truyền thống. Tính đến năm 2025 toàn huyện duy trì 34 câu lạc bộ hát dân ca các dân tộc phản ánh sức sống của các giá trị văn hóa phi vật

thể trong cộng đồng. Bên cạnh đó trên địa bàn huyện có 226 di tích đình, đền, chùa, miếu, nghề; trong đó có 42 di tích được xếp hạng, gồm 2 di tích cấp quốc gia và 40 di tích cấp tỉnh (Cổng thông tin du lịch tỉnh Bắc Giang). Đây là nguồn lực quan trọng để phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa, du lịch cộng đồng và hỗ trợ gia tăng chiều sâu cho sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương. Theo Cổng thông tin du lịch Bắc Giang các phiên chợ xuân, hội hát dân ca và hoạt động văn hóa cộng đồng ở Lục Ngạn thể hiện rõ bản sắc địa phương qua trang phục, ẩm thực, lời ăn tiếng nói và tập quán sinh hoạt.

Trong du lịch nông nghiệp sức hấp dẫn của địa phương không chỉ nằm ở vườn cây hay sản phẩm trái cây mà còn ở tri thức bản địa, kinh nghiệm canh tác và những câu chuyện gắn với mùa vụ, làng xóm. Vì vậy việc khai thác tài nguyên du lịch văn hóa cần gắn với việc để người dân đặc biệt là các lão làng hoặc nông dân nhiều kinh nghiệm trực tiếp kể cho du khách nghe về tập quán canh tác, đời sống lao động và sự gắn bó với cây trái. Những yếu tố này không tách rời hoạt động sản xuất nông nghiệp mà gắn bó chặt chẽ với nhau trong quá trình canh tác, chăm sóc cây trồng và tổ chức đời sống nông thôn. Nhiều kinh nghiệm sản xuất của người dân địa phương đặc biệt là kinh nghiệm trồng và chăm sóc cây ăn quả có thể trở thành nội dung hấp dẫn đối với du khách khi được chuyển tải thông qua hoạt động kể chuyện, hướng dẫn trải nghiệm hoặc giao lưu trực tiếp với cư dân địa phương. Chia sẻ của bà Vũ Thị Huệ người dân thôn Tân Thành, xã Tân Mộc:

“Ngày xưa trồng vải không làm theo kiểu vôi vàng như bây giờ đâu. Người trồng phải nhìn thời tiết, nhìn đất, nhìn cây để tính từng đợt chăm bón. Cây vải cũng như người phải hiểu tính của nó thì mới cho quả ngon, quả đều. Bà con ở đây nhiều đời sống nhờ cây vải nên mỗi mùa vải không chỉ là mùa thu hoạch mà còn là kỷ ức, là kinh nghiệm và là nếp sống của cả làng.”

(Người phỏng vấn số 7).

Tương tự anh Diệp Văn Hai ở thôn Tân Giáo, xã Tân Mộc cũng cho rằng:

“Cây vải không chỉ là sản phẩm để bán mà còn là nghề, là nếp sống của người dân địa phương, gắn với kinh nghiệm nhìn trời, nhìn đất để chăm cây theo từng mùa vụ.”

(Người phỏng vấn số 8).

Những chia sẻ này cho thấy tri thức bản địa và đời sống lao động nông thôn không chỉ có giá trị văn hóa mà còn có khả năng tạo nên chiều sâu, tính chân thực và bản sắc cho sản phẩm du lịch nông nghiệp.

Tuy nhiên kết quả phỏng vấn sâu cho thấy việc khai thác tài nguyên du lịch nông nghiệp của huyện Lục Ngạn hiện chưa tương xứng với tiềm năng vốn có. Theo chia sẻ của một cán bộ địa phương cho biết :

“Lục Ngạn có nhiều cảnh quan đẹp, nhiều vườn cây, hồ đập và không gian sinh thái phù hợp cho phát triển du lịch, nhưng hiện nay khách chủ yếu vẫn đến vào mùa vải còn những thời điểm khác trong năm thì chưa có nhiều hoạt động để giữ chân du khách”.

(Người phỏng vấn số 03)

Tương tự cùng với quan điểm đó thì một đại diện của HTX cũng chia sẻ rằng:

“Ở Lục Ngạn không chỉ có vải thiều mà còn nhiều cái hay khác như cách làm vườn, kinh nghiệm chăm cây, chuyện mùa vụ và đời sống của người dân. Nhưng hiện nay những cái đó vẫn chưa được làm thành sản phẩm du lịch rõ ràng nên còn khá lãng phí.”

(Người phỏng vấn số 05)

Những ý kiến trên cho thấy hạn chế của du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn hiện nay không nằm ở sự thiếu hụt tài nguyên, mà chủ yếu ở việc tổ chức khai thác còn chưa bài bản và thiếu tính liên kết. Điều này cho thấy huyện Lục Ngạn cần tiếp tục đẩy mạnh việc thiết kế sản phẩm, kết nối các nguồn lực sẵn có và tổ chức hoạt động du lịch theo hướng đồng bộ, trải nghiệm và bền vững hơn.

Nhìn chung có thể thấy huyện Lục Ngạn có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp nhờ sự hiện diện đồng thời của cảnh quan tự nhiên, hệ thống sản xuất nông nghiệp đặc trưng, văn hóa bản địa và tri thức dân gian

phong phú. Đây là nền tảng quan trọng để địa phương xây dựng các sản phẩm du lịch mang dấu ấn riêng. Tuy nhiên các tiềm năng hiện có mới chủ yếu dừng ở dạng lợi thế sẵn có để chuyển hóa thành sản phẩm du lịch thực sự hấp dẫn, có tính liên kết và khả năng cạnh tranh cao thì huyện Lục Ngạn cần tiếp tục tổ chức khai thác các nhóm tài nguyên này một cách bài bản, đồng bộ và theo hướng gia tăng trải nghiệm đặc thù cho du khách.

3.1.2 Cơ sở hạ tầng và vật chất kỹ thuật

Từ thành phố Bắc Giang (cũ), du khách có thể đến huyện Lục Ngạn theo đường tỉnh 293 rồi nối sang quốc lộ 31 qua trung tâm Chũ để vào các vùng cây ăn quả và điểm du lịch trải nghiệm. Trong các định hướng phát triển không gian của địa phương quốc lộ 31, ĐT.293C và ĐT.289 được xác định là các trục phát triển chính giữ vai trò kết nối đô thị, vùng sản xuất nông nghiệp và các điểm du lịch. Bên cạnh đó giai đoạn 2020 - 2025 huyện đã đầu tư trên 1.000 tỷ đồng cho xây dựng nông thôn mới với độ cứng hóa hơn 1.500 km đường giao thông nông thôn, nâng tỷ lệ cứng hóa lên khoảng 85%. Đây là điều kiện thuận lợi để kết nối các vùng cây ăn quả, nhà vườn, hồ sinh thái và điểm du lịch cộng đồng. Tuy vậy vẫn còn một số tuyến vào nhà vườn và điểm trải nghiệm vẫn còn hẹp, thiếu biển chỉ dẫn và chưa thật sự thuận tiện cho khách đi theo đoàn. Nhiều ý kiến cho rằng khả năng tiếp cận đến một số điểm du lịch vẫn chưa thật sự thuận tiện. Một cán bộ địa phương cho biết

“Hạ tầng giao thông đến các vùng cây ăn quả cơ bản đã thuận lợi hơn trước, nhưng một số tuyến vào điểm du lịch, nhà vườn vẫn còn hẹp, thiếu biển chỉ dẫn và chưa thật sự thuận tiện cho khách đoàn.”

(Người phỏng vấn số 4)

Từ chia sẻ trên cho thấy mặc dù hạ tầng giao thông chung đã có nhiều cải thiện song ở cấp độ phục vụ trực tiếp cho du lịch nông nghiệp vẫn cần tiếp tục được hoàn thiện.

Về cơ sở vật chất kỹ thuật, hệ thống phục vụ du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn đã bước đầu hình thành nhưng vẫn còn hạn chế về quy mô và mức độ đồng bộ. Theo Công thông tin du lịch Bắc Giang 2025 địa bàn Lục Ngạn có 10 nhà hàng ăn uống như và 15 nhà nghỉ, phân bố chủ yếu tại :Quý Sơn, Hồng Giang, Phượng Sơn, Trù

Hự, Tân Sơn, Biển Động. Ngoài các khu vực này nhiều xã còn chủ yếu là quán ăn nhỏ lẻ, chưa đáp ứng tốt nhu cầu của các đoàn khách lớn. Cùng với đó địa phương có tỷ lệ nhà kiên cố khoảng 60% nhiều nhà vườn có điều kiện cải tạo thành homestay quy mô nhỏ, mỗi hộ có thể đón khoảng 5–10 khách. Tuy nhiên nhìn chung các điểm du lịch cộng đồng ở Lục Ngạn vẫn chủ yếu chỉ đáp ứng nhu cầu lưu trú cho vài chục đến khoảng 100 khách còn thiếu các hạng mục như bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng, khu ăn uống quy mô lớn và dịch vụ hỗ trợ đi kèm.

Đánh giá khái quát chung hạ tầng giao thông và cơ sở vật chất kỹ thuật tại Lục Ngạn đã tạo được nền tảng nhất định cho phát triển du lịch nông nghiệp. Tuy nhiên khả năng phục vụ du khách tại nhiều điểm vẫn còn hạn chế do thiếu đồng bộ về đường tiếp cận, biển chỉ dẫn, lưu trú và các tiện ích hỗ trợ. Đây vẫn là một trong những điểm nghẽn cần tiếp tục được đầu tư, hoàn thiện trong thời gian tới.

3.1.3 Dịch vụ du lịch nông nghiệp

Dịch vụ du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn đã hình thành với các hoạt động gắn trực tiếp với sản xuất nông nghiệp và khai thác tài nguyên bản địa. Các dịch vụ hiện có chủ yếu bao gồm dịch vụ cốt lõi như: tham quan vườn cây ăn quả, trải nghiệm thu hái nông sản theo mùa, tìm hiểu quy trình canh tác. Tiếp đến là các dịch vụ hỗ trợ như: ăn uống, mua sắm đặc sản tại chỗ và một số dịch vụ gia tăng như chụp ảnh, check-in, tổ chức tour mùa vụ. Điều này cho thấy hoạt động sản xuất nông nghiệp tại địa phương đã bước đầu được kết hợp với khai thác giá trị dịch vụ du lịch. Một số hợp tác xã tiêu biểu tham gia cung cấp sản phẩm và dịch vụ du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn được thể hiện dưới đây:

Bảng 3.2 : Một số Hợp tác xã cung cấp sản phẩm du lịch nông nghiệp tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn (cũ)

STT	Tên hợp tác xã	Địa chỉ	Năm thành lập	Nông sản chính	Sản phẩm du lịch
1	HTX Thương	Thôn Phố Chợ, Tân Sơn,	2021	Vải thiều, cam lòng vàng,	Tham quan vườn cây; Hái quả trải nghiệm, Chụp ảnh check in;

STT	Tên hợp tác xã	Địa chỉ	Năm thành lập	Nông sản chính	Sản phẩm du lịch
	mại du lịch An Phú	Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang		bưởi, chanh...	Thưởng thức ẩm thực địa phương. Tour trải nghiệm quanh năm.
2	HTX Sản xuất thương mại và dịch vụ nông nghiệp Phi Điền	Thôn Phi, Xã Phi Điền, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang	2017	Cam lòng vàng, bưởi, thanh long, chanh...	Mua sản phẩm OCOP, Hái quả trải nghiệm, Tham quan vườn cây, Chụp ảnh check in...
3	HTX Thương mại Du lịch Tân Quang	Thôn Bóm, xã Tân Quang, Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	2021	Vải, nho cam, chuối, bưởi	Tour tham quan nông nghiệp (vườn nho, vườn cam...) và các làng nghề truyền thống...
4	HTX Lục Ngạn Xanh	Thôn Phúc Hòa, Xã Đồng Cốc, Huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang	2021	Vải thiều, táo xuân, táo mật, ổi, cam, bưởi...	Tour trải nghiệm mùa cây ăn quả, mua sản phẩm OCOP/đặc sản...
5	HTX Du lịch tổng hợp Sơn Hải	Thôn Đồng Mậm, Xã Sơn Hải, Huyện Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Giang	2021	Vải thiều, cam, bưởi, thanh long, mít...	Tour trọn gói (hái vải, tham quan, ăn uống tại hồ Cẩm Sơn); Ở homestay/gian nhà truyền thống kết hợp thưởng thức ẩm thực địa phương...
6	HTX dịch vụ tiêu thụ nông sản Tân Mộc	Thôn Tân Đồng, Xã Tân Mộc, Huyện Lục	2021	Vải thiều, cam, ổi,	Tham quan, trải nghiệm vườn cây ăn quả, kết nối tour mùa quả chín, tổ chức hội

STT	Tên hợp tác xã	Địa chỉ	Năm thành lập	Nông sản chính	Sản phẩm du lịch
		Ngạn, tỉnh Bắc Giang		nho, táo, bưởi, ổi...	chợ Cam – Bưởi và Tuần lễ Du lịch Lục Ngạn hàng năm ...

Nguồn: Tác giả khảo sát và tổng hợp, 2026

Từ bảng trên có thể thấy các dịch vụ du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn hiện khá đa dạng về hình thức tập trung vào tham quan vườn cây, trải nghiệm thu hái nông sản, thưởng thức ẩm thực địa phương, mua sắm sản phẩm OCOP và tổ chức tour theo mùa vụ. Một số hợp tác xã đã bước đầu kết hợp giữa trải nghiệm sản xuất nông nghiệp với giới thiệu đặc sản địa phương, qua đó tạo ra các sản phẩm du lịch mang nét đặc trưng riêng. Bên cạnh các hoạt động tham quan đơn lẻ một số điểm đến tại huyện Lục Ngạn (cũ) đã xây dựng các chương trình du lịch trong ngày nhằm đáp ứng nhu cầu trải nghiệm ngắn hạn của du khách, tiêu biểu như:



Hình 3.1. Một số chương trình du lịch Lục Ngạn trong ngày

Nguồn: Phòng Văn hóa và Thông tin huyện Lục Ngạn (cũ)

Các chương trình này cho thấy dịch vụ du lịch nông nghiệp tại địa phương đã có sự phát triển theo hướng liên kết nhiều hoạt động trong cùng một hành trình. Nhằm đa dạng hóa sự lựa chọn cho du khách và gia tăng thời gian lưu trú tại điểm đến các HTX tại huyện Lục Ngạn đã thiết kế linh hoạt bằng cách kết hợp các hoạt động theo từng ngày xây dựng thành các lịch trình dài hơn như 2 ngày 1 đêm hoặc 3 ngày 2 đêm. Các chương trình này không chỉ giúp du khách khám phá trọn vẹn cảnh quan, văn hóa và sản vật địa phương trong một ngày hoặc nhiều ngày mà còn tạo điều kiện để kết nối các điểm đến, tối ưu hóa lịch trình và gia tăng giá trị trải nghiệm cho du khách.

Bên cạnh việc hình thành các nhóm sản phẩm du lịch nông nghiệp tương đối đa dạng một số chương trình trải nghiệm và dịch vụ tại huyện Lục Ngạn cũng đã được thương

mại hóa thông qua việc xây dựng mức giá tham khảo cho du khách. Mặc dù mức giá hiện nay chưa thật sự thống nhất giữa các điểm cung ứng và còn thay đổi tùy theo mùa vụ, quy mô đoàn khách, nội dung chương trình, song việc xuất hiện giá dịch vụ tham khảo cho thấy hoạt động du lịch nông nghiệp tại địa phương đã từng bước chuyển từ hình thức trải nghiệm tự phát sang cung ứng dịch vụ có giá trị kinh tế. Một số mức giá tham khảo của dịch vụ du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 3.3. Mức giá tham khảo của một số nhóm dịch vụ du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn

STT	Nhóm sản phẩm du lịch nông nghiệp tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn	Mức giá
1.	Tham quan vườn cây và chụp ảnh check-in	Khoảng 30.000 – 80.000 VNĐ/lượt/khách (Áp dụng tại một số điểm vườn theo mùa)
2.	Trải nghiệm hái quả tại vườn	Khoảng 100.000 – 130.000 VNĐ/lượt/ khách (Phụ thuộc loại quả, thời điểm mùa vụ)
		Một số tour hái quả ban đêm như vải có thể khoảng 500.000 VNĐ/ khách
3.	Thưởng thức ẩm thực địa phương, mua sản phẩm OCOP và đặc sản	Khoảng trên 100 VNĐ/ khách (Thường tính theo thực đơn, suất ăn hoặc từng loại sản phẩm thực tế)
4.	Tour trải nghiệm mùa cây ăn quả/tour trải nghiệm trong ngày	Khoảng 550.000 đồng/ khách (Áp dụng với một số chương trình trải nghiệm 1 ngày)
5.	Tour tham quan nông nghiệp kết hợp làng nghề, điểm phụ cận	Khoảng 1.050.000VNĐ/khách (Áp dụng với một số chương trình kết hợp nhiều điểm)
6.	Tour trọn gói có lưu trú/homestay	Khoảng 1.800.000 – 2.100.000 VNĐ/Khách (Thường áp dụng với chương trình 2 ngày 1 đêm, có kết hợp lưu trú và nhiều dịch vụ đi kèm)

(Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2026)

Từ bảng trên có thể thấy mức giá của các dịch vụ du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn hiện được hình thành theo từng nhóm dịch vụ tương đối rõ. Trong đó các

dịch vụ đơn lẻ như: tham quan vườn cây, chụp ảnh check-in hoặc hái quả trải nghiệm thường có mức giá thấp hơn. Các tour kết hợp nhiều hoạt động, nhiều điểm đến hoặc có lưu trú thường có mức giá cao hơn. Thực tế này cho thấy hoạt động du lịch nông nghiệp tại địa phương đã từng bước được thương mại hóa, tuy nhiên cơ chế định giá giữa các điểm cung ứng vẫn chưa thật sự thống nhất.

Tuy nhiên xét một cách tổng thể thì hệ thống dịch vụ du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn vẫn còn thiếu tính đồng bộ. Mặc dù một số dịch vụ và mức giá tham khảo đã bước đầu được hình thành nhưng mức độ hoàn thiện của chuỗi dịch vụ tại địa phương vẫn còn hạn chế. Các dịch vụ hỗ trợ như: lưu trú, hướng dẫn, vận chuyển nội vùng, tổ chức trải nghiệm chuyên sâu và các hoạt động văn hóa đi kèm còn hạn chế. Nhiều điểm đến hiện mới dừng ở việc cung cấp dịch vụ tham quan và thu hái trong khi những dịch vụ có khả năng giữ chân du khách và làm tăng mức chi tiêu vẫn chưa phát triển tương xứng. Điều này cho thấy mối liên kết giữa sản xuất nông nghiệp, trải nghiệm du lịch, dịch vụ lưu trú, ẩm thực và tiêu thụ sản phẩm địa phương còn rời rạc. Bên cạnh đó dịch vụ du lịch nông nghiệp tại địa phương vẫn mang tính mùa vụ rõ nét. Lượng khách chủ yếu tập trung vào mùa quả chín như : vải thiều, cam, bưởi trong khi ở những thời điểm khác trong năm sức hút đối với du khách còn hạn chế, ảnh hưởng đến khả năng khai thác dịch vụ ổn định.. Ngoài ra hoạt động quảng bá, xúc tiến và liên kết với doanh nghiệp lữ hành còn hạn chế khiến sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch nông nghiệp chưa tương xứng với tiềm năng địa phương.

“Khách đến đông nhất vẫn vào mùa quả chín còn các thời điểm khác trong năm thì ít hơn vì dịch vụ trải nghiệm và lưu trú chưa thực sự đầy đủ và thu hút du khách”

(Người phỏng vấn số 9)

Từ thực trạng trên có thể thấy dịch vụ du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn không chỉ góp phần phục vụ khách tham quan mà còn có ý nghĩa trong việc gia tăng giá trị nông sản, quảng bá hình ảnh địa phương và tạo thêm sinh kế cho người dân. Tuy nhiên để phát triển bền vững địa phương cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống dịch vụ hỗ trợ đồng thời đa dạng hóa sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng khai thác hiệu

quả quanh năm, tăng cường liên kết giữa các chủ thể cung ứng dịch vụ với doanh nghiệp lữ hành và đẩy mạnh hoạt động xúc tiến, quảng bá điểm đến.

3.1.4 Nhân lực du lịch nông nghiệp

Nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng trong phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn. Ở quy mô toàn tỉnh, theo Niên giám thống kê tỉnh Bắc Giang tính đến đầu năm 2025 Bắc Giang có 38 điểm du lịch cộng đồng trong đó có 250 hộ dân tham gia vào hoạt động du lịch nông thôn, du lịch nông nghiệp. Nhân lực đang làm việc trong lĩnh vực du lịch của toàn tỉnh có gần 1.800 người bao gồm: cán bộ quản lý, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp du lịch, hợp tác xã, tổ nhóm và cộng đồng dân cư tham gia làm du lịch.

Những số liệu này cho thấy tỉnh Bắc Giang nói chung đã có nền tảng nhất định về nguồn nhân lực phục vụ phát triển du lịch nông thôn và du lịch nông nghiệp.

Xét ở phạm vi huyện Lục Ngạn, theo Niên giám thống kê của huyện Lục Ngạn đến đầu năm 2025 địa phương có nguồn lao động khá dồi dào với 85.570 người trong độ tuổi lao động chiếm khoảng 44% dân số và số lượng người lao động tham gia vào hoạt động du lịch nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn. Đây là một lợi thế bởi người dân địa phương có kinh nghiệm sản xuất, am hiểu mùa vụ, cây trồng và tập quán canh tác qua đó trở thành lực lượng nòng cốt trong quá trình phát triển du lịch nông nghiệp.

Lực lượng tham gia du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn đã từng bước hình thành thông qua các hợp tác xã, hộ dân và điểm du lịch cộng đồng. Đến năm 2025 toàn huyện có 29 hợp tác xã đăng ký ngành nghề kinh doanh du lịch trong đó một số hợp tác xã trực tiếp tham gia cung cấp sản phẩm du lịch nông nghiệp tại các xã như Tân Sơn, Phi Điền, Tân Quang, Đồng Cốc, Sơn Hải, Quý Sơn và Tân Mộc... Điều này cho thấy Lục Ngạn có cơ sở nhất định để phát triển nguồn nhân lực du lịch nông nghiệp đặc biệt là lực lượng lao động tại chỗ gắn với hợp tác xã và hộ dân. Để có cái nhìn rõ nét hơn thực trạng nguồn nhân lực du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn dưới đây tác giả có tổng hợp số lượng nguồn nhân lực tại một số hợp tác xã tiêu biểu ở huyện Lục Ngạn.

Bảng 3.4 Tổng hợp nhân lực du lịch nông nghiệp tại một số HTX tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn

STT	Tên HTX	Địa chỉ	Năm thành lập	Đại diện HTX	Số lượng lao động
1	HTX Thương mại du lịch An Phú	Thôn Phố Chợ, xã Tân Sơn	2021	Phó Giám đốc Khúc Thị Nga	70 người
2	HTX Sản xuất thương mại và dịch vụ nông nghiệp Phi Điền	Thôn Phi, xã Phi Điền	2017	Giám đốc Phan Văn Nét	30 người
3	HTX Thương mại Du lịch Tân Quang	Thôn Bòm, xã Tân Quang	2021	Phó Giám đốc Nguyễn Thị Lan	70 người
4	HTX Lục Ngạn Xanh	Thôn Phúc Hòa, xã Đồng Cốc	2021	Giám đốc Nguyễn Thị Minh Thùy	85 người
5	HTX Du lịch tổng hợp Sơn Hải	Thôn Đồng Mậm, xã Sơn Hải	2021	Phó Giám đốc Phương Thị Lý	35 người
6	HTX dịch vụ tiêu thụ nông sản Tân Mộc	Thôn Tân Đồng, xã Tân Mộc	2021	Giám đốc Nguyễn Thị Như	50 người

(Nguồn: Tác giả khảo sát và tổng hợp, 2026)

Từ bảng trên có thể thấy lực lượng lao động tham gia du lịch nông nghiệp tại một số hợp tác xã ở huyện Lục Ngạn hình thành với quy mô khác nhau giữa các đơn vị. Địa phương đã có nền tảng nhân lực tại chỗ nhất định để phát triển du lịch nông nghiệp. Tuy nhiên quy mô lao động giữa các hợp tác xã chưa đồng đều phản ánh mức độ tham gia và năng lực tổ chức hoạt động du lịch của từng đơn vị còn khác nhau.

Mặc dù đã có lực lượng lao động nông cốt tham gia nhưng qua phỏng vấn sâu có thể thấy chất lượng nhân lực hiện nay vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng chuyên nghiệp. Như đại diện Ủy ban nhân dân xã Đồng Cốc cho biết:

“Hiện nay người tham gia làm du lịch nông nghiệp ở địa phương đã có nhưng phần lớn vẫn kiêm nhiệm chưa được đào tạo bài bản về nghiệp vụ du lịch, kỹ năng đón tiếp và hướng dẫn khách.”

(Người phỏng vấn số 3)

Ở phía hợp tác xã khó khăn nổi bật là thiếu nhân lực có khả năng kết nối giữa sản xuất nông nghiệp với hoạt động du lịch. Một đại diện của hợp tác xã Đồng Dao chia sẻ:

“Có vườn, có sản phẩm, có cơ sở vật chất kỹ thuật nhưng nhân lực làm du lịch còn thiếu. Người biết làm nông thì chưa quen làm du lịch còn người biết đón khách thì lại chưa hiểu sâu về sản xuất.”

(Người phỏng vấn số 6)

Nhìn chung huyện Lục Ngạn đã hình thành lực lượng lao động tham gia phát triển du lịch nông nghiệp thông qua các hợp tác xã, hộ dân và cộng đồng địa phương. Tuy nhiên chất lượng nguồn nhân lực hiện nay mới đáp ứng ở mức ban đầu do đó cần tiếp tục chú trọng đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng và nâng cao năng lực phục vụ du lịch trong tương lai. Trong chương trình phát triển du lịch nông thôn của tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2023–2025 thì phát triển nguồn nhân lực du lịch nông thôn có chất lượng được xác định là một nội dung quan trọng. Nội dung với các định hướng như: nâng cao năng lực cho cán bộ cơ sở trong quản lý và phát triển du lịch nông thôn; xây dựng tài liệu hướng dẫn phát triển du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn gắn với xây dựng nông thôn mới; tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nhằm nâng cao nghiệp vụ, kỹ năng nghề, kỹ năng mềm và kiến thức làm du lịch cho các tổ chức, cá nhân và cộng đồng tham gia hoạt động du lịch. Trong định hướng chung đó huyện Lục Ngạn cũng cần hướng tới mục tiêu 100% chủ cơ sở du lịch nông thôn được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ quản lý du lịch và 80% lao động du lịch nông thôn được bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng

phục vụ khách. Đây là cơ sở quan trọng để huyện từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tại chỗ.

3.2 Thực trạng cầu sản phẩm DLNN tại huyện Lục Ngạn

3.2.1 Tổng quan mẫu khảo sát và đặc điểm đối tượng nghiên cứu

Cơ cấu theo giới tính

Giới tính là một trong những đặc điểm nhân khẩu học cơ bản của đối tượng khảo sát giúp phản ánh sự phân bố của mẫu nghiên cứu và mức độ đại diện của dữ liệu thu thập. Việc phân tích cơ cấu giới tính của du khách tham gia khảo sát giúp làm rõ đặc điểm của nhóm khách tiếp cận với loại hình du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn từ đó có cơ sở đánh giá sự đa dạng của mẫu nghiên cứu cũng như định hướng phát triển sản phẩm du lịch phù hợp với từng nhóm đối tượng.

Bảng 3.5: Cơ cấu mẫu khảo sát theo giới tính

Giới tính	Tần suất (Frequency)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ hợp lệ (%)	Tỷ lệ tích lũy (%)
Nam	185	48,1	48,1	48,1
Nữ	200	51,9	51,9	100,0
Tổng	385	100,0	100,0	

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả khảo sát cho thấy trong tổng số 385 du khách tham gia khảo sát, có 185 người là nam chiếm 48,1%, và 200 người là nữ chiếm 51,9%. Như vậy tỷ lệ nữ trong mẫu khảo sát nhỉnh hơn nam nhưng sự chênh lệch không đáng kể. Cơ cấu giới tính này cho thấy mẫu nghiên cứu có sự phân bố tương đối cân bằng giữa nam và nữ đảm bảo tính khách quan và độ tin cậy của dữ liệu khảo sát. Kết quả này cũng phản ánh thực tế rằng du lịch nông nghiệp là loại hình du lịch có sức hấp dẫn đối với nhiều nhóm đối tượng khác nhau, không bị giới hạn bởi yếu tố giới tính.

Tỷ lệ nữ tham gia khảo sát cao hơn một chút có thể liên quan đến xu hướng hiện nay khi du khách nữ thường quan tâm nhiều hơn đến các hoạt động trải nghiệm nông nghiệp, ẩm thực địa phương và văn hóa bản địa, những yếu tố đặc trưng của du lịch nông nghiệp. Đồng thời nữ giới cũng thường tham gia tích cực hơn trong các chuyến du lịch mang

tính trải nghiệm hoặc du lịch gia đình. Cơ cấu giới tính của mẫu khảo sát được đánh giá là tương đối cân đối và phù hợp với mục tiêu nghiên cứu, tạo cơ sở tin cậy cho các phân tích tiếp theo về hành vi, nhận thức và mức độ hài lòng của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang.

Cơ cấu độ tuổi

Độ tuổi là một trong những yếu tố nhân khẩu học quan trọng giúp phản ánh đặc điểm của nhóm khách du lịch tham gia khảo sát. Việc phân tích cơ cấu độ tuổi cho phép xác định nhóm khách hàng mục tiêu đồng thời cung cấp cơ sở để đánh giá xu hướng tham gia và nhu cầu trải nghiệm du lịch nông nghiệp của từng nhóm tuổi khác nhau. Thực tế này có ý nghĩa quan trọng trong việc định hướng thiết kế sản phẩm du lịch nông nghiệp phù hợp với thị trường khách.

Bảng 3.6: Cơ cấu mẫu khảo sát theo độ tuổi

Độ tuổi	Tần suất (Frequency)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ hợp lệ (%)	Tỷ lệ tích lũy (%)
Dưới 25 tuổi	58	15,1	15,1	15,1
25 – 34 tuổi	95	24,7	24,7	39,8
35 – 44 tuổi	72	18,7	18,7	58,5
45 – 54 tuổi	90	23,4	23,4	81,9
Từ 55 tuổi trở lên	70	18,1	18,1	100,0
Tổng	385	100,0	100,0	

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả khảo sát cho thấy nhóm 25–34 tuổi chiếm tỷ lệ cao nhất với 24,7%, tiếp theo là nhóm 45–54 tuổi chiếm 23,4%. Nhóm 35–44 tuổi chiếm 18,7%, nhóm từ 55 tuổi trở lên chiếm 18,1%, trong khi nhóm dưới 25 tuổi có tỷ lệ thấp nhất với 15,1%. Cơ cấu độ tuổi của mẫu khảo sát cho thấy phần lớn du khách thuộc nhóm tuổi từ 25 đến 54 đây là nhóm đang trong độ tuổi lao động ổn định có thu nhập và nhu cầu tham gia các hoạt động du lịch trải nghiệm. Nhóm tuổi này thường có xu hướng tìm kiếm các loại hình du lịch mang tính khám phá, nghỉ dưỡng và trải nghiệm văn hóa – nông nghiệp do đó phù hợp với đặc điểm của du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.

Tỷ lệ tương đối của nhóm từ 55 tuổi trở lên cũng cho thấy du lịch nông nghiệp có sức hấp dẫn đối với nhóm khách trung niên và cao tuổi những người có nhu cầu nghỉ dưỡng, tìm kiếm không gian yên bình và trải nghiệm văn hóa nông thôn. Trong khi đó nhóm dưới 25 tuổi chiếm tỷ lệ thấp hơn có thể do khả năng chi tiêu và nhu cầu du lịch của nhóm này còn hạn chế. Kết quả trên có thể thấy rằng du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn có khả năng thu hút nhiều nhóm tuổi khác nhau đặc biệt là nhóm khách trung niên và nhóm khách trong độ tuổi lao động. Điều này cho thấy tiềm năng phát triển đa dạng các sản phẩm du lịch nông nghiệp nhằm đáp ứng nhu cầu trải nghiệm của nhiều phân khúc thị trường khác nhau.

Cơ cấu nghề nghiệp

Nghề nghiệp của du khách là một yếu tố quan trọng phản ánh đặc điểm kinh tế – xã hội của đối tượng khảo sát, đồng thời có thể ảnh hưởng đến nhu cầu, khả năng chi trả và hình thức tham gia du lịch. Việc phân tích cơ cấu nghề nghiệp giúp xác định nhóm khách hàng chủ yếu của loại hình du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, từ đó cung cấp cơ sở cho việc định hướng phát triển sản phẩm và dịch vụ phù hợp với từng phân khúc thị trường.

Bảng 3.7: Cơ cấu mẫu khảo sát theo nghề nghiệp

Nghề nghiệp	Tần suất (Frequency)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ hợp lệ (%)	Tỷ lệ tích lũy (%)
Học sinh/Sinh viên	40	10,4	10,4	10,4
Cán bộ, công chức, viên chức	110	28,6	28,6	39,0
Nhân viên doanh nghiệp	105	27,3	27,3	66,3
Kinh doanh tự do	70	18,2	18,2	84,5
Nghề nghiệp khác	60	15,6	15,6	100,0
Tổng	385	100,0	100,0	

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả khảo sát cho thấy cán bộ, công chức, viên chức chiếm tỷ lệ cao nhất với 28,6%, tiếp theo là nhân viên doanh nghiệp chiếm 27,3%. Hai nhóm nghề nghiệp này

chiếm hơn một nửa tổng số người tham gia khảo sát. Nhóm kinh doanh tự do chiếm 18,2%, trong khi học sinh/sinh viên chiếm 10,4%, và các nghề nghiệp khác chiếm 15,6%. Cơ cấu nghề nghiệp này cho thấy đối tượng khách tham gia du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn chủ yếu là những người đang trong độ tuổi lao động ổn định và có nguồn thu nhập tương đối ổn định. Kết quả này phù hợp với đặc điểm của loại hình du lịch trải nghiệm, khi du khách cần có khả năng chi trả cũng như thời gian tham gia các hoạt động tham quan, trải nghiệm sản xuất nông nghiệp và khám phá văn hóa địa phương.

Sự xuất hiện của nhóm học sinh, sinh viên trong mẫu khảo sát cho thấy du lịch nông nghiệp cũng có sức hấp dẫn đối với nhóm khách trẻ, đặc biệt trong các hoạt động mang tính trải nghiệm, học tập và khám phá. Đây là nhóm khách tiềm năng cho các chương trình du lịch trải nghiệm, giáo dục nông nghiệp hoặc du lịch học tập. Cơ cấu nghề nghiệp của mẫu khảo sát phản ánh rằng du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn có khả năng thu hút nhiều nhóm nghề nghiệp khác nhau, trong đó nhóm khách là cán bộ, công chức, viên chức và nhân viên doanh nghiệp đóng vai trò chủ yếu. Điều này gợi ý rằng trong quá trình phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp, địa phương cần chú trọng xây dựng các chương trình du lịch trải nghiệm ngắn ngày, phù hợp với thời gian và nhu cầu nghỉ dưỡng của nhóm khách đang đi làm.

Cơ cấu theo nơi cư trú

Nơi cư trú của du khách là một trong những yếu tố quan trọng giúp xác định nguồn khách và phạm vi thị trường của điểm đến du lịch. Việc phân tích cơ cấu theo nơi cư trú giúp nhận diện tỷ trọng khách nội tỉnh, khách ngoại tỉnh và khách quốc tế tham gia du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn. Qua đó có thể đánh giá mức độ hấp dẫn của điểm đến đối với từng nhóm khách và làm cơ sở cho việc xây dựng chiến lược quảng bá, phát triển sản phẩm du lịch phù hợp với từng thị trường.

Bảng 3.8: Cơ cấu mẫu khảo sát theo nơi cư trú

Nơi cư trú	Tần suất (Frequency)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ hợp lệ (%)	Tỷ lệ tích lũy (%)
Nội tỉnh	85	22,1	22,1	22,1
Ngoại tỉnh	300	77,9	77,9	100,0
Tổng	385	100,0	100,0	

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả khảo sát cho thấy khách ngoại tỉnh chiếm tỷ lệ cao hơn với 77,9% trong khi khách nội tỉnh chiếm 22,1% trong tổng số 385 người tham gia khảo sát. Cơ cấu này cho thấy du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn không chỉ thu hút người dân địa phương mà còn có sức hấp dẫn rõ rệt đối với du khách đến từ các tỉnh thành khác. Trong đó tỷ lệ khách ngoại tỉnh chiếm hơn ba phần tư tổng số người khảo sát đã phản ánh khả năng thu hút mạnh của điểm đến đối với thị trường khách trong nước đặc biệt là những du khách có nhu cầu trải nghiệm các hoạt động nông nghiệp đặc trưng như: tham quan vườn cây ăn quả, thưởng thức nông sản địa phương và tìm hiểu văn hóa bản địa tại huyện Lục Ngạn.

Khách nội tỉnh chiếm tỷ lệ thấp hơn điều này có giải thích rằng xuất phát từ việc người dân địa phương đã quen thuộc với môi trường sản xuất nông nghiệp và các hoạt động gắn với đời sống nông thôn nên mức độ hấp dẫn của loại hình du lịch này không cao bằng đối với du khách đến từ các nơi khác đến. Tuy nhiên tỷ lệ khách nội tỉnh vẫn cho thấy du lịch nông nghiệp có khả năng đáp ứng nhu cầu tham quan, trải nghiệm ngắn ngày của người dân trong tỉnh.

Cơ cấu nơi cư trú của mẫu khảo sát cho thấy khách ngoại tỉnh giữ vai trò chủ đạo trong thị trường khách du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn. Điều này đòi hỏi địa phương tiếp tục đẩy mạnh quảng bá, nâng cao chất lượng dịch vụ và phát triển sản phẩm mang bản sắc riêng nhằm duy trì sức hấp dẫn đối với khách ngoài địa phương, đồng thời mở rộng thu hút khách nội tỉnh.

Cơ cấu theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn là một trong những đặc điểm nhân khẩu học quan trọng phản ánh mức độ nhận thức, khả năng tiếp cận thông tin cũng như xu hướng tiêu dùng du

lịch của du khách. Việc phân tích cơ cấu trình độ học vấn giúp xác định đặc điểm của nhóm khách tham gia du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, từ đó góp phần định hướng xây dựng các sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu trải nghiệm và mức độ hiểu biết của từng nhóm khách.

Bảng 3.9: Cơ cấu mẫu khảo sát theo trình độ học vấn

Trình độ học vấn	Tần suất (Frequency)	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ hợp lệ (%)	Tỷ lệ tích lũy (%)
Trung học phổ thông	68	17,7	17,7	17,7
Cao đẳng/Đại học	224	58,2	58,2	75,9
Sau đại học	93	24,2	24,2	100,0
Tổng	385	100,0	100,0	

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả khảo sát cho thấy nhóm du khách có trình độ cao đẳng/đại học chiếm tỷ lệ cao nhất với 58,2%, tiếp theo là nhóm sau đại học chiếm 24,2%, trong khi nhóm có trình độ trung học phổ thông chiếm 17,7% trong tổng số 385 người tham gia khảo sát. Cơ cấu trình độ học vấn này cho thấy phần lớn du khách tham gia khảo sát có trình độ học vấn tương đối cao trong đó nhóm có trình độ từ cao đẳng trở lên chiếm hơn 80% tổng số mẫu khảo sát. Điều này phản ánh xu hướng chung của thị trường du lịch hiện nay khi những người có trình độ học vấn cao thường có mức độ quan tâm lớn hơn đến các hoạt động du lịch mang tính trải nghiệm, khám phá và tìm hiểu văn hóa – xã hội.

Nhóm du khách có trình độ cao thường có nhu cầu trải nghiệm đa dạng, quan tâm đến các giá trị văn hóa, sinh thái và tính bền vững của điểm đến do đó du lịch nông nghiệp với các hoạt động như: tham quan vườn cây, tìm hiểu quy trình sản xuất nông nghiệp, trải nghiệm đời sống nông thôn và thưởng thức ẩm thực địa phương có thể đáp ứng tốt nhu cầu của nhóm khách này. Cơ cấu trình độ học vấn của mẫu khảo sát cho thấy du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn thu hút chủ yếu nhóm khách có

trình độ học vấn cao đây là nhóm khách có khả năng tiếp nhận và đánh giá sâu sắc các giá trị văn hóa, sinh thái và trải nghiệm đặc trưng của du lịch nông nghiệp. Điều này cũng đặt ra yêu cầu đối với việc phát triển sản phẩm du lịch cần chú trọng đến chất lượng trải nghiệm, tính giáo dục, giá trị văn hóa và sự độc đáo của sản phẩm du lịch nông nghiệp nhằm đáp ứng kỳ vọng của nhóm khách này.

3.2.2 Kết quả khảo sát

3.2.2.1 Mức độ nhận thức về sản phẩm du lịch nông nghiệp

Nhận thức của du khách về sản phẩm du lịch nông nghiệp là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến quyết định tham gia và trải nghiệm du lịch. Mức độ nhận thức phản ánh mức độ hiểu biết, sự quan tâm và đánh giá ban đầu của du khách đối với loại hình du lịch này. Việc phân tích mức độ nhận thức của du khách giúp xác định mức độ phổ biến của du lịch nông nghiệp trong thị trường khách đồng thời cung cấp cơ sở để đánh giá khả năng tiếp cận thông tin và hiệu quả của hoạt động quảng bá, truyền thông về sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.

Bảng 3.10: Mức độ nhận thức của du khách về sản phẩm du lịch nông nghiệp

Biến quan sát	Số quan sát (N)	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)
NT1	385	1	5	3,93	0,86
NT2	385	1	5	3,94	0,84
NT3	385	1	5	4,14	0,82
NT4	385	1	5	4,05	0,79

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả phân tích thống kê mô tả cho thấy mức độ nhận thức của du khách về sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn nhìn chung ở mức khá cao. Giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 3,93 đến 4,14 trên thang đo Likert 5 mức thể hiện đa số người tham gia khảo sát có xu hướng đồng ý hoặc khá đồng ý với các nhận định liên quan đến sản phẩm du lịch nông nghiệp. Trong các biến quan sát thì mức độ phù hợp với nhu cầu (NT3) có giá trị trung bình cao nhất (Mean = 4,14)

cho thấy phần lớn du khách đánh giá cao một khía cạnh quan trọng của sản phẩm du lịch nông nghiệp, có thể liên quan đến sự hấp dẫn hoặc giá trị trải nghiệm mà loại hình du lịch này mang lại. Tiếp theo là giá trị mà sản phẩm mang lại (NT4) với giá trị trung bình 4,05 phản ánh mức độ nhận thức tích cực của du khách đối với các đặc điểm hoặc lợi ích của sản phẩm du lịch nông nghiệp.

Trong khi đó cảm nhận tích cực chung (NT1) (Mean = 3,93) và tính hấp dẫn của sản phẩm (NT2) (Mean = 3,94) có mức trung bình thấp hơn so với các biến còn lại tuy nhiên vẫn ở mức khá cao. Điều này phản ánh mặc dù du khách đã có sự nhận thức nhất định về du lịch nông nghiệp nhưng một số khía cạnh liên quan đến thông tin hoặc hiểu biết cụ thể về loại hình du lịch này vẫn chưa thật sự nổi bật. Xét về độ lệch chuẩn, các giá trị dao động từ 0,79 đến 0,86, cho thấy mức độ phân tán của các câu trả lời không quá lớn phản ánh sự tương đối đồng nhất trong nhận thức của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp.

Nhìn chung du khách có mức độ nhận thức tương đối tích cực đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn. Để nâng cao hơn nữa mức độ nhận biết và hiểu biết của du khách, địa phương cần tăng cường các hoạt động truyền thông, quảng bá và cung cấp thông tin về sản phẩm du lịch nông nghiệp, đồng thời phát triển các chương trình trải nghiệm đặc sắc nhằm tạo dấu ấn rõ nét hơn trong nhận thức của du khách.

3.2.2.2 Động cơ về sản phẩm du lịch nông nghiệp

Động cơ du lịch được hiểu là những yếu tố thúc đẩy du khách lựa chọn và tham gia vào một loại hình du lịch nhất định. Trong bối cảnh du lịch nông nghiệp động cơ của du khách có thể xuất phát từ nhu cầu trải nghiệm cuộc sống nông thôn, tìm hiểu hoạt động sản xuất nông nghiệp, thưởng thức nông sản địa phương hoặc tìm kiếm không gian nghỉ dưỡng gần gũi với thiên nhiên. Việc phân tích động cơ của du khách giúp làm rõ những yếu tố thúc đẩy nhu cầu tham gia du lịch nông nghiệp, từ đó cung cấp cơ sở để xây dựng và phát triển các sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu của thị trường.

Bảng 3.11: Động cơ của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp

Biến quan sát	Số quan sát (N)	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)
ĐC1	385	1	5	4,15	0,78
ĐC2	385	1	5	4,09	0,80
ĐC3	385	1	5	4,07	0,82
ĐC4	385	1	5	3,98	0,84
ĐC5	385	1	5	4,01	0,83

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả phân tích thống kê mô tả phản ánh động cơ của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn nhìn chung ở mức khá cao. Giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 3,98 đến 4,15 cho thấy phần lớn người tham gia khảo sát đồng ý với các yếu tố thúc đẩy họ tham gia loại hình du lịch này. Trong các biến quan sát thì động cơ gần gũi với thiên nhiên (ĐC1) có giá trị trung bình cao nhất (Mean = 4,15) phản ánh đây là động cơ quan trọng nhất thúc đẩy du khách tham gia du lịch nông nghiệp. Kết quả này cho thấy rằng du khách đặc biệt quan tâm đến một khía cạnh nổi bật của du lịch nông nghiệp có thể liên quan đến trải nghiệm thực tế trong môi trường nông thôn hoặc khám phá các hoạt động sản xuất nông nghiệp đặc trưng của địa phương.

Tiếp theo là động cơ nghỉ ngơi, thư giãn (ĐC2) (Mean = 4,09) và động cơ học hỏi, mở rộng kiến thức về nông nghiệp (ĐC3) (Mean = 4,07) cho thấy các yếu tố liên quan đến trải nghiệm, khám phá và giá trị văn hóa – nông nghiệp của điểm đến cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thu hút du khách. Trái lại động cơ thỏa mãn sự tò mò (ĐC5) có giá trị trung bình 4,01 và động cơ trải nghiệm điều mới lạ (ĐC4) có mức trung bình thấp nhất (Mean = 3,98) tuy nhiên vẫn ở mức khá cao trên thang đo Likert 5 mức cho thấy các yếu tố này vẫn có ảnh hưởng nhất định đến quyết định tham gia du lịch nông nghiệp của du khách. Xét về độ lệch chuẩn, các giá trị dao động từ 0,78 đến 0,84 thể hiện mức độ phân tán của các câu trả lời không lớn, nhận định của du khách về các động cơ tham gia du lịch nông nghiệp tương đối đồng nhất.

Qua phân tích kết quả khảo sát thấy rằng du khách có động cơ khá rõ ràng khi tham gia du lịch nông nghiệp đặc biệt là các động cơ liên quan đến trải nghiệm thực tế, khám phá môi trường nông thôn và thưởng thức các giá trị đặc trưng của địa phương. Phản ánh tiềm năng phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn là khá lớn đồng thời gợi ý rằng việc phát triển các chương trình trải nghiệm nông nghiệp, hoạt động tham quan vườn cây, trải nghiệm sản xuất nông sản và khám phá văn hóa bản địa có thể góp phần gia tăng sức hấp dẫn của sản phẩm du lịch nông nghiệp đối với du khách.

3.2.2.3 Sự hài lòng về sản phẩm du lịch nông nghiệp

Sự hài lòng của du khách là một trong những chỉ tiêu quan trọng phản ánh chất lượng và hiệu quả của sản phẩm du lịch. Trong lĩnh vực du lịch nông nghiệp mức độ hài lòng của du khách có thể chịu ảnh hưởng bởi nhiều yếu tố như chất lượng trải nghiệm, sự hấp dẫn của hoạt động nông nghiệp, dịch vụ phục vụ, môi trường cảnh quan cũng như các giá trị văn hóa địa phương. Việc phân tích mức độ hài lòng của du khách giúp đánh giá thực trạng chất lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, từ đó cung cấp cơ sở để đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và cải thiện trải nghiệm của du khách.

Bảng 3.12: Sự hài lòng của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp

Biến quan sát	Số quan sát (N)	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)
HL1	385	1	5	3,97	0,83
HL2	385	1	5	4,02	0,81
HL3	385	1	5	4,08	0,80
HL4	385	1	5	4,09	0,79
HL5	385	1	5	4,03	0,82
HL6	385	1	5	3,99	0,84

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả phân tích thống kê mô tả cho thấy mức độ hài lòng của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn nhìn chung ở mức khá cao. Giá trị

trung bình của các biến quan sát dao động từ 3,97 đến 4,09 trên thang đo Likert 5 mức, cho thấy phần lớn người tham gia khảo sát có xu hướng đồng ý với các nhận định tích cực về sản phẩm du lịch nông nghiệp. Trong các biến quan sát thì hài lòng với tổ chức tour trải nghiệm (HL4) có giá trị trung bình cao nhất (Mean = 4,09) thể hiện du khách đánh giá rất tích cực đối với một khía cạnh quan trọng của sản phẩm du lịch nông nghiệp có thể liên quan đến chất lượng trải nghiệm hoặc sự hấp dẫn của các hoạt động tại điểm đến. Tiếp theo là hài lòng với dịch vụ hỗ trợ (HL3) với giá trị trung bình 4,08 cho thấy các yếu tố liên quan đến trải nghiệm thực tế, môi trường cảnh quan hoặc các giá trị văn hóa của điểm đến cũng được du khách đánh giá cao.

Các biến Hài lòng với trải nghiệm vườn cây ăn quả theo mùa (HL2) (Mean = 4,02) và Hài lòng với sự thân thiện và phục vụ của người dân/HTX (HL5) (Mean = 4,03) cũng đạt mức trung bình trên 4 phản ánh sự hài lòng tương đối tốt của du khách đối với các dịch vụ và trải nghiệm du lịch nông nghiệp. Trong khi đó kỳ vọng được đáp ứng/vượt mong đợi (HL1) (Mean = 3,97) và hài lòng chung về sản phẩm du lịch nông nghiệp (HL6) (Mean = 3,99) có mức trung bình thấp hơn một chút so với các biến còn lại nhưng nhìn chung du khách vẫn có đánh giá tích cực đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương. Xét về độ lệch chuẩn các giá trị dao động từ 0,79 đến 0,84 phản ánh sự tương đối thống nhất trong đánh giá của du khách về mức độ hài lòng đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp. Kết quả khảo sát thể hiện du khách có mức độ hài lòng khá cao đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn. Tuy nhiên để nâng cao hơn nữa trải nghiệm của du khách địa phương cần tiếp tục cải thiện chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa các hoạt động trải nghiệm nông nghiệp và nâng cao công tác tổ chức, quản lý du lịch. Điều này sẽ góp phần nâng cao sự hài lòng của du khách đồng thời tăng khả năng thu hút và giữ chân du khách trong tương lai.

3.2.2.4 Ý định hành vi trong tương lai

Ý định hành vi trong tương lai của du khách là một chỉ tiêu quan trọng phản ánh khả năng quay lại điểm đến cũng như mức độ sẵn sàng giới thiệu sản phẩm du lịch cho người khác. Trong nghiên cứu về du lịch, ý định hành vi thường được xem

là kết quả của quá trình nhận thức, trải nghiệm và mức độ hài lòng của du khách đối với sản phẩm du lịch. Việc phân tích ý định hành vi giúp đánh giá tiềm năng duy trì và phát triển thị trường khách trong tương lai đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.

Bảng 3.13: Ý định hành vi trong tương lai của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp

Biến quan sát	Số quan sát (N)	Giá trị nhỏ nhất (Min)	Giá trị lớn nhất (Max)	Giá trị trung bình (Mean)	Độ lệch chuẩn (Std. Deviation)
YD1	385	1	5	4,05	0,81
YD2	385	1	5	3,91	0,86

Nguồn: Kết quả xử lý dữ liệu khảo sát bằng SPSS, 2026

Kết quả thống kê mô tả cho thấy ý định hành vi của du khách đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn nhìn chung ở mức khá tích cực. Giá trị trung bình của các biến quan sát dao động từ 3,91 đến 4,05 chứng tỏ phần lớn du khách có xu hướng đồng ý với các nhận định liên quan đến việc tiếp tục tham gia hoặc giới thiệu loại hình du lịch này trong tương lai. Ý định quay lại/tiếp tục sử dụng sản phẩm du lịch nông nghiệp (YD1) có giá trị trung bình cao hơn (Mean = 4,05) cho thấy nhiều du khách sẵn sàng quay trở lại hoặc tiếp tục trải nghiệm sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương. Điều này phản ánh rằng những trải nghiệm du lịch mà du khách đã tham gia tại huyện Lục Ngạn nhìn chung tạo được ấn tượng tích cực và có khả năng thúc đẩy hành vi quay lại trong tương lai.

Ý định giới thiệu cho người khác (YD2) có giá trị trung bình thấp hơn (Mean = 3,91) tuy nhiên vẫn ở mức khá cao trên thang đo Likert 5 mức. Kết quả này cho thấy mặc dù phần lớn du khách có xu hướng tích cực đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp, nhưng mức độ sẵn sàng thực hiện một số hành vi cụ thể trong tương lai vẫn chưa thật sự nổi bật. Xét về độ lệch chuẩn, các giá trị dao động từ 0,81 đến 0,86, cho thấy mức độ phân tán của các câu trả lời không lớn, phản ánh sự tương đối đồng nhất trong đánh giá của du khách về ý định hành vi trong tương lai.

Kết quả khảo sát cho thấy du khách có xu hướng tích cực đối với việc tiếp tục tham gia hoặc quay lại trải nghiệm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn trong tương lai. Điều này là một tín hiệu tích cực đối với sự phát triển bền vững của loại hình du lịch này. Tuy nhiên, để tăng cường hơn nữa ý định quay lại và khả năng giới thiệu điểm đến cho người khác, địa phương cần tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ, đa dạng hóa sản phẩm trải nghiệm và tăng cường các hoạt động quảng bá du lịch nông nghiệp.

3.3. Thực trạng các yếu tố hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn

3.3.1 Chính sách

Trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn cơ chế và chính sách hỗ trợ là cơ sở quan trọng góp phần định hướng và tạo động lực cho quá trình triển khai thực tế. Trong những qua phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp đã được định hướng tương đối rõ thông qua hệ thống chủ trương, chính sách từ trung ương đến địa phương. Ở cấp quốc gia, Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025 đã xác lập khuôn khổ chính sách quan trọng cho phát triển du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn. Quyết định này nhấn mạnh các nội dung như: phát triển sản phẩm đặc trưng, đào tạo nhân lực, hỗ trợ chuyển đổi số, xúc tiến quảng bá và nâng cao chất lượng điểm đến.

Ở cấp tỉnh Bắc Giang đã ban hành Nghị quyết số 112-NQ/TU về phát triển du lịch giai đoạn 2021–2025, định hướng đến năm 2030 đồng thời xây dựng Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022–2030. Các văn bản này xác định rõ định hướng phát triển các mô hình du lịch cộng đồng gắn với du lịch trang trại nông nghiệp, sinh thái, trải nghiệm, farmstay, ẩm thực, mua sắm và ứng dụng công nghệ số trong quảng bá sản phẩm.

Đối với huyện Lục Ngạn các chủ trương của tỉnh đã được cụ thể hóa bằng nhiều kế hoạch, đề án và hoạt động triển khai thực tế. Theo Cổng Du lịch Bắc Giang, bám sát Nghị quyết số 112-NQ/TU, Huyện ủy và UBND huyện Lục Ngạn đã xây dựng

các nghị quyết, kế hoạch và đề án xác định du lịch là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong đó ưu tiên phát triển du lịch cộng đồng gắn với sản xuất nông nghiệp và vùng cây ăn quả. Đến năm 2023 toàn huyện có 29 hợp tác xã có đăng ký ngành nghề kinh doanh du lịch và 2 điểm du lịch được Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận; năm 2024 huyện đón hơn 250 nghìn lượt khách tham quan, trải nghiệm. Trong Đề án phát triển du lịch cộng đồng tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2022–2030 tỉnh cũng xác định hỗ trợ cụ thể 35 điểm du lịch cộng đồng trong đó mô hình HTX Du lịch Đồng Dao ở Lục Ngạn là một trong những điểm được lựa chọn để tập trung đầu tư thí điểm và nhân rộng. Điều này cho thấy khung chính sách hỗ trợ đối với du lịch nông nghiệp ở Lục Ngạn không chỉ dừng ở định hướng chung mà đã bước đầu được cụ thể hóa thành mô hình, điểm đến và chủ thể triển khai.

Tuy nhiên qua phỏng vấn sâu có thể thấy hiệu quả thụ hưởng chính sách ở cấp cơ sở vẫn còn những hạn chế nhất định. Ở phía hợp tác xã khó khăn không chỉ nằm ở vốn đầu tư mà còn ở khả năng tiếp cận chính sách. Một đại diện HTX chia sẻ: *“Chính sách hỗ trợ thì có nhưng nhiều đơn vị nhỏ vẫn khó tiếp cận, nhất là khi cần đầu tư hạ tầng, cơ sở vật chất hoặc quảng bá sản phẩm.”*

(Người phỏng vấn số 6)

Trong khi đó người dân địa phương cũng cho rằng:

“Tôi cũng muốn tham gia vào du lịch nông nghiệp để tăng thu nhập nhưng còn băn khoăn vì chưa hiểu rõ sẽ được hỗ trợ như thế nào từ chính quyền địa phương, bắt đầu từ đâu và làm sao để làm đúng và hiệu quả.”

(Người phỏng vấn số 9)

Những ý kiến này cho thấy chính sách hiện nay đã tạo hành lang thuận lợi cho phát triển du lịch nông nghiệp song để đi vào thực tế vẫn cần tăng cường hướng dẫn, đơn giản hóa khả năng tiếp cận hỗ trợ và gắn chặt hơn với nhu cầu của các chủ thể ở cơ sở. Nhận định này cũng phù hợp với định hướng chung của tỉnh Bắc Giang trong việc tiếp tục rà soát các mô hình du lịch nông nghiệp, du lịch nông thôn, đẩy mạnh đào tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm và hỗ trợ phát triển gắn với xây dựng nông thôn mới.

Nhìn chung hệ thống cơ chế, chính sách hỗ trợ đối với phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn đã bước đầu được hình thành tương đối rõ từ trung ương đến địa phương. Từ đó tạo cơ sở quan trọng cho phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Thế nhưng vấn đề nhức nhối đặt ra hiện nay không chỉ là sự hiện diện của chính sách mà còn là khả năng tổ chức thực hiện, mức độ tiếp cận, hỗ trợ của chính sách đến các chủ thể tham vào hoạt động phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Đây là nội dung cần tiếp tục được quan tâm để bảo đảm du lịch nông nghiệp ở Lục Ngạn phát triển theo hướng bài bản, thực chất và bền vững hơn.

3.3.2 Xúc tiến, quảng bá

Trong định hướng phát triển du lịch nông thôn năm 2020 - 2025 tỉnh Bắc Giang chú trọng đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho các cấp, các ngành, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch và cộng đồng dân cư. Đồng thời đa dạng hóa hình thức truyền thông trên nền tảng số, gắn quảng bá du lịch với các hoạt động hội chợ, triển lãm, lễ hội văn hóa dân gian và lễ hội trái cây theo mùa.

Đối với huyện Lục Ngạn trong những năm gần đây hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp đã được địa phương và các cơ quan chuyên môn của tỉnh quan tâm đẩy mạnh đặc biệt gắn với các chương trình du lịch theo mùa. Một số hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp tiêu biểu tại huyện Lục Ngạn giai đoạn 2022–2025 được thể hiện trong bảng sau:

**Bảng 3.14. Một số hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp tại huyện
Lục Ngạn giai đoạn 2019–2025**

STT	Năm	Hoạt động xúc tiến, quảng bá tiêu biểu	Nội dung chính
1.	2019	Quảng bá tại Diễn đàn sản xuất, tiêu thụ vải thiều 2019	Gắn quảng bá du lịch với xúc tiến tiêu thụ vải thiều của địa phương
2.	2020	Khảo sát, giới thiệu tour vùng cây ăn quả Lục Ngạn	Tổ chức khảo sát, giới thiệu điểm đến và tour du lịch vùng cây ăn quả
3.	2020	Tọa đàm “Xúc tiến tiêu thụ vải thiều năm 2020”	Quảng bá sản phẩm vải thiều gắn với hình ảnh điểm đến Lục Ngạn
4.	2021	Khởi động du lịch mùa vải thiều	Giới thiệu tour tham quan vườn quả đẹp, hồ Cẩm Sơn, Khuôn Thần và các điểm phụ cận
5.	2021	Tăng cường liên kết, xây dựng tour trải nghiệm	Đẩy mạnh tour vườn vải, du lịch cộng đồng, trải nghiệm miệt vườn
6.	2022	Hội nghị xúc tiến du lịch và chương trình “Hương sắc mùa Hè Lục Ngạn”	Gắn với famtrip “Du lịch Lục Ngạn – Về miền trái ngọt”
7.	2022	Chương trình “Về miền quả ngọt Lục Ngạn”	Quảng bá mùa cam, bưởi và trải nghiệm du lịch cuối năm
8.	2023	Chương trình du lịch “Lục Ngạn mùa vải chín 2023”	Quảng bá du lịch mùa vải với chủ đề “Tinh hoa trái cây Việt”

9.	2023	Quảng bá trên nền tảng số, TikTok	Nhà sáng tạo nội dung tham gia livestream/quảng bá nông sản, du lịch Lục Ngạn
10.	2023	Hội nghị xúc tiến tiêu thụ cam, bưởi và chương trình “Lục Ngạn mùa Thu – Đông”	Kết hợp xúc tiến nông sản với quảng bá sản phẩm du lịch mùa cuối năm
11.	2024	Đẩy mạnh truyền thông, kết nối quảng bá mùa cam, bưởi	Tăng cường kết nối, quảng bá điểm đến và sản phẩm du lịch mùa quả chín cuối năm
12.	2025	Chương trình du lịch “Vải thiều Lục Ngạn – Tinh hoa trái cây Việt”	Tổ chức khai mạc chương trình du lịch mùa vải, trưng bày OCOP và hoạt động trải nghiệm
13.	2025	Quảng bá vải thiều Lục Ngạn trên diện rộng	Đẩy mạnh truyền thông, quảng bá hình ảnh “Vải thiều Lục Ngạn – Tinh hoa trái cây Việt”

(Nguồn: Tác giả tổng hợp, 2026)

Kết quả tổng hợp các hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn giai đoạn 2019–2025 cho thấy công tác này đã có sự triển khai tương đối đa dạng về hình thức. Các hoạt động tiêu biểu bao gồm quảng bá tại diễn đàn, tọa đàm, hội nghị xúc tiến thương mại, tổ chức khảo sát tour, famtrip, chương trình du lịch theo mùa và truyền thông trên các nền tảng số. Điều này cho thấy địa phương đã có sự quan tâm lồng ghép quảng bá hình ảnh điểm đến với xúc tiến tiêu thụ nông sản, từng bước xây dựng mối liên kết giữa sản xuất nông nghiệp, sản phẩm đặc trưng và hoạt động du lịch.

Hoạt động quảng bá chủ yếu tập trung vào truyền thông hình ảnh điểm đến, giới thiệu cảnh quan, mùa vụ, nông sản và các trải nghiệm đặc trưng của địa phương

thông qua báo chí, mạng xã hội và các chương trình truyền thông theo mùa. Trong khi đó hoạt động xúc tiến được thể hiện rõ hơn qua các hội nghị, famtrip, khảo sát thực tế và các chương trình kết nối với doanh nghiệp lữ hành nhằm hình thành tour tuyến, mở rộng thị trường khách và tăng khả năng khai thác sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng chuyên nghiệp hơn. Sự kết hợp giữa hai nhóm hoạt động này đã góp phần nâng cao mức độ nhận diện của Lục Ngạn như một điểm đến gắn với nông nghiệp, sinh thái và văn hóa bản địa. Theo chia sẻ của một cán bộ chính quyền địa phương:

“Công tác xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn thời gian qua đã có sự đổi mới về hình thức triển khai qua đó góp phần mở rộng khả năng tiếp cận thị trường và nâng cao hình ảnh điểm đến gắn với nông sản đặc trưng của huyện.”

(Người phỏng vấn số 3)

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc kết nối tour tuyến, thúc đẩy các doanh nghiệp lữ hành tham gia xây dựng và quảng bá sản phẩm thì chính quyền địa phương cũng đã tổ chức các chuyến khảo sát thực tế tại điểm đến. Đây là hình thức xúc tiến có ý nghĩa quan trọng bởi không chỉ giúp các bên liên quan có cái nhìn trực quan về tài nguyên và khả năng tổ chức dịch vụ tại địa phương mà còn góp phần định hình các sản phẩm du lịch phù hợp với nhu cầu thị trường. Trong giai đoạn 2024–2025 Trung tâm Thông tin và Xúc tiến Du lịch Bắc Giang đã tổ chức các đoàn khảo sát tour mùa vải thiều với sự tham gia của cơ quan quản lý, hiệp hội du lịch, doanh nghiệp lữ hành và báo chí. Cụ thể tại huyện Lục Ngạn các điểm được khảo sát gồm: Bàu Tiên (Quý Sơn), vườn vải xã Mỹ An, làng nghề mỳ Chũ Thủ Dương và làng văn hóa Đông Bắc. Ở cấp cơ sở một số hợp tác xã và hộ dân cũng đã chủ động quảng bá sản phẩm thông qua các kênh trực tuyến như Facebook, Zalo, Tiktok.. cũng như qua sự giới thiệu trong cộng đồng:

“Gia đình tôi chủ yếu quảng bá qua Facebook, Zalo và khách quen giới thiệu. Vào mùa quả chín khách khá đông nhưng ngoài mùa vụ thì lượng khách giảm khá nhiều..”

(Người phỏng vấn số 10)

Tuy nhiên bên cạnh những kết quả tích cực đã đạt được thì hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn vẫn bộc lộ một số hạn chế nhất định. Trước hết nội dung quảng bá vẫn tập trung mạnh vào mùa vải thiều và mùa quả chín, cho thấy tính mùa vụ còn khá rõ trong công tác truyền thông điếm đến. Điều này phần nào phản ánh sự phụ thuộc lớn của hoạt động quảng bá vào nông sản chủ lực theo thời điểm như: vải thiều trong khi các giá trị trải nghiệm có thể khai thác quanh năm như đời sống nông thôn, văn hóa bản địa, làng nghề, ẩm thực địa phương hay các hoạt động giáo dục trải nghiệm khác vẫn chưa được truyền thông một cách đồng đều và nổi bật. Ngoài ra hoạt động quảng bá tuy đã mở rộng trên nền tảng số nhưng nhìn chung vẫn chưa thật sự chuyên nghiệp, hiệu ứng đến với du khách chưa cao. Việc liên kết với doanh nghiệp lữ hành dù đã được chú trọng hơn nhưng vẫn chủ yếu diễn ra theo mùa vụ chưa tạo được mạng lưới hợp tác bền vững để duy trì dòng khách thường xuyên. Điều này cho thấy công tác xúc tiến, quảng bá hiện nay mới chủ yếu góp phần nâng cao nhận diện bước đầu trong khi hiệu quả chuyển hóa thành sản phẩm du lịch hoàn chỉnh, có khả năng thu hút khách quanh năm và kéo dài thời gian lưu trú vẫn còn hạn chế.

Tóm lại có thể khẳng định rằng hoạt động xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn trong giai đoạn 2019–2025 đã có chuyển biến tích cực cả về quy mô và hình thức triển khai. Đây là nền tảng quan trọng để địa phương từng bước mở rộng thị trường, nâng cao hình ảnh điếm đến và thúc đẩy liên kết giữa nông nghiệp với du lịch. Tuy nhiên để công tác này phát huy hiệu quả bền vững hơn huyện Lục Ngạn cần tiếp tục đổi mới nội dung truyền thông, giảm tính lệ thuộc vào mùa vụ và đẩy mạnh liên kết với các doanh nghiệp lữ hành trong xây dựng và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

3.4. Đánh giá chung

3.4.1. Những kết quả đạt được

Nhìn chung sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn đã đạt được những kết quả tích cực bước đầu trên cả phương diện cung, cầu và các yếu tố hỗ trợ phát triển. Trên cơ sở khai thác vùng cây ăn quả đặc sản, không gian nhà vườn, hoạt

động sản xuất nông nghiệp và đời sống cộng đồng địa phương thì sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn đã từng bước được hình thành và ngày càng đa dạng hơn. Các hoạt động không chỉ dừng lại ở tham quan vườn cây, thưởng thức nông sản tại chỗ mà còn mở rộng sang trải nghiệm thu hái trái cây theo mùa, chụp ảnh check-in, thưởng thức ẩm thực địa phương, mua sắm sản phẩm OCOP, lưu trú homestay và kết hợp tham quan các điểm sinh thái, làng nghề truyền thống. Điều này cho thấy sản phẩm du lịch nông nghiệp của địa phương đang từng bước phát triển theo hướng gắn kết giữa nông nghiệp, sinh thái, cộng đồng và văn hóa bản địa. So với nhiều địa phương chỉ phát triển du lịch nông nghiệp ở quy mô điểm hoặc hộ sản xuất riêng lẻ, Lục Ngạn có ưu thế nổi bật hơn ở việc sở hữu vùng cây ăn quả tập trung quy mô lớn, gắn với cảnh quan sinh thái và đời sống cộng đồng tương đối rõ nét. Đây là nền tảng quan trọng để hình thành sản phẩm có tính vùng, tính đặc trưng và khả năng nhận diện cao hơn.

Từ kết quả khảo sát và tổng hợp tại các hợp tác xã có thể thấy huyện Lục Ngạn đã bước đầu hình thành một số nhóm sản phẩm tương đối rõ nét như: tham quan vườn cây ăn quả, trải nghiệm thu hái nông sản, thưởng thức ẩm thực địa phương, mua sắm nông sản và sản phẩm OCOP, tour trải nghiệm theo mùa hoặc quanh năm, lưu trú cộng đồng và các hoạt động sinh thái ngoài trời. Bên cạnh đó trên địa bàn huyện cũng đã có một số chương trình du lịch theo ngày và nhiều ngày góp phần làm phong phú trải nghiệm, tăng sức hấp dẫn của điểm đến và tạo điều kiện để du khách lưu lại lâu hơn. Điểm tích cực của Lục Ngạn không chỉ nằm ở số lượng nhóm sản phẩm bước đầu được hình thành mà còn ở khả năng gắn kết tương đối tốt giữa trải nghiệm du lịch với hoạt động sản xuất nông nghiệp thực tế, tiêu thụ nông sản địa phương và quảng bá hình ảnh vùng cây ăn quả đặc trưng. Đây là lợi thế mà không phải địa phương nào cũng có thể tạo dựng rõ rệt.

Về phía cầu kết quả khảo sát cho thấy du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn đã thu hút được sự quan tâm khá rõ từ phía du khách. Phần lớn du khách có nhận thức tích cực về loại hình du lịch này cơ cấu khách cũng khá đa dạng về độ tuổi, nghề nghiệp và nơi cư trú. Đáng chú ý khách ngoại tỉnh chiếm 77,9% trong tổng số 385

người tham gia khảo sát cho thấy sức hấp dẫn của điểm đến không chỉ giới hạn trong phạm vi địa phương mà đã có khả năng lan tỏa tới thị trường khách rộng hơn. Đồng thời động cơ tham gia, mức độ hài lòng và xu hướng quay lại của du khách đều ở mức khá tích cực phản ánh khả năng đáp ứng tương đối tốt nhu cầu trải nghiệm gắn với sản xuất nông nghiệp và đời sống nông thôn. Điều này cho thấy Lục Ngạn không chỉ có tiềm năng từ phía cung mà còn đã bước đầu hình thành được nền cầu tương đối thuận lợi tạo tiền đề cho việc mở rộng và nâng cao chất lượng sản phẩm trong thời gian tới.

Bên cạnh đó các chỉ tiêu về lượng khách và doanh thu du lịch cũng cho thấy xu hướng tăng trưởng khá rõ trong những năm gần đây. Theo số liệu công bố của huyện Lục Ngạn năm 2022 địa phương đón khoảng 230 nghìn lượt khách với doanh thu từ các hoạt động du lịch ước đạt 30 tỷ đồng. Sang năm 2023 hoạt động du lịch tại địa phương tăng trưởng mạnh với khoảng 650 nghìn lượt khách và doanh thu ước đạt trên 80 tỷ đồng. Đến năm 2024 huyện đón khoảng 650–700 nghìn lượt khách và doanh thu ước đạt khoảng 80–90 tỷ đồng. Theo các thông tin công bố của ủy ban nhân dân huyện Lục Ngạn trong những tháng đầu năm 2025 huyện đã đón hơn 130 nghìn lượt khách từ đầu năm đến giữa tháng 4/2025 trong khi thị xã Chũ thu hút khoảng 170 nghìn lượt khách, doanh thu ước gần 20 tỷ đồng tính đến giữa tháng 5/2025. Như vậy đến khoảng giữa năm 2025 khu vực Lục Ngạn – Chũ đã đón trên 300 nghìn lượt khách với doanh thu ước khoảng 40 tỷ đồng. Tiếp đó từ ngày 12/06/2025 việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh tiếp tục được triển khai trong bối cảnh đó hoạt động du lịch trên địa bàn vẫn duy trì sức hút đáng kể. Riêng Lễ hội Trái cây Bắc Ninh 2025 tổ chức tại phường Chũ từ ngày 05 đến 10/12/2025 đã thu hút khoảng 180 nghìn lượt khách chỉ tính đến ngày 08/12, và toàn lễ hội thu hút hơn 200 nghìn lượt khách tổng doanh thu từ cam, bưởi, các loại trái cây và dịch vụ liên quan ước đạt trên 20 tỷ đồng. Trên cơ sở đó có thể ước tính giai đoạn 6 tháng cuối năm 2025 đến nay khu vực Lục Ngạn – Chũ đón khoảng 250 nghìn lượt khách doanh thu đạt khoảng 25 tỷ đồng. Những con số này cho thấy du lịch nông nghiệp tại địa phương không chỉ gia tăng về khả năng thu hút khách mà còn từng bước nâng cao giá trị kinh

tế. Đây là một chỉ báo tích cực phản ánh khả năng thích ứng và duy trì sức hấp dẫn của điểm đến ngay cả trong bối cảnh có sự điều chỉnh về không gian quản lý hành chính.

Ngoài ra các yếu tố hỗ trợ phát triển du lịch nông nghiệp tại địa phương cũng đã có những chuyển biến nhất định. Hệ thống chủ trương, chính sách từng bước tạo định hướng cho phát triển du lịch nông nghiệp đồng thời hoạt động xúc tiến, quảng bá được triển khai ngày càng đa dạng hơn thông qua hội nghị, khảo sát tour, famtrip, các chương trình du lịch theo mùa và truyền thông trên nền tảng số. Cùng với đó địa phương đã hình thành được mạng lưới chủ thể tham gia phát triển du lịch, với 29 hợp tác xã đăng ký ngành nghề kinh doanh du lịch và 2 điểm du lịch được công nhận, góp phần tạo nền tảng cho quá trình tổ chức và mở rộng sản phẩm trong thời gian tới. So với nhiều địa phương vẫn phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng tự phát, việc Lục Ngạn từng bước hình thành được mạng lưới chủ thể tham gia và có sự vào cuộc của hợp tác xã, chính quyền địa phương và các điểm du lịch được công nhận là một ưu điểm đáng ghi nhận.

Từ góc độ tổng quát du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn đã đạt được những kết quả tích cực bước đầu. Địa phương đã hình thành một số nhóm sản phẩm tương đối đa dạng, thu hút được sự quan tâm và đánh giá tích cực từ du khách đồng thời ghi nhận xu hướng tăng về lượng khách và doanh thu du lịch trong những năm gần đây. So với một số địa phương khác ưu điểm nổi bật của Lục Ngạn là tính nguyên bản của không gian sản xuất nông nghiệp, quy mô vùng cây ăn quả đặc sản, sự hiện diện rõ của cộng đồng địa phương trong quá trình tổ chức trải nghiệm và khả năng gắn du lịch với tiêu thụ nông sản bản địa. Đây là cơ sở quan trọng để huyện tiếp tục hoàn thiện và phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng bài bản và bền vững hơn.

3.4.2. Tồn tại và nguyên nhân

Bên cạnh những kết quả đạt được thì phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn vẫn còn bộc lộ một số tồn tại trên cả phương diện cung, cầu và các yếu tố hỗ trợ phát triển. Trước hết việc khai thác tài nguyên du lịch nông nghiệp

vẫn chưa tương xứng với tiềm năng sẵn có. Mặc dù địa phương sở hữu hệ thống tài nguyên khá phong phú gồm: vùng cây ăn quả tập trung, cảnh quan hồ, đồi, môi trường sinh thái, giá trị văn hóa bản địa và tri thức dân gian nhưng hoạt động du lịch hiện vẫn tập trung chủ yếu vào mùa vải thiều. Nhiều lợi thế khác như cảnh quan hồ, trải nghiệm canh tác, tri thức bản địa và văn hóa cộng đồng tuy đã được triển khai thành các sản phẩm du lịch nông nghiệp nhưng vẫn chưa được khai thác đồng bộ và phát huy đầy đủ giá trị trong thực tiễn. Song so với một số địa phương phát triển du lịch nông nghiệp khác ở trong nước thì sản phẩm du lịch nông nghiệp của Lục Ngạn vẫn còn thiên về khai thác lợi thế sẵn có theo mùa vụ hơn là tổ chức trải nghiệm chuyên đề, chuyên sâu và có khả năng vận hành ổn định quanh năm.

Thứ hai cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch nông nghiệp tuy đã có cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển theo hướng chuyên nghiệp. Hạ tầng giao thông chung đã thuận lợi hơn nhờ hệ thống trục kết nối chính và đầu tư cho giao thông nông thôn song nhiều tuyến vào nhà vườn, điểm trải nghiệm còn hẹp, thiếu biển chỉ dẫn và chưa thuận tiện cho khách đi theo đoàn. Đồng thời cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp du lịch còn hạn chế về quy mô và tiện ích, số lượng nhà hàng, nhà nghỉ còn ít phân bố chưa đồng đều tại các địa điểm tham quan. Các hạng mục tiện ích khác như : bãi đỗ xe, nhà vệ sinh công cộng hay khu ăn uống với quy mô lớn vẫn còn nhiều hạn chế làm giảm khả năng phục vụ đồng thời số lượng khách lớn và ảnh hưởng nhất định đến chất lượng trải nghiệm của du khách.

Thứ ba hệ thống dịch vụ du lịch nông nghiệp tại địa phương đã hình thành nhưng chưa phát triển thành chuỗi hoàn chỉnh. Các hoạt động hiện có chủ yếu vẫn tập trung vào tham quan vườn cây, trải nghiệm thu hái, ăn uống, mua sắm đặc sản và một số tour mùa vụ. Trong khi đó các dịch vụ hỗ trợ như lưu trú, hướng dẫn, vận chuyển nội vùng, trải nghiệm chuyên sâu và hoạt động văn hóa đi kèm còn hạn chế. Nhiều điểm đến mới dừng ở việc cung cấp dịch vụ đơn lẻ, chưa tạo được sự liên kết chặt chẽ giữa sản xuất nông nghiệp, trải nghiệm du lịch, ẩm thực, lưu trú và tiêu thụ sản phẩm địa phương. Điều này làm giảm khả năng giữ chân du khách, hạn chế mức chi tiêu và khiến hiệu quả khai thác dịch vụ chưa ổn định đặc

biệt ngoài mùa quả chín. So với xu hướng phát triển hiện nay ở trong nước và trên thế giới, sản phẩm du lịch nông nghiệp không chỉ dừng ở tham quan và tiêu dùng tại chỗ mà còn cần được thiết kế như một chuỗi trải nghiệm tích hợp, kết hợp giáo dục, tương tác, giải trí, lưu trú và gia tăng giá trị cho cộng đồng. Ở góc độ này Lục Ngạn vẫn còn khoảng cách khá rõ.

Thứ tư nguồn nhân lực tham gia phát triển du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn tuy khá dồi dào nhưng chất lượng và tính chuyên nghiệp vẫn còn hạn chế. Người dân địa phương, các hộ làm vườn và thành viên hợp tác xã có lợi thế rõ về kinh nghiệm sản xuất, hiểu biết mùa vụ, cây trồng và tập quán canh tác tuy nhiên những năng lực cần thiết để chuyển hóa các lợi thế đó thành dịch vụ du lịch vẫn chưa được hình thành đầy đủ. Nhiều chủ thể tham gia còn thiếu kỹ năng đón tiếp, phục vụ khách, tổ chức hoạt động trải nghiệm, thuyết minh, giao tiếp, xử lý tình huống và kiến thức chuyên môn về du lịch. Đặc biệt khả năng sử dụng ngoại ngữ còn khá hạn chế. Vì vậy hoạt động du lịch tại nhiều điểm vẫn chủ yếu được tổ chức theo kinh nghiệm, mang tính tự phát có quy mô nhỏ và phụ thuộc nhiều vào từng hộ hoặc từng thời điểm mùa vụ. Với những yếu tố trên có thể thấy năng lực để vận hành phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp còn hạn chế. Từ góc độ yêu cầu nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp, nguồn nhân lực tại Lục Ngạn vẫn chưa chuyên mạnh từ vai trò người sản xuất sang vai trò người cung ứng dịch vụ du lịch nên khả năng dẫn dắt trải nghiệm, giới thiệu chiều sâu văn hóa – nông nghiệp và tạo ấn tượng cảm xúc cho du khách còn khá hạn chế. Điều này làm cho chiều sâu trải nghiệm còn hạn chế, mức độ khác biệt hóa sản phẩm chưa cao và ảnh hưởng trực tiếp đến khả năng nâng cao chất lượng dịch vụ, kéo dài thời gian lưu trú cũng như gia tăng mức chi tiêu của du khách.

Thứ năm công tác xúc tiến, quảng bá và triển khai chính sách hỗ trợ tuy đã được quan tâm nhưng hiệu quả thực tế chưa thật sự đồng đều. Hoạt động xúc tiến, quảng bá đã được triển khai với nhiều hình thức như hội nghị, khảo sát tour, famtrip, truyền thông số và các chương trình du lịch theo mùa song nội dung quảng bá vẫn tập trung mạnh vào mùa vụ, nhất là mùa vải thiều. Trong khi việc xây dựng hình ảnh

điểm đến du lịch nông nghiệp quanh năm còn hạn chế. Bên cạnh đó hệ thống chính sách hỗ trợ đã từng bước được hình thành nhưng khả năng tiếp cận và thụ hưởng chính sách của các chủ thể ở cấp cơ sở, đặc biệt là các hợp tác xã và hộ dân vẫn còn nhiều khó khăn.

Từ những tồn tại trên có thể thấy nguyên nhân của các hạn chế trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn xuất phát từ cả nguyên nhân khách quan và chủ quan. Về khách quan Lục Ngạn là địa bàn miền núi, không gian rộng, các điểm tài nguyên phân tán, hoạt động du lịch phụ thuộc khá rõ vào mùa vụ cây ăn quả nên việc tổ chức sản phẩm quanh năm gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó đặc điểm mùa vụ của cây ăn quả như vải thiều, cam, bưởi khiến hoạt động du lịch nông nghiệp tại địa phương phụ thuộc khá rõ vào thời điểm thu hoạch từ đó ảnh hưởng đến khả năng duy trì sức hút điểm đến và khai thác dịch vụ ổn định quanh năm. Ngoài ra nhu cầu của du khách ngày càng đa dạng không chỉ dừng ở tham quan và trải nghiệm đơn giản mà còn đòi hỏi chất lượng dịch vụ, tính liên kết và sự thuận tiện cao hơn trong khi điều kiện phát triển của địa phương chưa cho phép đáp ứng đầy đủ trong thời gian ngắn.

Về chủ quan công tác phát triển du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn vẫn đang trong giai đoạn đầu nên việc tổ chức sản phẩm và dịch vụ còn thiếu tính bài bản. Nhận thức và năng lực tham gia của các chủ thể địa phương đặc biệt là hộ dân và một số hợp tác xã chưa thật sự đồng đều. Việc chuyển từ tư duy sản xuất nông nghiệp sang tư duy cung ứng dịch vụ du lịch còn chậm và chưa linh hoạt. Nguồn lực đầu tư cho cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật và dịch vụ bổ trợ còn hạn chế trong khi sự phối hợp giữa chính quyền địa phương, doanh nghiệp lữ hành, hợp tác xã và người dân chưa chặt chẽ. Bên cạnh đó hoạt động xúc tiến, quảng bá và nghiên cứu thị trường tuy đã được triển khai nhưng chưa thường xuyên, chưa đủ chiều sâu dẫn đến sản phẩm du lịch nông nghiệp chưa được định vị rõ nét và chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các nhóm khách mục tiêu. Nói cách khác hạn chế lớn nhất hiện nay của Lục Ngạn không phải là thiếu tài nguyên hay thiếu sự quan tâm của thị trường, mà là thiếu năng

lực tổ chức, chuẩn hóa và thương mại hóa sản phẩm ở mức tương xứng với tiềm năng sẵn có.

3.4.3 Khoảng cách giữa cung và cầu

Kết quả nghiên cứu cho thấy giữa phía cung và phía cầu trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn đã có những điểm gặp nhau nhất định nhưng vẫn tồn tại khoảng cách đáng kể. Về phía cầu du khách có nhận thức khá tích cực đối với loại hình du lịch này với động cơ tham gia tương đối rõ chủ yếu gắn với nhu cầu gần gũi thiên nhiên, trải nghiệm hoạt động nông nghiệp, khám phá không gian nông thôn và thưởng thức giá trị đặc trưng của địa phương. Mức độ hài lòng và ý định quay lại cũng ở mức khá cao cho thấy nhu cầu thị trường đối với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn là tương đối rõ nét.

Tuy nhiên phía cung hiện mới chủ yếu đáp ứng tốt các nhu cầu tham quan vườn cây, thu hái nông sản và trải nghiệm mùa vụ. Trong khi những nhu cầu có chiều sâu hơn của du khách vẫn chưa được đáp ứng đầy đủ. Du khách không chỉ muốn tham quan hay hái quả tại vườn mà còn mong muốn được trải nghiệm quy trình sản xuất, khám phá văn hóa nông thôn, nghe kể chuyện về cây trồng, đời sống cộng đồng và các giá trị bản địa. Điều đó cho thấy phía cung hiện vẫn thiên về khai thác phần bề nổi của tài nguyên trong khi phía cầu đã có xu hướng mong muốn những trải nghiệm toàn diện và đặc sắc hơn.

Khoảng cách giữa cung và cầu cũng thể hiện ở cấu trúc dịch vụ. Mặc dù địa phương đã hình thành một số nhóm dịch vụ và bước đầu xây dựng chương trình theo ngày hoặc nhiều ngày song các dịch vụ hỗ trợ vẫn còn hạn chế. Trong khi đó nhu cầu thị trường nhất là nhóm khách ngoại tỉnh và khách đang đi làm lại thiên về các chương trình ngắn ngày nhưng được tổ chức tốt, có điểm nhấn trải nghiệm, lưu trú, ẩm thực và tiện ích hỗ trợ phù hợp. Thực tế cho thấy ở nhiều điểm đến dịch vụ vẫn còn rời rạc, quy mô nhỏ và mang tính mùa vụ làm cho thời gian lưu trú và mức chi tiêu của du khách chưa cao. Mối quan hệ giữa phía cung và phía cầu trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn có sự tác động qua lại khá rõ. Trong khi nhu cầu của du khách ngày càng hướng đến các trải nghiệm có chiều sâu và mang tính bản

địa thì phía cung hiện vẫn chủ yếu khai thác các hoạt động tham quan và trải nghiệm theo mùa vụ. Điều này cho thấy khả năng cung ứng sản phẩm của địa phương chưa theo kịp sự thay đổi của nhu cầu thị trường, từ đó ảnh hưởng đến thời gian lưu trú, mức chi tiêu và khả năng quay trở lại của du khách.

Ngoài ra khoảng cách cung – cầu còn thể hiện ở tính ổn định của sản phẩm. Về phía cầu nhu cầu trải nghiệm gần gũi thiên nhiên, nghỉ ngơi ngắn ngày và khám phá văn hóa nông thôn hoàn toàn có thể mở rộng quanh năm nếu sản phẩm được thiết kế phù hợp. Tuy nhiên phía cung hiện vẫn phụ thuộc khá lớn vào mùa vải, cam, bưởi; ngoài các thời điểm này sức hút của sản phẩm giảm rõ rệt do thiếu dịch vụ thay thế và hoạt động trải nghiệm có chiều sâu. Điều đó cho thấy khả năng cung ứng của địa phương chưa theo kịp yêu cầu đa dạng hóa sản phẩm một cách bền vững.

Từ những phân tích trên có thể thấy khoảng cách giữa cung và cầu trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn không nằm ở việc thiếu tiềm năng hay thiếu nhu cầu thị trường, mà chủ yếu nằm ở mức độ chuyển hóa tài nguyên và lợi thế sẵn có thành sản phẩm, dịch vụ phù hợp hơn với mong đợi của du khách. Việc thu hẹp khoảng cách này là cơ sở quan trọng để địa phương nâng cao chất lượng sản phẩm, kéo dài thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu và phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng bền vững hơn.

Tiểu kết chương 3

Chương 3 đã làm rõ thực trạng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn trên các phương diện phía cung, phía cầu và các yếu tố hỗ trợ. Kết quả nghiên cứu cho thấy về phía cung địa phương có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch nông nghiệp nhờ tài nguyên tự nhiên, vùng cây ăn quả tập trung, cảnh quan sinh thái và các giá trị văn hóa bản địa. Hệ thống hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật, dịch vụ và nhân lực phục vụ du lịch nông nghiệp đã bước đầu được hình thành tạo nền tảng cho việc tổ chức và khai thác sản phẩm. Tuy nhiên mức độ phát triển vẫn chưa đồng đều, dịch vụ còn thiếu tính liên kết, cơ sở vật chất và chất lượng nhân lực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển. Về phía cầu kết quả khảo sát cho thấy du khách có nhận thức khá tích cực, động cơ tham gia tương đối rõ, mức độ hài lòng khá cao và xu hướng quay lại trong tương lai ở mức tương đối tích cực. Điều này cho thấy sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn đã có sức hút nhất định đối với du khách. Bên cạnh đó hệ thống chính sách và hoạt động xúc tiến, quảng bá cũng đã được quan tâm triển khai góp phần nâng cao mức độ nhận diện của điểm đến. Dựa trên kết quả thực tế có thể nhận thấy rằng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn đã có những chuyển biến nhất định nhưng vẫn tồn tại khoảng cách giữa khả năng cung ứng của địa phương và nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách. Đây là cơ sở quan trọng để luận văn tiếp tục phân tích và đề xuất giải pháp phát triển phù hợp trong chương tiếp theo.

CHƯƠNG 4: ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI LỤC NGẠN

Do sự thay đổi về đơn vị hành chính sau sáp nhập vì vậy chương 4 của luận văn định hướng đề xuất giải pháp theo phạm vi xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh (*Theo thông tin chính thức của địa phương, xã Lục Ngạn được thành lập theo Nghị quyết số 1658/NQ-UBTVQH 15 ngày 16/6/2025 và đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 trên cơ sở hợp nhất 05 đơn vị hành chính*) nhằm phù hợp hơn với bối cảnh quản lý và phát triển trong giai đoạn tới. Mặc dù kết quả phân tích ở chương 3 chủ yếu phản ánh thực trạng của huyện Lục Ngạn (cũ) nhưng các căn cứ và giải pháp ở chương này sẽ được điều chỉnh theo đơn vị hành chính mới để bảo đảm tính cập nhật và khả năng ứng dụng thực tiễn dựa trên các kết quả của chương 3.

4.1 Căn cứ đề xuất

4.1.1 Căn cứ chiến lược phát triển du lịch Việt Nam

Ở cấp quốc gia việc đề xuất giải pháp cho phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại xã Lục Ngạn trước hết cần đặt trong định hướng chung của ngành du lịch Việt Nam. Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030 đã xác lập khung chiến lược cho phát triển du lịch theo hướng chuyên nghiệp, chất lượng, hiệu quả, có thương hiệu và bền vững. Tiếp đó, Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021–2030 tầm nhìn đến năm 2045 tiếp tục nhấn mạnh mục tiêu đến năm 2030 du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn phát triển theo hướng tăng trưởng xanh và nâng cao năng lực cạnh tranh điểm đến.

Đối với du lịch nông nghiệp, căn cứ trực tiếp và có ý nghĩa quan trọng là Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025. Chương trình này định hướng phát triển sản phẩm du lịch nông thôn dựa trên lợi thế nông nghiệp, nông thôn và văn hóa bản địa; đồng thời nhấn mạnh các nội dung như phát triển sản phẩm đặc trưng, hỗ trợ doanh nghiệp lữ hành đưa khách về nông thôn, thúc đẩy chuyển đổi số, xúc tiến quảng bá và nâng cao năng lực cho cộng đồng địa phương. Đây là căn cứ

quan trọng để định hướng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại xã Lục Ngạn theo hướng gắn nông sản đặc trưng với trải nghiệm du lịch và sinh kế cộng đồng.

Từ các định hướng trên có thể xác định rằng việc đề xuất giải pháp cho xã Lục Ngạn cần tuân theo một số nguyên tắc cơ bản như: phát triển du lịch gắn với bảo tồn tài nguyên và bản sắc địa phương; đa dạng hóa sản phẩm theo hướng nâng cao chất lượng trải nghiệm; tăng cường liên kết giữa nông nghiệp, du lịch và thị trường; đồng thời thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quá trình tổ chức và hưởng lợi từ hoạt động du lịch. Những định hướng này là cơ sở để bảo đảm các giải pháp đề xuất không tách rời chiến lược phát triển du lịch của Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

4.1.2 Căn cứ chiến lược phát triển du lịch của xã Lục Ngạn, tỉnh Bắc Ninh

Ở cấp địa phương căn cứ đề xuất giải pháp được xác lập từ định hướng phát triển kinh tế – xã hội của xã Lục Ngạn và định hướng phát triển du lịch của tỉnh Bắc Ninh trong bối cảnh mới sau sáp nhập. Theo thông tin chính thức của địa phương, Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Lục Ngạn lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025–2030 xác định mục tiêu xây dựng xã phát triển toàn diện và phấn đấu trở thành phường vào năm 2030. Định hướng này cho thấy phát triển dịch vụ, thương mại và nâng cao chất lượng không gian kinh tế – xã hội là yêu cầu quan trọng trong giai đoạn tới, trong đó du lịch có thể trở thành một hướng phát triển phù hợp để khai thác lợi thế địa phương.

Ở phạm vi tỉnh các hoạt động chính thức của Bắc Ninh trong năm 2025 cho thấy địa phương đang định hướng mở rộng không gian du lịch gắn với bản sắc, sinh thái và nông sản đặc trưng. Hội nghị xúc tiến điểm đến Du lịch Bắc Ninh năm 2025 nhấn mạnh mục tiêu đưa du lịch Bắc Ninh trở thành điểm đến giàu bản sắc và hấp dẫn của vùng Bắc Bộ. Cùng với đó Lễ hội Trái cây Bắc Ninh 2025 tại khu vực Chũ cho thấy tỉnh đang thúc đẩy gắn quảng bá nông sản, sản phẩm OCOP với du lịch trải nghiệm và hình ảnh điểm đến. Đây là định hướng rất phù hợp với xã Lục Ngạn, nơi có thế mạnh rõ về vùng cây ăn quả, sản phẩm nông nghiệp đặc trưng và không gian sinh thái vườn đồi. Bên cạnh đó tỉnh Bắc Ninh cũng tiếp tục triển khai Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới thể hiện qua các kế hoạch tập huấn và hướng dẫn chuyên môn sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính, cho thấy du lịch nông thôn và du lịch nông nghiệp vẫn là một nội dung được quan tâm

trong định hướng phát triển của địa phương. Vì vậy các giải pháp đề xuất cho xã Lục Ngạn cần được xây dựng theo hướng phát huy lợi thế cây ăn quả, sản phẩm OCOP, cảnh quan sinh thái và văn hóa bản địa đồng thời gắn với mục tiêu phát triển dịch vụ, nâng cao hình ảnh điểm đến và mở rộng khả năng kết nối với thị trường khách của tỉnh Bắc Ninh trong giai đoạn mới.

4.1.3 Căn cứ dựa trên kết quả nghiên cứu

Kết quả nghiên cứu ở chương 3 là căn cứ thực tiễn quan trọng để đề xuất giải pháp phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại xã Lục Ngạn. Trước hết nghiên cứu cho thấy địa phương có nền tảng tương đối thuận lợi để phát triển loại hình du lịch này thể hiện ở sự hiện diện của tài nguyên nông nghiệp đặc trưng, không gian sinh thái vườn đồi, giá trị văn hóa bản địa và sự tham gia bước đầu của các chủ thể địa phương trong tổ chức hoạt động đón khách. Đây là cơ sở để khẳng định việc phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại xã Lục Ngạn là có tiềm năng và phù hợp với điều kiện thực tế. Ngoài ra kết quả nghiên cứu cũng chỉ ra rằng quá trình phát triển hiện nay vẫn còn một số điểm nghẽn như: sản phẩm phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, hệ thống dịch vụ chưa đồng bộ, cơ sở vật chất và hạ tầng phục vụ trực tiếp cho du lịch còn hạn chế, chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu, hoạt động xúc tiến, quảng bá chưa thật sự bền vững. Những vấn đề này cho thấy giải pháp trong giai đoạn tới không chỉ dừng ở việc khai thác lợi thế sẵn có mà cần tập trung nhiều hơn vào nâng cao chất lượng tổ chức sản phẩm, hoàn thiện dịch vụ hỗ trợ và tăng cường tính liên kết giữa các chủ thể tham gia.

Không chỉ vậy nghiên cứu còn cho thấy giữa khả năng cung ứng của địa phương và nhu cầu của du khách vẫn tồn tại một khoảng cách nhất định. Trong khi du khách có xu hướng mong muốn những trải nghiệm đa dạng hơn, thuận tiện hơn và có chiều sâu hơn thì sản phẩm hiện có vẫn chủ yếu tập trung vào tham quan, thu hái và trải nghiệm theo mùa. Vì vậy các giải pháp đề xuất cần được xây dựng theo hướng thu hẹp khoảng cách giữa cung và cầu, bảo đảm sản phẩm du lịch nông nghiệp của xã Lục Ngạn vừa phát huy được thế mạnh địa phương, vừa phù hợp hơn với nhu cầu của thị trường khách trong giai đoạn mới.

4.2 Đề xuất giải pháp

4.2.1. Nhóm giải pháp đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị trải nghiệm du lịch nông nghiệp

Kết quả nghiên cứu cho thấy sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn hiện nay vẫn chủ yếu tập trung vào các hoạt động tham quan vườn cây, thu hái nông sản và thưởng thức trái cây theo mùa. Các hoạt động trải nghiệm còn khá đơn giản mang tính thời điểm và phụ thuộc nhiều vào mùa vụ trong khi nhu cầu của du khách ngày càng hướng đến những trải nghiệm có chiều sâu, có tính tương tác và gắn với đời sống nông thôn thực tế. Vì vậy, trong thời gian tới địa phương cần tập trung phát triển và đa dạng hóa sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị trải nghiệm, giảm tính mùa vụ và tăng tính đặc trưng của sản phẩm. Đặc biệt, cần chuyển từ cách tiếp cận phát triển dựa chủ yếu vào tài nguyên sang chú trọng nhiều hơn đến trải nghiệm và nhu cầu của du khách

Trước hết cần phát triển sản phẩm theo hướng kết hợp giữa trải nghiệm nông nghiệp, văn hóa bản địa và đời sống cộng đồng thay vì chỉ dừng ở hoạt động tham quan đơn thuần. Bên cạnh trải nghiệm thu hái trái cây địa phương có thể bổ sung các hoạt động như: chăm sóc cây trồng, tìm hiểu quy trình canh tác, trải nghiệm chế biến nông sản, thưởng thức ẩm thực địa phương và giao lưu với người dân. Việc mở rộng nội dung trải nghiệm sẽ giúp du khách hiểu rõ hơn về giá trị nông nghiệp và văn hóa địa phương, đồng thời nâng cao tính hấp dẫn của sản phẩm.

Bên cạnh đó cần tổ chức sản phẩm du lịch nông nghiệp theo chủ đề và xây dựng thành các gói trải nghiệm nhằm tạo điểm nhấn và nâng cao khả năng nhận diện điểm đến. Một số chủ đề có thể khai thác như: “*Một ngày sống cùng nhà vườn*”, “*Từ vườn đến bàn ăn*”, “*Mùa quả ngọt Lục Ngạn*” hay “*Trải nghiệm vùng cây ăn quả và văn hóa nông thôn*”... Việc phát triển sản phẩm theo chủ đề không chỉ giúp tăng chiều sâu trải nghiệm mà còn thuận lợi hơn cho hoạt động quảng bá và kết nối tour tuyến. Không chỉ vậy địa phương cần chú trọng phát triển sản phẩm theo từng nhóm khách cụ thể như: khách gia đình, học sinh, khách trẻ hoặc khách nghỉ dưỡng ngắn ngày nhằm nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường. Với khách gia đình và học sinh

có thể phát triển các hoạt động trải nghiệm gắn với giáo dục nông nghiệp. Với nhóm khách trẻ có thể kết hợp trải nghiệm nông nghiệp với check-in sinh thái, picnic hoặc đạp xe qua vùng vườn đồi. Trong khi khách trung niên có thể hướng đến nghỉ dưỡng, ẩm thực và trải nghiệm không gian nông thôn yên bình.

Đồng thời các sản phẩm du lịch nông nghiệp cần có sự gắn kết với nông sản đặc trưng và sản phẩm OCOP địa phương nhằm hình thành chuỗi giá trị từ sản xuất đến trải nghiệm và tiêu dùng. Các hoạt động trải nghiệm không nên chỉ dừng lại ở tham quan mà cần kết hợp thêm với trải nghiệm thu hoạch, chế biến và thưởng thức nông sản tại chỗ sẽ giúp du khách cảm nhận rõ hơn giá trị của sản phẩm địa phương và tạo ra trải nghiệm mang tính đặc trưng cho điểm đến. Hơn nữa Lục Ngạn có thể phát triển hơn các không gian giới thiệu sản phẩm OCOP, quà tặng nông sản và các sản phẩm chế biến từ vải thiều, cam, bưởi gắn với hoạt động du lịch nhằm nâng cao khả năng tiêu dùng của du khách. Cùng với đó địa phương cũng cần chú trọng kiểm soát chất lượng, nguồn gốc sản phẩm và niêm yết giá bán hợp lý nhằm tạo sự yên tâm cho du khách, hạn chế tình trạng giá cả thiếu ổn định trong mùa cao điểm du lịch. Điều này không chỉ góp phần nâng cao giá trị nông sản mà còn giúp kéo dài thời gian lưu trú, tăng mức chi tiêu và tạo thêm nguồn thu cho người dân địa phương.

4.2.2. Nhóm giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cộng đồng địa phương

Nguồn nhân lực và cộng đồng địa phương là yếu tố có vai trò đặc biệt quan trọng trong phát triển du lịch nông nghiệp bởi đây không chỉ là lực lượng trực tiếp tổ chức hoạt động du lịch mà còn là chủ thể tạo ra trải nghiệm cho du khách. Kết quả nghiên cứu cho thấy tại Lục Ngạn người dân, hợp tác xã và các chủ thể địa phương đã bước đầu tham gia vào hoạt động du lịch nông nghiệp. Tuy nhiên phần lớn vẫn hoạt động theo hướng tự phát, kỹ năng phục vụ và tổ chức trải nghiệm còn hạn chế trong khi du lịch nông nghiệp là loại hình phụ thuộc lớn vào chất lượng trải nghiệm và sự tương tác giữa du khách với cộng đồng địa phương. Vì vậy nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cộng đồng cần được xem là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương.

Địa phương cần tăng cường tổ chức các chương trình đào tạo và tập huấn ngắn hạn cho người dân, hợp tác xã và các chủ thể tham gia hoạt động du lịch. Nội dung đào tạo cần tập trung vào: kỹ năng giao tiếp, đón khách, thuyết minh, xử lý tình huống và tổ chức hoạt động trải nghiệm phù hợp với nhu cầu của du khách. Đồng thời cần hướng dẫn người dân cách xây dựng các chương trình trải nghiệm có tính liên kết giữa tham quan, ẩm thực, lưu trú và tiêu thụ nông sản nhằm hình thành sản phẩm du lịch hoàn chỉnh hơn thay vì khai thác riêng lẻ như hiện nay. Về phía người dân và hợp tác xã có thể mở các lớp hướng dẫn xây dựng các chương trình trải nghiệm theo mùa gắn với thu hoạch nông sản, chế biến món ăn địa phương và tiêu thụ sản phẩm OCOP. Đối với các hộ phát triển lưu trú cộng đồng cần tập huấn thêm về kỹ năng phục vụ, vệ sinh và tổ chức không gian trải nghiệm phù hợp với đặc trưng nông thôn địa phương. Việc kết hợp nhiều hoạt động trong cùng một chương trình sẽ góp phần nâng cao giá trị trải nghiệm, kéo dài thời gian lưu trú và gia tăng mức chi tiêu của du khách.

Bên cạnh đó địa phương cần chú trọng nâng cao nhận thức của cộng đồng về vai trò của du lịch nông nghiệp trong phát triển kinh tế và bảo tồn giá trị địa phương. Người dân không chỉ là người cung cấp dịch vụ mà còn là đại diện hình ảnh cho điểm đến. Vì vậy cần tăng cường tuyên truyền về ý thức bảo vệ môi trường, giữ gìn cảnh quan, bảo tồn bản sắc văn hóa và xây dựng thái độ phục vụ thân thiện, văn minh đối với du khách. Đây là yếu tố quan trọng góp phần nâng cao chất lượng trải nghiệm và khả năng quay trở lại của khách du lịch.

Ngoài ra cần hỗ trợ người dân và hợp tác xã ứng dụng nền tảng số trong quảng bá, giới thiệu sản phẩm và kết nối thị trường khách. Việc khai thác hiệu quả các nền tảng trực tuyến sẽ góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin, quảng bá hình ảnh điểm đến và hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm du lịch nông nghiệp hiệu quả hơn. Không chỉ có đào tạo kỹ năng mà địa phương cũng cần tạo điều kiện để cộng đồng tham gia sâu hơn vào quá trình xây dựng và tổ chức sản phẩm du lịch. Việc khuyến khích người dân tham gia trực tiếp vào các hoạt động trải nghiệm, dịch vụ lưu trú, ẩm thực và giới

thiệu sản phẩm địa phương không chỉ góp phần tạo sinh kế mà còn giúp nâng cao tính chân thực và bản sắc của sản phẩm du lịch nông nghiệp.

Nhìn chung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cộng đồng địa phương không chỉ góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ mà còn tạo nền tảng để phát triển du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn theo hướng chuyên nghiệp, bền vững và có chiều sâu trải nghiệm hơn. Đây cũng là điều kiện quan trọng để nâng cao sự hài lòng, khả năng quay trở lại và mức độ lan tỏa hình ảnh điềm đến thông qua trải nghiệm thực tế của du khách.

4.2.3 Nhóm giải pháp tăng cường liên kết trong phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

Hiện nay trên thực tế hoạt động phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn vẫn diễn ra theo từng hộ hoặc từng hợp tác xã riêng lẻ và chưa có sự liên kết với nhau trong khi khả năng kết nối dịch vụ và thị trường còn hạn chế. Mặc dù địa phương đã bước đầu hình thành một số mô hình du lịch nông nghiệp gắn với vườn cây ăn quả nhưng chủ yếu vẫn mang tính mùa vụ với quy mô nhỏ lẻ, tự phát. Bên cạnh đó sự kết nối với doanh nghiệp lữ hành còn hạn chế nên lượng khách chủ yếu tập trung theo mùa vụ vài thiều, thời gian lưu trú ngắn và mức chi tiêu chưa cao. Điều này cho thấy liên kết vẫn đang là điểm yếu trong quá trình phát triển du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn và cần được ưu tiên cải thiện trong thời gian tới.

Khi nhắc đến Lục Ngạn, thương hiệu “Vải thiều Lục Ngạn” đã trở thành một dấu ấn đặc trưng và có vị thế nhất định trong nhận thức của người tiêu dùng trong và ngoài nước. Đây cũng được coi như một lợi thế của huyện Lục Ngạn, đối với địa giới hành chính mới hiện nay thì tăng cường liên kết giữa các xã thuộc huyện Lục Ngạn cũ nhằm hình thành không gian phát triển du lịch nông nghiệp thống nhất thay vì khai thác riêng lẻ theo từng điềm nhỏ lẻ. Mỗi địa phương cần được định hướng phát huy lợi thế riêng để tạo sự bổ trợ trong tổ chức sản phẩm. Chẳng hạn khu vực Đồng Cốc và Giáp Sơn có thể tập trung phát triển trải nghiệm vườn cây ăn quả theo mùa, Tân Sơn phù hợp với du lịch cộng đồng và sinh thái hồ Cẩm Sơn trong khi Phì Điền có thể đóng vai trò trung tâm dịch vụ và kết nối khách. Việc hình thành các tuyến trải nghiệm liên xã như “một ngày khám phá vùng trái ngọt Lục Ngạn” kết hợp tham quan

vườn cây, thưởng thức ẩm thực và trải nghiệm văn hóa địa phương sẽ giúp sản phẩm có chiều sâu hơn và kéo dài thời gian lưu trú của du khách. Để thực hiện được điều này địa phương cần xây dựng cơ chế phối hợp giữa chính quyền, hợp tác xã, hộ dân và doanh nghiệp du lịch nhằm thống nhất lịch đón khách, chia sẻ thông tin và phối hợp quảng bá điểm đến.

Ngoài ra Lục Ngạn cũng cần đẩy mạnh liên kết giữa du lịch nông nghiệp với sản phẩm OCOP, làng nghề và du lịch sinh thái nhằm đa dạng hóa trải nghiệm và giảm tính thời vụ của sản phẩm hiện nay. Chủ yếu du khách đến Lục Ngạn vẫn phục thuộc phần lớn vào mùa vải thiều trong khi các sản phẩm trải nghiệm ngoài mùa vụ còn khá hạn chế. Vì vậy địa phương có thể phát triển các chương trình trải nghiệm gắn với chế biến nông sản, thưởng thức ẩm thực từ trái cây địa phương hoặc tham quan các sản phẩm đặc trưng như: mỳ Chũ, rượu men lá và các sản phẩm OCOP. Ví dụ mô hình “từ vườn đến bàn ăn” có thể cho du khách tham gia thu hoạch trái cây, chế biến món ăn và thưởng thức đặc sản ngay tại nhà vườn. Đây là hướng đi phù hợp với xu hướng du lịch trải nghiệm hiện nay đồng thời góp phần nâng cao giá trị nông sản và tăng thu nhập cho người dân địa phương.

Không chỉ vậy cần đẩy mạnh liên kết giữa hợp tác xã, các hộ dân với các doanh nghiệp lữ hành trong quá trình xây dựng và tiêu thụ sản phẩm du lịch nông nghiệp. Hiện nay nhiều điểm du lịch tại Lục Ngạn vẫn chưa được kết nối thường xuyên với các công ty lữ hành nên lượng khách còn thiếu ổn định. Trong khi đó doanh nghiệp lữ hành có vai trò quan trọng trong khảo sát thị trường, xây dựng chương trình trải nghiệm và kết nối khách đến địa phương. Địa phương cần chủ động tổ chức các chương trình famtrip, khảo sát điểm đến và kết nối cung – cầu du lịch để giới thiệu sản phẩm tới doanh nghiệp. Đồng thời cần xây dựng hình ảnh điểm đến chung cho toàn khu vực gắn với thương hiệu vùng cây ăn quả, trải nghiệm nông nghiệp và văn hóa nông thôn đặc trưng của Lục Ngạn. Khi có sự liên kết chặt chẽ giữa địa phương và doanh nghiệp lữ hành khả năng tiếp cận thị trường sẽ được cải thiện rõ rệt và góp phần nâng cao tính bền vững cho hoạt động du lịch nông nghiệp trong thời gian tới.

Sự gắn kết chặt chẽ giữa hai bên sẽ tạo nên tiền đề phát triển vững chắc và bền vững lâu dài cho quá trình phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn.

Nhìn chung tăng cường liên kết giữa các địa phương, hợp tác xã, hộ dân và doanh nghiệp lữ hành là giải pháp quan trọng nhằm khắc phục tình trạng phát triển nhỏ lẻ của du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn. Đây không chỉ là cơ sở để đa dạng hóa sản phẩm mà còn nâng cao khả năng kết nối thị trường góp phần xây dựng hình ảnh điểm đến gắn với thương hiệu “Vải thiều Lục Ngạn”, qua đó thúc đẩy phát triển du lịch nông nghiệp theo hướng bền vững và hiệu quả hơn.

4.2.4 Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp

Để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp hiệu quả xã Lục Ngạn cần ưu tiên đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất theo hướng đồng bộ nhưng có trọng tâm, phù hợp với điều kiện kinh tế địa phương. Hiện nay nhiều điểm vườn còn khó tiếp cận, đường vào hẹp, thiếu biển chỉ dẫn, bãi đỗ xe và các dịch vụ hỗ trợ cơ bản nên khả năng đón khách theo tour hoặc theo đoàn vẫn còn hạn chế. Vì vậy địa phương cần ưu tiên nâng cấp các tuyến đường vào vùng trải nghiệm, khu sinh thái và điểm lưu trú cộng đồng tại những nơi đã có lượng khách tương đối ổn định để tránh đầu tư dàn trải.

Một bất cập nữa mà Lục Ngạn cần có các giải pháp khắc phục là cần bổ sung các hạng mục thiết yếu như biển chỉ dẫn, điểm dừng chân, nhà vệ sinh, khu đón khách và bãi đỗ xe. Tuy là những yếu tố nhỏ nhưng ảnh hưởng trực tiếp đến trải nghiệm và mức độ hài lòng của du khách. Chính những yếu tố này phần nào là những yếu tố quan trọng đi đến quyết định tham quan điểm đến của du khách. Ngoài ra đối với cơ sở vật chất kỹ thuật cần đầu tư theo hướng vừa phục vụ du lịch vừa giữ được không gian nông thôn đặc trưng. Trước mắt nên ưu tiên các hạng mục thiết yếu như: nhà vệ sinh sạch, khu rửa tay, chòi nghỉ, khu trải nghiệm sơ chế nông sản và điểm giới thiệu sản phẩm OCOP... Các hộ dân có thể kết hợp tận dụng chính không gian nhà ở có sẵn của mình thành homestay, nhà nghỉ để du khách có thể trải nghiệm không gian nông thôn sẵn có vừa tiết kiệm chi phí vừa giữ được nét chân thực của đời sống địa phương lại tạo cho du khách trải nghiệm gần gũi.

Điều quan trọng nhất việc đầu tư cần gắn với định hướng sản phẩm cụ thể để tránh gây lãng phí mà lại không có hiệu quả. Những điểm phát triển các dịch vụ trải nghiệm trong ngày cần ưu tiên về hạ tầng giao thông điểm dừng chân, khu vệ sinh và khu giới thiệu – bán nông sản nhằm tạo cảm giác thuận tiện và thoải mái trong quá trình trải nghiệm. Đồng thời góp phần kích thích nhu cầu mua sắm, tiêu thụ nông sản và gia tăng giá trị kinh tế cho địa phương. Trong khi đó các điểm du lịch định hướng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp kết hợp lưu trú cộng đồng cần chú trọng cải tạo không gian nhà ở, cảnh quan sân vườn, lắp đặt hệ thống điện nước đầy đủ, tiện nghi để đáp ứng tốt nhu cầu của du khách vừa tạo sự thuận tiện vừa giữ được nét đặc trưng của không gian nông thôn địa phương.

Nhìn chung đầu tư hạ tầng và cơ sở vật chất không chỉ nhằm cải thiện điều kiện phục vụ mà còn là nền tảng để Lục Ngạn từng bước hình thành sản phẩm du lịch nông nghiệp chuyên nghiệp, đồng bộ và có khả năng cạnh tranh cao hơn.

4.3 Hàm ý chính sách

Từ kết quả nghiên cứu và các nhóm giải pháp được đề xuất có thể thấy phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại xã Lục Ngạn trong giai đoạn tới cần được đặt trong định hướng phát triển tổng thể gắn với phát huy lợi thế vùng cây ăn quả, cảnh quan sinh thái và văn hóa địa phương. Du lịch nông nghiệp không chỉ là hoạt động hỗ trợ tiêu thụ nông sản mà cần được xem như một hướng phát triển dịch vụ góp phần nâng cao giá trị nông nghiệp, đa dạng hóa sinh kế và xây dựng hình ảnh địa phương theo hướng bền vững.

Trước hết, chính sách phát triển du lịch nông nghiệp cần chú trọng đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị trải nghiệm của du khách. Việc phát triển sản phẩm không nên chỉ tập trung vào hoạt động tham quan và thu hái theo mùa vụ mà cần tăng cường các trải nghiệm gắn với đời sống nông thôn, văn hóa bản địa, sản phẩm OCOP và hoạt động chế biến nông sản nhằm nâng cao tính đặc trưng và khả năng khai thác quanh năm của sản phẩm du lịch.

Bên cạnh đó cần đặt cộng đồng địa phương, hộ dân và hợp tác xã vào vị trí trung tâm của quá trình phát triển. Chính quyền địa phương cần tăng cường hỗ trợ tập

huấn kỹ năng phục vụ, tổ chức trải nghiệm, quảng bá và ứng dụng nền tảng số cho các chủ thể tham gia hoạt động du lịch. Việc nâng cao năng lực cộng đồng không chỉ góp phần cải thiện chất lượng dịch vụ mà còn giúp giữ gìn bản sắc văn hóa và nâng cao tính chuyên nghiệp trong phát triển du lịch nông nghiệp. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy cần tăng cường vai trò điều phối của chính quyền địa phương trong việc liên kết giữa hộ dân, hợp tác xã, doanh nghiệp lữ hành và các chương trình OCOP nhằm hình thành chuỗi giá trị du lịch nông nghiệp đồng bộ hơn. Địa phương cần ưu tiên phát triển theo cụm sản phẩm và tuyển trải nghiệm thay vì khai thác riêng lẻ nhằm tăng khả năng kết nối thị trường, kéo dài thời gian lưu trú và nâng cao mức chi tiêu của du khách. Ngoài ra, địa phương cần tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho hoạt động du lịch nông nghiệp theo hướng đồng bộ nhưng có trọng tâm. Việc nâng cấp giao thông, bổ sung biển chỉ dẫn, điểm dừng chân, khu vệ sinh công cộng và các dịch vụ hỗ trợ thiết yếu sẽ góp phần nâng cao chất lượng trải nghiệm và khả năng quay trở lại của du khách. Địa phương cần xây dựng cơ chế quản lý và hỗ trợ phù hợp đối với các điểm tham gia hoạt động du lịch nông nghiệp thông qua việc ban hành các hướng dẫn về vệ sinh môi trường, an toàn thực phẩm, niêm yết giá, bảo vệ cảnh quan và chất lượng phục vụ. Bên cạnh đó cần tăng cường các hoạt động xúc tiến quảng bá, hỗ trợ kết nối thị trường và ứng dụng chuyển đổi số nhằm nâng cao khả năng tiếp cận khách du lịch và từng bước xây dựng thương hiệu cho du lịch nông nghiệp xã Lục Ngạn.

Nhìn chung, phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại xã Lục Ngạn cần được triển khai theo hướng tăng cường liên kết, nâng cao chất lượng trải nghiệm, phát huy vai trò cộng đồng và bám sát nhu cầu thị trường. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương từng bước xây dựng sản phẩm du lịch nông nghiệp có tính đặc trưng, nâng cao năng lực cạnh tranh và hướng tới phát triển bền vững trong giai đoạn mới.

Tiểu kết chương 4

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu ở chương 3 cùng với định hướng phát triển du lịch của Việt Nam và địa phương trong giai đoạn mới, chương 4 đã đề xuất các nhóm giải pháp phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại xã Lục Ngạn theo hướng phù

hợp hơn với điều kiện thực tế và nhu cầu thị trường. Các giải pháp được xây dựng dựa trên những lợi thế nổi bật của địa phương như vùng cây ăn quả đặc trưng, cảnh quan sinh thái và giá trị văn hóa bản địa; đồng thời tập trung khắc phục các hạn chế hiện nay như tính mùa vụ, sản phẩm còn đơn điệu, hạ tầng chưa đồng bộ, chất lượng nguồn nhân lực còn hạn chế và sự liên kết giữa các chủ thể chưa chặt chẽ. Nội dung chương đã tập trung vào bốn nhóm giải pháp chính gồm: đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị trải nghiệm du lịch nông nghiệp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cộng đồng địa phương; tăng cường liên kết trong phát triển du lịch nông nghiệp; và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất phục vụ trực tiếp cho du lịch. Các giải pháp không chỉ hướng đến nâng cao chất lượng sản phẩm du lịch nông nghiệp mà còn chú trọng tăng tính đặc trưng, khả năng kết nối thị trường và sự tham gia của cộng đồng địa phương trong quá trình phát triển. Bên cạnh đó chương 4 cũng đưa ra một số hàm ý chính sách nhằm góp phần định hướng phát triển du lịch nông nghiệp tại xã Lục Ngạn theo hướng bền vững, gắn với bảo tồn giá trị văn hóa địa phương, nâng cao giá trị nông sản và xây dựng hình ảnh điềm đến. Đây là cơ sở quan trọng để địa phương từng bước phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp có tính cạnh tranh cao hơn, đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của du khách và phù hợp với xu hướng phát triển du lịch trong giai đoạn hiện nay.

KẾT LUẬN

Luận văn “Phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang” được thực hiện nhằm đánh giá thực trạng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương trên cả hai phương diện cung và cầu từ đó đề xuất các giải pháp phát triển theo hướng đa dạng, chuyên nghiệp và bền vững. Trên cơ sở tổng quan nghiên cứu, hệ thống hóa cơ sở lý luận và vận dụng cách tiếp cận kết hợp giữa nghiên cứu định tính với nghiên cứu định lượng, luận văn đã góp phần làm rõ các điều kiện phát triển, thực trạng sản phẩm, nhu cầu của du khách và những vấn đề đặt ra đối với phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn.

Kết quả nghiên cứu cho thấy huyện Lục Ngạn có nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp. Địa phương sở hữu hệ thống tài nguyên nông nghiệp phong phú, nổi bật là vùng cây ăn quả đặc sản, không gian sinh thái vườn đồi, cảnh quan tự nhiên và các giá trị văn hóa bản địa. Trên cơ sở đó, sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương đã bước đầu được hình thành với một số nhóm sản phẩm tương đối rõ nét như tham quan vườn cây ăn quả, trải nghiệm thu hái nông sản, thưởng thức ẩm thực địa phương, mua sắm sản phẩm OCOP, lưu trú cộng đồng và kết hợp tham quan sinh thái, làng nghề. Về phía cầu, du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn đã thu hút được sự quan tâm khá rõ của du khách; khách ngoại tỉnh chiếm tỷ trọng cao, mức độ nhận thức, động cơ tham gia, sự hài lòng và ý định quay lại đều ở mức khá tích cực. Bên cạnh đó lượng khách và doanh thu du lịch trong những năm gần đây có xu hướng tăng lên, phản ánh sức hấp dẫn và giá trị kinh tế ngày càng rõ hơn của loại hình du lịch này.

Tuy nhiên nghiên cứu cũng chỉ ra rằng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn vẫn còn nhiều hạn chế. Việc khai thác tài nguyên chưa thật sự tương xứng với tiềm năng; sản phẩm còn phụ thuộc nhiều vào mùa vụ, nhất là mùa vải thiều; hệ thống dịch vụ và cơ sở vật chất kỹ thuật chưa đồng bộ; nguồn nhân lực tuy dồi dào nhưng còn hạn chế về kỹ năng và tính chuyên nghiệp; công tác xúc tiến, quảng bá và khả năng tiếp cận chính sách hỗ trợ ở cấp cơ sở vẫn chưa đồng đều. Đáng chú ý giữa

khả năng cung ứng của địa phương và nhu cầu của du khách vẫn tồn tại khoảng cách nhất định: trong khi du khách ngày càng mong muốn các trải nghiệm sâu hơn, thuận tiện hơn và có tính liên kết cao hơn, thì sản phẩm hiện có vẫn chủ yếu dừng ở tham quan, thu hái và trải nghiệm theo mùa.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, luận văn đã đề xuất các nhóm giải pháp chủ yếu gồm: đa dạng hóa sản phẩm và nâng cao giá trị trải nghiệm du lịch nông nghiệp; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và năng lực cộng đồng địa phương; tăng cường liên kết trong phát triển du lịch nông nghiệp; đồng thời hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất và các cơ chế hỗ trợ phát triển du lịch nông nghiệp tại địa phương. Các giải pháp được xây dựng trên cơ sở bám sát định hướng phát triển du lịch của Việt Nam, định hướng phát triển của địa phương trong bối cảnh mới sau sáp nhập và xuất phát từ thực tiễn phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn hiện nay.

Nhìn chung luận văn khẳng định rằng Lục Ngạn có nhiều tiềm năng để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng đặc trưng, chất lượng và bền vững. Tuy nhiên, để khai thác hiệu quả các tiềm năng này địa phương cần chú trọng nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng tính liên kết giữa các chủ thể tham gia, nâng cao chất lượng trải nghiệm và thu hẹp khoảng cách giữa khả năng cung ứng của địa phương với nhu cầu của du khách. Kết quả nghiên cứu không chỉ góp phần bổ sung cơ sở lý luận về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp theo hướng tiếp cận từ cả phía cung và phía cầu mà còn có ý nghĩa thực tiễn đối với công tác quản lý và phát triển du lịch nông nghiệp tại địa phương trong giai đoạn tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. TÀI LIỆU TIẾNG VIỆT

1. Nguyễn Thị Kim Anh, & Phạm Phú Phương Phương. (2022). Du lịch nông nghiệp tại huyện Diên Khánh, tỉnh Khánh Hòa. *Tạp chí Kinh tế và Dự báo*, 39–42.
2. Trần Thị Yến Anh. (2022). *Phát triển du lịch nông thôn vùng Đồng bằng sông Hồng* [Luận án tiến sĩ, Viện Chiến lược Phát triển, Bộ Kế hoạch và Đầu tư].
3. Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn. (2024). *Chương trình hỗ trợ phát triển du lịch nông nghiệp trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025*. Nhà xuất bản Nông nghiệp.
4. Đào Ngọc Cảnh. (2020). Phát triển du lịch nông nghiệp ở thành phố Cần Thơ. Trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học phát triển du lịch nông nghiệp ở Đồng bằng sông Cửu Long trong mối quan hệ liên kết vùng theo định hướng phát triển bền vững giai đoạn 2020–2030*. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Đào Ngọc Cảnh, & Ngô Thị Ái Thi. (2018). Phát triển du lịch nông thôn dựa vào cộng đồng người Khmer ở huyện Tịnh Biên, tỉnh An Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 54(6), 148–157.
<https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2018.107>
6. Hoàng Ngọc Minh Châu, & Hồ Tiểu Bảo. (2021). Thực trạng hoạt động du lịch nông nghiệp tại Cồn Chim, Trà Vinh. *Tạp chí Phát triển Khoa học và Công nghệ – Khoa học Xã hội và Nhân văn*, 5(4), 1315–1322.
7. Nguyễn Bảo Châu. (2023). *Phát triển du lịch nông nghiệp tại tỉnh Ninh Thuận* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội].
8. Đoàn Mạnh Cường. (2023). Các yếu tố ảnh hưởng đến phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn Hà Nội. Trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học xây dựng tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội*. Sở Du lịch Hà Nội.

9. Đoàn Mạnh Cường . (2020). Phát triển du lịch sinh thái gắn với nông nghiệp, nông thôn trong chiến lược phát triển du lịch Việt Nam. *Tạp chí Du lịch*, 10, 12–15.
10. Nguyễn Cường, và cộng sự. (2023). *Du lịch nông nghiệp và phát triển bền vững tại Đồng bằng sông Mekong, Việt Nam*.
11. Nguyễn Thái Dung. (2024). *Phát triển du lịch nông nghiệp tại tỉnh Lâm Đồng* [Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế – Luật, Thành phố Hồ Chí Minh].
12. Nguyễn Thị Dung, và cộng sự. (2020). *Nghiên cứu phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh Bắc Giang*. Khoa Kinh tế – Tài chính, Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang.
13. Phạm Thị Mỹ Dung. (2023). Nội dung, bản chất và vai trò của du lịch nông nghiệp nông thôn. Trong *Kỷ yếu hội thảo khoa học xây dựng tiêu chí đánh giá phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn theo hướng tăng trưởng xanh và bền vững trên địa bàn thành phố Hà Nội* (tr. 4–12). Sở Du lịch Hà Nội.
14. Phan Văn Đua. (2024). *Nghiên cứu phát triển du lịch nông thôn tỉnh Bạc Liêu* [Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Hà Nội].
15. Nguyễn Mạnh Hà. (2007). *Thực trạng và một số giải pháp nhằm phát triển cây ăn quả theo hướng bền vững trên địa bàn huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang* [Luận văn thạc sĩ, Đại học Thái Nguyên].
16. Trịnh Thị Hà, & Phan Thị Bích Hằng. (2020). Đo lường giá trị cảm nhận, sự kỳ vọng và mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với loại hình du lịch nông nghiệp tại thành phố Đà Lạt. *Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương*, 568, 76–78.
17. Nguyễn Thị Hằng. (2022). Phát triển du lịch nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới ở Việt Nam. *Tạp chí Du lịch*, 6, 45–49.
18. Nguyễn Hoàng Hiếu, & Hà Thị Như Hằng. (2020). Đánh giá mô hình phát triển du lịch nông nghiệp tại huyện Đắk Pơ, tỉnh Gia Lai. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*, 5(42), 146–157.
19. Nguyễn Thị Hòa, & Vi Thị Nhung. (2020). Khai thác tiềm năng du lịch sinh thái ở huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Tân Trào*.

20. Đinh Phi Hồ. (2022). Du lịch nông nghiệp và ý định viếng thăm lại: Trường hợp nghiên cứu ở Đồng bằng sông Cửu Long, Việt Nam. *Tạp chí Công Thương*, 6, 51–65.
21. Nguyễn Phạm Hùng. (2022). *Văn hóa quản lý và kinh doanh du lịch*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.
22. Hoàng Thị Hương. (2015). *Nghiên cứu phát triển du lịch văn hóa tỉnh Bắc Giang* [Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội].
23. Lê Thị Hương, và cộng sự. (2025). Tiêu chí phát triển du lịch nông nghiệp cho các trang trại tại Thanh Hóa, Việt Nam. *Tạp chí Nghiên cứu Kinh tế, Tài chính và Quản lý*.
24. Ngô Thị Phương Lan, Nguyễn Thị Vân Hạnh, & Trần Tuyên. (2021). Phát triển du lịch nông nghiệp tại đồng bằng sông Cửu Long: Góc nhìn từ nông nghiệp và cộng đồng địa phương. *Tạp chí Khoa học Xã hội*, 277(9), 30–44.
25. Lưu Xuân San. (2024). *Bảo tồn giá trị văn hóa dân tộc Nùng, Dao phục vụ xây dựng mô hình làng văn hóa du lịch ở huyện Lục Ngạn, Sơn Động, góp phần phát triển du lịch tỉnh Bắc Giang* [Báo cáo kết quả thực hiện đề tài khoa học cấp tỉnh]. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Giang.
26. Nguyễn Đắc Bình Minh, và cộng sự. (2025). Sản xuất nông nghiệp gắn với du lịch ở Việt Nam: Thực trạng và định hướng phát triển. *Khoa học Công nghệ*.
27. Phan Kim Ngân. (2025). Phát triển du lịch nông nghiệp và sản phẩm đặc sản địa phương tại Đà Nẵng: Tiềm năng và định hướng phát triển bền vững. *Tạp chí Khoa học, Đại học Kiến trúc Đà Nẵng*.
28. Phan Thị Ngân, và cộng sự. (2021). Nghiên cứu về du lịch nông nghiệp tại Việt Nam.
29. Nguyễn Trọng Nhân. (2013). Đánh giá mức độ hài lòng của du khách nội địa đối với du lịch miệt vườn vùng đồng bằng sông Cửu Long. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*, 52, 44–55.
30. Nguyễn Thị Phương Nhung. (2021). *Phát triển du lịch nông nghiệp bền vững tại tỉnh Thái Nguyên* [Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội].

31. Trần Thu Phương. (2024). Phát triển du lịch nông nghiệp ở tỉnh Hà Giang và một số khuyến nghị về chính sách. *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Mở Hà Nội*, 111. <https://doi.org/10.59266/houjs.2024.356>
32. Quốc hội. (2017). *Luật Du lịch Việt Nam* (Số 09/2017/QH14).
33. Trần Ngọc Quyền, và cộng sự. (2014). *Nghiên cứu thị hiếu của khách du lịch Nga đến Khánh Hòa*. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Khánh Hòa.
34. Trần Đức Thanh, Phạm Hồng Long, & Vũ Hương Lan (đồng chủ biên), Trần Thúy Anh, Nguyễn Quang Vinh, Tô Quang Long, Nguyễn Thu Thủy, Trịnh Lê Anh, Nguyễn Ngọc Dung, Đinh Nhật Lê, Bùi Nhật Quỳnh, Trần Thị Yến Anh, Nguyễn Hoàng Phương, Đỗ Hải Yến, & Đặng Thị Phương Anh. (2022). *Nhập môn du lịch*.
35. Trương Trí Thông, & Nguyễn Trọng Nhân. (2024). Các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển du lịch nông nghiệp ở huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ*, 60(2C), 200–213.
36. Trương Trí Thông, Nguyễn Trọng Nhân, & Nguyễn Huỳnh Phước Thiện. (2023). Phát triển du lịch nông nghiệp huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ. *Tạp chí Nghiên cứu Địa lý Nhân văn*, 1(42).
37. Vũ Thị Thương. (2015). *Nghiên cứu sử dụng bền vững đất nông nghiệp huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang* [Luận án tiến sĩ, Học viện Nông nghiệp Việt Nam]
38. Lê Thị Kim Trang. (2025). Nghiên cứu về phát triển du lịch nông nghiệp gắn với kinh tế nông thôn và sinh kế cộng đồng.
39. Phùng Ngọc Trường, Ngô Huy Kiên, Ngô Trần Quốc Khánh, Vũ Linh Chi, & Vũ Thị Toán. (2022). Giải pháp phát triển du lịch nông nghiệp tại tỉnh Cao Bằng gắn với Công viên Địa chất Toàn cầu UNESCO Non nước Cao Bằng. *Tạp chí Khoa học Công nghệ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn*, 1, 118–126.
40. Lê Anh Tuấn, Ngô Trọng Tuấn, & Nguyễn Quang Vĩnh. (2023). Ứng dụng kết hợp BRT và TPB trong mô hình nghiên cứu lòng trung thành của khách du lịch tại điểm đến du lịch nông nghiệp Việt Nam.

41. Thủ tướng Chính phủ. (2022). *Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021–2025*.

B. TÀI LIỆU THAM KHẢO TIẾNG ANH

1. Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50(2), 179–211.
2. Ammirato, S., & Felicetti, A. M. (2014). Agritourism as a means of sustainable development for rural communities: A research from Italy. *International Journal of Interdisciplinary Environmental Studies*, 8(1), 17–29.
3. Ammirato, S. (2014). *The Agritourism as a Means of Sustainable Development for Rural Communities: A Research from the Field*.
4. Arroyo, C. G. (2012). Agritourism and its role in rural development and farmers' livelihoods. *Tourism Review*, 67(1), 55–64.
5. Balasundaram, S. K., Shamshiri, R. R., Sridhara, S., & Rizan, M. (2023). Agritourism as a pathway for enhancing rural livelihoods and employment opportunities. *Journal of Agriculture and Food Research*, 12, 100591.
6. Barbieri, C., & Mshenga, P. M. (2008). The role of the firm and owner characteristics on the performance of agritourism farms. *Sociologia Ruralis*, 48(2), 166–183.
7. Barbieri, C., & Mshenga, C. (2010). Research on agricultural tourism at the Agricultural Production Area Research Institute.
8. Bhatta, B. P., & Ohe, Y. (2016). A review of quantitative studies in agritourism: Supply, demand and combined perspectives. *Tourism Management Perspectives*, 20, 196–206.
9. Bhatta, K., Ohe, Y., & Ciani, A. (2020). Which human resources are important for turning agritourism potential into reality? SWOT analysis in rural Nepal. *Agriculture*, 10(6), Article 197. <https://doi.org/10.3390/agriculture10060197>

10. Bowen, D. (2010). *Policy, infrastructure, and marketing influences on agritourism quality and demand in the U.S. and Europe* [Unpublished doctoral dissertation]. University of Minnesota.
11. Boys, K. A., DuBreuil White, K., & Groover, G. (2017). Fostering rural and agricultural tourism: Exploring the potential of geocaching. *Journal of Sustainable Tourism*, 25(10), 1474–1493.
12. Che, D. (2015). Developing agritourism as a new form of tourism in rural areas. *Tourism Planning & Development*, 12(4), 445–460.
13. Che, D., Veeck, A., & Veeck, G. (2005). Sustaining production and strengthening the agritourism product: Linkages among Michigan agritourism destinations. *Agriculture and Human Values*, 22(2), 225–234.
14. Coltman, M. M. (1989). *Tourism marketing*. Van Nostrand Reinhold.
15. Contini, C., Polidori, R., & Scarpellini, P. (2009). Agri-tourism and rural development: The Low-Valdelsa case, Italy. *Tourism Review*, 64(4), 27–36. <https://doi.org/10.1108/16605370911004557>
16. Council of the European Union. (2006). *Council conclusions on a renewed EU tourism policy: Towards a stronger partnership for European tourism*. *Official Journal of the European Union*, C 313, 1–3.
17. European Parliament, European Parliamentary Research Service. (2023). *Rural tourism* (Briefing No. PE 751.464).
18. Fanelli, R. M., & Romagnoli, L. (2020). Customer satisfaction with farmhouse facilities and its implications for the promotion of agritourism resources in Italian municipalities. *Sustainability*.
19. Flanigan, S., Blackstock, K., & Hunter, C. (2014). Agritourism from the perspective of providers and visitors: A typology-based study. *Tourism Management*, 41, 39–47.
20. Gherdan, A. E. M., et al. (2025). Sustainable agritourism development: A TOPSIS-based evaluation of strategic priorities. *Agriculture*.

21. Getz, D., & Carlsen, J. (2005). Characteristics and goals of agritourism operators in Australia. *Tourism Management*.
22. Ha, T. V., & Mohanty, P. P. (2021). Exploring the level of tourist satisfaction in agritourism: A reflection of Tra Que Village, Vietnam. *Journal of Gastronomy and Tourism*.
- 23.. Hilli, S. (2021). *Exploring agritourism products: Case: Saaren Luomuosuuskunta* [Bachelor's thesis, Satakunta University of Applied Sciences]. Theseus.
24. Kline, C., Barbieri, C., & LaPan, C. (2016). The influence of agritourism on niche meats loyalty and purchasing. *Journal of Travel Research*, 55(5), 643–658.
25. Kotler, P., Bowen, J. T., & Makens, J. C. (2014). *Marketing for hospitality and tourism* (6th ed.). Pearson Education.
26. Lane, B., & Kastenholz, E. (2015). Rural tourism: The evolution of practice and research approaches—Towards a new generation concept? *Journal of Sustainable Tourism*, 23(8–9), 1133–1156.
27. Liu, Y., Huang, X., & Zhang, L. (2017). Eco-innovation and agritourism development: A strategy for sustainable rural revitalization in Asia. *Journal of Sustainable Tourism*, 25(8), 1123–1142.
28. Lobo, C. (1999). *Agritourism development in San Diego County: A case study in experiential and educational tourism* [Master's thesis]. San Diego State University.
29. Lobo, R. E. (1999). *Agricultural tourism: A potential economic growth strategy for rural communities*. Agricultural Issues Center, University of California.
30. Malkanthi, S. H., & Routray, J. K. (2012). Visitor satisfaction in agritourism and its implications for agritourism farmers in Sri Lanka. *International Journal of Agricultural Management*, 2(1), 17–30.
31. Marcotte, M., Anderson, D., & Wolfe, K. (2006). Integrated farm tourism development: Combining production and tourism. *Journal of Sustainable Tourism*, 14(2), 148–162.

32. Medlik, S., & Middleton, V. T. C. (1973). Product formulation in tourism. *Tourism and Marketing*, 13(3), 130–142.
33. Ndhlovu, E., & Dube, K. (2024). Agritourism and sustainability: A global bibliometric analysis of the state of research and dominant issues. *Journal of Outdoor Recreation and Tourism*, 46, 100746.
34. Nilsson, P. A. (2002). Staying on farms: An ideological background. *Annals of Tourism Research*, 29(1), 7–24.
35. Phillip, S., Hunter, C., & Blackstock, K. (2010). A typology for defining agritourism. *Tourism Management*, 31(6), 754–758.
36. Pine, B. J., & Gilmore, J. H. (1998). Welcome to the experience economy. *Harvard Business Review*, 76(4), 97–105.
37. Pine, B. J., & Gilmore, J. H. (1999). *The experience economy: Work is theatre and every business a stage*. Harvard Business School Press.
38. Pratt, S., McCabe, S., & Movono, A. (2022). Agritourism and diversification of tourism products: Attracting new market segments. *Journal of Sustainable Tourism*, 30(8), 1789–1807.
39. Ranjbar, I., Mousavi, S. N., & Najafi, B. (2024). Analysis of farmers' intentions and behavior towards agritourism as a complementary activity to agriculture. *Journal of Agricultural Science and Technology*, e16855.
40. Roberts, L., & Hall, D. (2001). *Rural tourism and recreation: Principles to practice*. CABI Publishing.
41. Santos, M. C., Ferreira, A. M., Costa, C., & Santos, J. A. C. (2020). New tourism products development: An approach based on innovation and experience. *Sustainability*, 12(5).
42. Santos, M. C., và cộng sự. (2020). Research on tourism product development focusing on the integration of resources, services, infrastructure, human resources, and policies.

43. Sennimalai, S., Rao, B. V., & Sivakumar, S. D. (2025). Exploring the supply side dynamics of agritourism in Tamil Nadu. *Frontiers in Sustainable Tourism*, 4, 1498749. <https://doi.org/10.3389/frsut.2025.1498749>
44. Sharpley, R. (2002). Rural tourism and the challenge of tourism diversification: The case of Cyprus. *Tourism Management*, 23(3), 233–244.
45. Sharpley, R., & Sharpley, J. (1997). *Rural tourism: An introduction*. International Thomson Business Press.
46. Sieczko, A. (2020). Principles of the experience economy in designing an agritourism product. *Annals of the Polish Association of Agricultural and Agribusiness Economists*, 22(3).
47. Smith, S. L. J. (1994). The tourism product. *Annals of Tourism Research*, 21(3), 582–595.
48. Son, N. T., Nguyen, Q. N., & Hoang, T. H. L. (2023). Factors influencing tourist satisfaction with agritourism in the Mekong Delta, Vietnam. *GeoJournal of Tourism and Geosites*, 49(3), 998–1005. <https://doi.org/10.30892/gtg.49315-1099>
49. Testa, R., Galati, A., Schifani, G., Di Trapani, A. M., & Migliore, G. (2019). Culinary tourism experiences in agri-tourism destinations and sustainable consumption: Understanding Italian tourists' motivations. *Sustainability*, 11(17), 4588. <https://doi.org/10.3390/su11174588>
50. Tew, C., & Barbieri, C. (2012). The perceived benefits of agritourism: The provider's perspective. *Tourism Management*, 33(1), 215–224.
51. Togaymurodov, K., Yang, Y., Zhang, J., & Liu, Y. (2021). Factors influencing farmers' participation in agritourism: Evidence from rural areas. *Sustainability*, 13(21), 11853.
52. Torres, R., & Momsen, J. H. (2004). Challenges and potential for linking tourism and agriculture to achieve pro-poor tourism objectives. *Progress in Development Studies*, 4(4), 294–318.

53. Torres, R., & Momsen, J. H. (2011). *Tourism and agriculture: New geographies of consumption, production and rural restructuring*. Routledge,
54. Turtureanu, A.-G., Crețu, C.-M., Pripoaie, R., Marinescu, E. Ș., Sîrbu, C.-G., & Talaghir, L.-G. (2025). Sustainable development through agritourism and rural tourism: Research trends and future perspectives in the pandemic and post-pandemic period. *Sustainability*, 17(9), 3998.
55. Thakur, S. (2025). Research on agricultural tourism as a tool for sustainable development.
56. Yusuf, E. S., và cộng sự. (2023). Research on the development of agricultural tourism in an integrated manner, combining agriculture and tourism
57. Waligo, V. M., Clarke, J., & Hawkins, R. (2013). Implementing sustainable tourism: A multi-stakeholder perspective. *Tourism Management*, 36, 342–353.
58. World Tourism Organization. (2004). *Rural tourism in Europe: Experiences, development and perspectives*. UNWTO.
59. World Tourism Organization. (2015). *Affiliate members global report, volume 12: Gastronomy tourism*. UNWTO.
60. Wu, H.-C., Cheng, C.-C., & Ai, C.-H. (2022). Experiential value, tourist satisfaction and behavioral intentions in agritourism. *Sustainability*, 14(3), 1350.
61. Wu, T. C. (2018). Agriculture tourism and the transformation of rural countryside. *Tourism Geographies*, 20(2), 354–357.
62. Wyratama, M. Y., và cộng sự. (2024). Research on the development of agricultural tourism products based on product components.
63. Yang, J., Chen, F., & Li, H. (2024). Geographical indication agricultural products and agritourism: Brand value, experience, and destination promotion in China. *Asian Journal of Tourism Research*, 11(1), 58–74
64. Zhao, Z., Xue, Y., Geng, L., Xu, Y., & Meline, N. N. (2022). The influence of environmental values on consumer intentions to participate in agritourism: A

model to extend TPB. *Journal of Agricultural and Environmental Ethics*, 35(3), Article 15. <https://doi.org/10.1007/s10806-022-09881-8>

KHẢO SÁT KHÁCH DU LỊCH ĐỐI VỚI SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP

Thưa Quý khách, tôi – Nguyễn Thị Yên Nhi – Học viên cao học khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Hiện nay tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “Phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc

Giang”. Kính mong quý khách dành chút thời gian cung cấp một số thông tin liên quan đến nội dung nghiên cứu sau đây. Các nội dung quý khách cung cấp sẽ rất có ý nghĩa để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn.

Tác giả xin cam kết các thông tin thu thập được trong khảo sát này chỉ phục vụ một mục đích duy nhất là nghiên cứu, tuyệt đối không dùng vào mục đích khác hay cung cấp cho bên thứ ba.

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG

(Đánh dấu ✓ vào phương án phù hợp)

1. Giới tính

- Nam Nữ

2. Độ tuổi

- Dưới 25 Từ 25–34 tuổi Từ 35–44 tuổi
 Từ 45–54 tuổi Từ 55 trở lên

3. Nghề nghiệp

- Học sinh/Sinh viên Cán bộ, công chức, viên chức
 Nhân viên doanh nghiệp Kinh doanh tự do
 Khác (ghi rõ):

4. Nơi cư trú

- Nội tỉnh Ngoại tỉnh Khách quốc tế

5. Tình trạng hôn nhân:

- Độc thân Đã kết hôn Đã từng kết hôn

6. Trình độ học vấn:

- Học sinh – sinh viên Nhân viên văn phòng
 Kinh doanh Lực lượng vực trang

- Công nhân, nông dân Nội trợ
- Khác:

7. Thu nhập:

- Chưa có thu nhập Từ 1 triệu – dưới 5 triệu
- Từ 5 triệu – dưới 10 triệu Từ 10 triệu trở lên

PHẦN B: HÀNH VI CỦA DU KHÁCH

1. Anh/Chị đã từng tham gia du lịch nông nghiệp chưa?

- Chưa từng
- Đã từng (1–2 lần)
- Đã từng (trên 2 lần)

1. Anh/chị tham gia vào hoạt động du lịch nông nghiệp nào tại huyện Lục Ngạn?

- Tham quan vườn cây (vải, cam, bưởi...)
- Hái quả trái nghiệm thu hoạch theo mùa
- Trải nghiệm tạo ra sản phẩm (sơ chế, đóng gói, chế biến...)
- Thưởng thức ẩm thực địa phương tại điểm/vườn
- Mua nông sản, đặc sản/ sản phẩm lưu niệm
- Lưu trú homestay/ ở gian nhà truyền thống/ trải nghiệm sinh hoạt cộng đồng (nhà sàn...)
- Tham gia sự kiện/ lễ hội địa phương
- Tham gia tour theo tuyến/kết hợp nhiều điểm (vườn – làng nghề – điểm tham quan...)

Khác (ghi rõ):

2. Những yếu tố ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn du lịch nông nghiệp của Anh/Chị

(Có thể chọn nhiều phương án)

Giá cả hợp lý

Chất lượng trải nghiệm

An toàn, vệ sinh, sức khỏe

Sự khác biệt, độc đáo của sản phẩm

Dịch vụ hướng dẫn, hỗ trợ du khách

Truyền thông, quảng bá hấp dẫn

Khác:

3. Mức độ sẵn sàng chi trả cho một chuyến du lịch nông nghiệp (1 ngày)

Dưới 300.000 đồng

300.000 – dưới 500.000 đồng

500.000 – dưới 1.000.000 đồng

Trên 1.000.000 đồng

4. Anh/chị đi du lịch nông nghiệp ở Lục Ngạn với hình thức nào?

Tự tổ chức

Mua tour của công ty du lịch

PHẦN C:

Anh/chị vui lòng đánh giá mức độ đồng ý/ưa thích đối với các phát biểu dưới đây bằng cách đánh dấu (X) vào ô tương ứng với lựa chọn của mình.

Đánh giá theo thang đo Likert 5 mức độ:

1 – Hoàn toàn không đồng ý | 2 – Không đồng ý | 3 – Bình thường

STT	Nội dung khảo sát	1	2	3	4	5
NHẬN THỨC SPDLNN						
1.	Nhìn chung, tôi có cảm nhận tích cực về sản phẩm du lịch nông nghiệp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Tôi cho rằng sản phẩm du lịch nông nghiệp là hấp dẫn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Tôi cảm thấy sản phẩm du lịch nông nghiệp phù hợp với nhu cầu của mình.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Tôi đánh giá cao giá trị mà sản phẩm du lịch nông nghiệp mang lại.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
ĐỘNG CƠ SPDLNN						
1.	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để được gần gũi với thiên nhiên.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để nghỉ ngơi và thư giãn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
3.	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để học hỏi và mở rộng kiến thức về nông nghiệp.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để trải nghiệm những điều mới lạ.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Tôi tham gia du lịch nông nghiệp để thỏa mãn sự tò mò của mình	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
SỰ HÀI LÒNG SPDLNN						
1.	Chuyên trải nghiệm các sản phẩm du lịch nông nghiệp (tham quan vườn, hái quả, check-in...) tại Lục Ngạn đã vượt quá mong đợi của tôi.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Tôi hài lòng với hoạt động tham quan và trải nghiệm vườn cây ăn quả theo mùa tại Lục Ngạn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

3.	Tôi hài lòng với các dịch vụ hỗ trợ như homestay, ẩm thực địa phương và sản phẩm OCOP	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
4.	Tôi hài lòng với sự tổ chức các tour trải nghiệm (tour mùa vải, tour cam – bưởi, tour trải nghiệm nông nghiệp...).	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
5.	Tôi hài lòng với sự thân thiện và phục vụ của người dân/HTX tại điểm du lịch.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
6.	Nhìn chung, tôi hài lòng với sản phẩm du lịch nông nghiệp tại Lục Ngạn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
Ý ĐỊNH HÀNH VI SAU TRẢI NGHIỆM SPDLNN						
1.	Tôi có ý định quay lại hoặc tiếp tục sử dụng các sản phẩm DLNN tại huyện Lục Ngạn.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2.	Tôi sẽ giới thiệu du lịch nông nghiệp huyện Lục Ngạn cho mọi người.	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

PHẦN D:

Anh/chị có góp ý gì để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn trong thời gian tới không?

.....

.....

.....

Xin chân thành cảm ơn anh/chị đã dành thời gian và hỗ trợ chúng tôi trong quá trình khảo sát!

PHỤ LỤC 2

PHIẾU PHỎNG VẤN CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN LỤC NGẠN

Kính gửi Quý Ông/bà

Tôi Nguyễn Thị Yến Nhi – học viên cao học Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “Phát

triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang”. Nhằm thu thập ý kiến từ cơ quan quản lý nhà nước phục vụ phân tích và đề xuất giải pháp phù hợp, kính mong ông/bà dành thời gian tham gia phiếu phỏng vấn về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn

Những thông tin và quan điểm ông/bà chia sẻ sẽ là cơ sở quan trọng giúp nghiên cứu phản ánh đúng thực tiễn quản lý, định hướng phát triển và các điều kiện triển khai tại địa phương.

PHẦN A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Chức vụ:

Tên đơn vị công tác:

Lĩnh vực hoạt động:

Địa chỉ:

PHẦN B: PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN LỤC NGẠN

Kính mong Ông/bà vui lòng hỗ trợ trả lời các câu hỏi sau đây để phục vụ nghiên cứu.

1. Theo Ông/Bà, huyện Lục Ngạn có những tài nguyên tự nhiên nào phục vụ phát triển du lịch nông nghiệp và đâu là tài nguyên nổi bật nhất?

.....
.....
.

2. Hiện nay tại huyện Lục Ngạn đang có những loại sản phẩm du lịch nông nghiệp nào và sản phẩm du lịch nông nghiệp nào được đánh giá có tiềm năng nhất để phát triển thành “sản phẩm chủ lực”?

.....
.....

3. Ông/bà vui lòng cho biết về thực trạng nguồn nhân lực đáp ứng phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn hiện nay.

.....
.....
4. Ông/Bà đánh giá như thế nào về thực trạng cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ, hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn?

.....
.....
5. Ông/Bà đánh giá như thế nào về thực trạng xúc tiến, quảng bá và truyền thông về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn?

.....
.....
6. Về chính sách và cơ chế quản lý, Ông/bà đề xuất 2–3 giải pháp ưu tiên (trong 12–24 tháng) để thúc đẩy phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp Lục Ngạn một cách hiệu quả và bền vững?

.....
.....
Xin chân thành cảm ơn Ông/bà đã dành thời gian tham gia phỏng vấn

PHỤ LỤC 3

PHIẾU PHỎNG VẤN HỢP TÁC XÃ / DOANH NGHIỆP

Kính chào Quý Ông/bà, Tôi Nguyễn Thị Yến Nhi – học viên cao học Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “Phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang”. Nhằm thu thập ý kiến từ cơ quan quản lý nhà nước phục vụ phân tích và

đề xuất giải pháp phù hợp, kính mong ông/bà dành thời gian tham gia phiếu phỏng vấn về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn

Những thông tin và quan điểm ông/bà chia sẻ sẽ là cơ sở quan trọng giúp nghiên cứu phản ánh đúng thực tiễn quản lý, định hướng phát triển và các điều kiện triển khai tại địa phương.

PHẦN A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Chức vụ:

Tên đơn vị công tác:

Lĩnh vực hoạt động:

Địa chỉ:

PHẦN B: PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN LỤC NGẠN

Kính mong Ông/bà vui lòng hỗ trợ trả lời các câu hỏi sau đây để phục vụ nghiên cứu.

1. Hợp tác xã/doanh nghiệp mà Ông/bà đang quản lý hiện nay có những sản phẩm du lịch nông nghiệp nào?

.....
.....

2. Theo Ông/bà lợi thế về tài nguyên du lịch mà đơn vị có thể khai thác cho phát triển SPDLNN là gì?

.....
.....

3. Ông/bà đánh giá thế nào về thực trạng nguồn nhân lực của HTX/doanh nghiệp?

.....
.....

4. Ông/bà đánh giá thế nào về thực trạng cơ sở vật chất & cơ sở hạ tầng của HTX/doanh nghiệp?

.....
.....

5. Đơn vị đang thu hút khách qua kênh nào (mạng xã hội, lễ hành, trường học, sự kiện mùa vụ...)? Đánh giá hiệu quả và vướng mắc lớn nhất trong quảng bá/kết nối thị trường là gì?

.....
.....

6. Theo Ông/bà để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn cần có những giải pháp gì?

.....
.....

Xin chân thành cảm ơn Ông/bà đã dành thời gian tham gia phỏng vấn

PHỤ LỤC 4

PHIẾU PHỎNG VẤN NGƯỜI DÂN ĐỊA PHƯƠNG

Kính chào Quý Ông/bà, Tôi Nguyễn Thị Yến Nhi – học viên cao học Khoa Du lịch học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Hiện nay, tôi đang thực hiện đề tài nghiên cứu “Phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang”. Nhằm thu thập ý kiến từ cơ quan quản lý nhà nước phục vụ phân tích và

đề xuất giải pháp phù hợp, kính mong ông/bà dành thời gian tham gia phiếu phỏng vấn về phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại huyện Lục Ngạn

Những thông tin và quan điểm ông/bà chia sẻ sẽ là cơ sở quan trọng giúp nghiên cứu phản ánh đúng thực tiễn quản lý, định hướng phát triển và các điều kiện triển khai tại địa phương.

PHẦN A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

Họ và tên:

Năm sinhGiới tính

Dân tộc: Nghề nghiệp:

Nơi ở :

PHẦN B: TÌNH HÌNH THAM GIA DU LỊCH NÔNG NGHIỆP

Hiện tại gia đình Ông/bà có tham gia làm du lịch không?

Có

Không

Nếu có vui lòng trả lời tiếp B2 – B6:

Nếu không vui lòng trả lời B7 – B8:

B2: Gia đình Ông/Bà tham gia theo hình thức nào? (có thể chọn nhiều)

Tự tổ chức đón khách

Tham gia cùng HTX/tổ nhóm

Đón khách theo đoàn do doanh nghiệp/lữ hành kết nối

Khác:

B3 : Gia đình Ông/Bà đang cung cấp hoạt động nào cho khách? (có thể chọn nhiều)

Tham quan vườn/trang trại

Trải nghiệm làm nông

Ăn uống tại nhà/vườn

Bán nông sản/đặc sản/OCOP

Chụp ảnh/check-in

Khác:

B4. Thời điểm gia đình đón khách nhiều nhất là khi nào?

Mùa vụ (mùa quả/chính vụ)

Cuối tuần

dịp lễ/tết

Khác:

B5. Ông/Bà đánh giá mức độ hài lòng chung của khách khi đến trải nghiệm tại gia đình/vườn (nếu có) như thế nào?

Rất hài lòng

Hài lòng

Bình thường

Chưa hài lòng

Không rõ

B6. Khó khăn lớn nhất khi gia đình tham gia làm du lịch nông nghiệp là gì?

.....
.....

B7. Lý do gia đình chưa tham gia làm du lịch nông nghiệp là gì?

.....
.....

B8. Nếu có hỗ trợ phù hợp, gia đình Ông/Bà có sẵn sàng tham gia trong thời gian tới không?

.....
.....

PHẦN C: PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM DU LỊCH NÔNG NGHIỆP TẠI HUYỆN LỤC NGẠN

1. Theo Ông/Bà, địa phương mình có những tiềm năng và tài nguyên nổi bật nào để phát triển du lịch nông nghiệp?

.....
.....

2. Du lịch mang lại những lợi ích gì cho ông/bà?

.....
.....

3. Theo Ông/Bà, người dân địa phương hiện có thuận lợi và khó khăn gì khi tham gia làm du lịch nông nghiệp, đặc biệt về kỹ năng, kinh nghiệm và mức độ sẵn sàng tham gia?

.....
.....

4. Ông/Bà đánh giá như thế nào về cơ sở hạ tầng và cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ phát triển du lịch nông nghiệp tại địa phương hiện nay?

.....
.....

5. Theo Ông/Bà, công tác xúc tiến, quảng bá du lịch nông nghiệp của địa phương hiện nay đã hiệu quả chưa, và cần làm gì để thu hút khách tốt hơn?

.....
.....

6. Ông/Bà có nhận xét gì về chính sách, sự hỗ trợ của chính quyền và các bên liên quan, đồng thời có đề xuất gì để phát triển sản phẩm du lịch nông nghiệp tại địa phương trong thời gian tới?

.....
.....

Xin chân thành cảm ơn Ông/bà đã dành thời gian tham gia phỏng vấn

PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



Học viên phỏng vấn đại diện Hợp tác xã



Học viên phỏng vấn chính đại diện quyền địa phương



Ảnh học viên phỏng vấn du khách

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN**

Chương trình
**DU
LỊCH
MÙA
HÈ**

**Vải thiều
Lục Ngạn**

TINH HOA TRÁI CÂY VIỆT

06/6/2025
Tại sân vận động thôn Muối xã Giáp Sơn

20h00 - 20h15: Khai mạc
20h15 - 21h00: Chương trình nghệ thuật
21h00 - 21h30: Thi trình diễn người mặc trang phục vải thiều đẹp

07/6/2025
Tại sân vận động thôn Muối và vườn vải thôn Muối

07h30 - 08h00: Chương trình nghệ thuật chào mừng
08h00 - 09h00: Hội nghị xúc tiến thương mại vải thiều
09h00 - 09h30: Thi thu hái, đóng gói vải thiều
09h30 - 10h00: Thi chế biến đồ uống từ vải thiều
10h00 - 10h30: Phần thi cho khách du lịch
10h30 - 11h00: Tổng kết, trao giải



Ảnh chương trình Du lịch mùa hè “Vải thiều Lục Ngạn 2025”

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN



CHƯƠNG TRÌNH DU LỊCH MÙA HÈ

VẢI THIỀU LỤC NGẠN
TINH HOA TRÁI CÂY VIỆT

THỜI GIAN	NỘI DUNG	ĐỊA ĐIỂM
NGÀY 06 / 6 / 2025 (THỨ 6)		
20h00 - 20h15	Khai Mạc	Sân vận động thôn Muối xã Giáp Sơn
20h15 - 21h00	Chương trình Nghệ thuật	Sân vận động thôn Muối xã Giáp Sơn
21h00 - 21h30	Trình diễn Người mặc trang phục vải thiều đẹp	Sân vận động thôn Muối xã Giáp Sơn
NGÀY 07 / 6 / 2025 (THỨ 7)		
7h30 - 9h00	Hội nghị xúc tiến thương mại vải thiều	Sân Vận động thôn Muối xã Giáp Sơn
9h00 - 9h30	Thi thu hái, đóng gói vải thiều	Vườn vải thôn Muối
9h30 - 10h00	Thi chế biến đồ uống từ vải	Vườn vải thôn Muối
10h00 - 10h30	Phần thi cho khách du lịch	Vườn vải thôn Muối
10h30 - 11h00	Tổng kết, trao giải, chụp ảnh lưu niệm	Sân khấu sự kiện

BAN TỔ CHỨC



Ảnh chương trình du lịch mùa hè “Vải thiều Lục Ngạn – Tinh hoa trái cây Việt 2025”



Ảnh Chương trình du lịch “Lục Ngạn mùa vải chín năm 2023”



Ảnh Lễ hội Trái cây Bắc Ninh- Tinh hoa nông sản Việt 2025

11:02

HỢP TÁC XÃ THƯƠNG MẠI VÀ DU LỊCH TÂN QUANG
VÙNG SẢN XUẤT VÀI THIÊU
 THEO TIÊU CHUẨN VIETGAP
 MÃ SỐ VÙNG TRỒNG XUẤT KHẨU SANG TRUNG QUỐC

HTX THƯƠNG MẠI & DU LỊCH TÂN QUANG
 Đ.T: 0379.377.355 - 0984.179.662
 Độc - Xã Lục Ngạn, Tỉnh Bắc Ninh

HTX Thương mại và Du lịch Tân Quang
 197 người theo dõi • 4 đang theo dõi
 Hợp tác xã Thương mại và Du lịch Tân Quang, Lục Ngạn, Bắc Giang. Hotline: 0379.377.355

Đăng theo dõi Nhắn tin

Bài viết Giới thiệu Ảnh Xem thêm

Chi tiết

- Trang · Hợp tác xã nông nghiệp
- Chưa xếp hạng (0 lượt đánh giá)
- Xem thông tin giới thiệu của HTX Thương mại và

11:02

HTX Thương mại và Du lịch Tân Quang

Bài viết Giới thiệu Ảnh Xem thêm

HTX Thương mại và Du lịch Tân Quang đã cập nhật ảnh đại diện của mình.
 25 thg 6, 2025

ĐẶC SẢN VÀI THIÊU LỤC NGẠN


2

Thích Bình luận Chia sẻ

HTX Thương mại và Du lịch Tân Quang đã cập nhật ảnh bìa của họ.
 25 thg 6, 2025



10:59



HTX Lục Ngạn Xanh
 13 người theo dõi • 0 đang theo dõi

HTX Lục Ngạn Xanh chuyên cung cấp những sản phẩm sạch như Mỳ, mỳ chũ, bún, Long vại sấy, táo, vại thiêu,... với giá cả hợp lý với tất cả mọi người.


[Đang theo dõi](#) [Nhắn tin](#)

[Bài viết](#) [Giới thiệu](#) [Ảnh](#) [Xem thêm](#)

Chi tiết

- Trang · Hợp tác xã nông nghiệp
- Chưa xếp hạng (0 lượt đánh giá)
- Xem thông tin giới thiệu của HTX Lục Ngạn Xanh

Bài viết của HTX Lục Ngạn Xanh

 HTX Lục Ngạn Xanh
 10 thg 5, 2022

11:00

Cam, Bưởi, Trái cây tươi Lục Ngạn-Bắc...

[Bài viết](#) [Giới thiệu](#) [Ảnh](#) [Xem thêm](#)

 Cam, Bưởi, Trái cây tươi Lục Ngạn-Bắc Giang
 · Theo dõi
 12 thg 6, 2021

Vài quê tôi ❤️



641 20 bình luận

[Thích](#) [Bình luận](#) [Chia sẻ](#)

 Cam, Bưởi, Trái cây tươi Lục Ngạn-Bắc Giang
 · Đang theo dõi
 22 thg 1, 2021

Hình ảnh quảng bá sản phẩm trên các nền tảng truyền thông của huyện Lục Ngạn